



The Holy See

THÔNG ĐIỆP

FRATELLI TUTTI

CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG PHANXICÔ

VỀ TÌNH HUYNH ĐỆ VÀ TÌNH BẰNG HỮU XÃ HỘI

1. “*FRATELLI TUTTI*”[1] (Hỡi tất cả anh em): Thánh Phanxicô Assisi đã viết như thế khi ngỏ lời với các anh chị em của mình nhằm đề nghị một lối sống mang hương vị Tin Mừng. Tôi muốn nhấn mạnh đến một trong những lời khuyên của ngài, qua đó ngài kêu gọi phải có một tình yêu vượt khỏi các rào cản địa lý và không gian. Ngài bảo: hạnh phúc cho ai biết yêu người “dù người ở xa cách hay gần bên”[2]. Với những lời lẽ đơn sơ này, ngài diễn tả bản chất của mối tình huynh đệ cởi mở, cho phép nhìn nhận, tôn trọng và yêu mến mỗi người, dù về mặt thể lý họ không ở gần, hay dù cho họ sinh ra hay sống ở đâu đi chăng nữa.

2. Chính vị thánh của tình huynh đệ, của sự giản dị và niềm vui này, đã từng truyền cảm hứng để tôi viết Thông điệp *Laudato Si'*, nay lại thúc đẩy tôi viết tiếp Thông điệp mới này, về chủ đề tình huynh đệ và tình bằng hữu xã hội. Thật vậy, thánh Phanxicô không những cảm thấy mình là anh em với mặt trời, biển khơi và các ngọn gió mà còn biết nối kết hơn nữa với những gì đã làm nên xác thân của mình. Ngài đã gieo vãi niềm an bình ở khắp nơi, đồng thời sống cận kề những người nghèo khó, những người bị bỏ rơi, những người bệnh, những người sống bên lề xã hội, những người rốt hết.

KHÔNG BIÊN GIỚI

3. Trong cuộc đời thánh Phanxicô, có một tình tiết cho chúng ta thấy tấm lòng rộng mở không biên giới của ngài, một tấm lòng có khả năng vượt khỏi những cách biệt về xuất xứ, quốc tịch, màu da hay tôn giáo. Đó là câu chuyện ngài viếng thăm vị Sultan Malik-el-Kamil tại Ai Cập. Cuộc viếng thăm vô cùng gian nan, đòi hỏi phải cố gắng rất nhiều vì ngài thì nghèo khó, phương tiện thì ít ỏi,

mà đường xá lại cách trở xa xôi, ngôn ngữ bất đồng, văn hóa và tôn giáo khác biệt... Cuộc hành trình này, vào thời điểm của cuộc Thập tự chinh lúc đó, càng cho thấy thánh Phanxicô muốn biểu lộ hơn nữa tình yêu vĩ đại, ước ao ôm trọn tất cả mọi người. Lòng trung thành của ngài với Chúa cũng ngang bằng với tình yêu mà ngài dành cho anh chị em mình. Bất chấp những khó khăn hiểm nguy chực chờ, thánh Phanxicô đã đến gặp vị Sultan với cùng một tâm thế ngài đã truyền đạt cho các môn đệ của mình là: đừng chối bỏ căn tính của mình khi “đang sống giữa những người Xaraxen và những người không tin khác. Đừng tranh luận cũng đừng cãi cọ, nhưng vì Chúa hãy chịu đựng mọi người”[3]. Trong bối cảnh lúc đó, đây quả là lời khuyên bảo phi thường. Chúng ta có ấn tượng rằng tám trăm năm trước đây, thánh Phanxicô đã biết kêu mời hãy tránh mọi hình thức thù địch hoặc xung đột, cũng như hãy sống “nhẫn nại” cách khiêm tốn và huynh đệ với những người không cùng chia sẻ niềm tin với mình.

4. Thánh Phanxicô đã không gây ra những cuộc chiến lý lẽ nhằm áp đặt các luận thuyết nhưng ngài thông truyền tình yêu Thiên Chúa. Ngài hiểu rằng “Thiên Chúa là tình yêu và ai ở trong tình yêu thì ở trong Thiên Chúa (1 Ga 4, 16). Như vậy, ngài trở nên người cha khơi dậy giấc mơ về một xã hội huynh đệ, vì “chỉ có ai sẵn sàng đến bên người khác trong chính nếp sống của họ nhằm giúp họ trở nên chính mình nhiều hơn chứ không nhằm lôi kéo họ về phía mình, mới thực sự được gọi là cha”[4]. Trong thế giới với những tháp canh và thành lũy thời bấy giờ, các đô thị bị chia năm xẻ bảy bởi các cuộc chiến đẫm máu giữa các dòng tộc quyền thế, và cảnh nghèo đói lan tràn khắp các vùng nông thôn. Tuy nhiên, lúc đó, thánh Phanxicô đã đón nhận được sự bình an nội tâm đích thực và giải thoát mình khỏi mọi ước muốn thống trị người khác, trở thành một trong những người rốt hết và tìm cách sống hòa hợp với tất cả. Chính ngài đã truyền cảm hứng cho thông điệp này.

5. Tôi luôn ưu tư đến các vấn đề liên quan đến tình huynh đệ và tình bằng hữu xã hội. Những năm gần đây, trong các dịp khác nhau, tôi đã nhiều lần đề cập về chủ đề đó. Trong thông điệp này, tôi muốn thu tập và đặt chúng trong bối cảnh suy tư rộng lớn hơn. Hơn nữa, nếu khi soạn thảo *Laudato Si'* tôi đã tìm được nguồn cảm hứng từ người anh em của tôi là Đức Bartôlômêô, Thượng phụ Chính Thống giáo, người đã mạnh mẽ cổ vũ cho việc bảo vệ thế giới tạo thành, thì lần này, tôi cảm thấy được khích lệ bởi vị Đại giáo trưởng Ahmad Al-Tayyeb mà tôi đã gặp tại Abu Dhabi để nhắc lại rằng Thiên Chúa “đã tạo dựng nhân loại, tất cả đều bình đẳng với nhau về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, đồng thời đã kêu gọi họ cùng chung sống với nhau như anh em”[5]. Đây không đơn thuần là một hành động ngoại giao nhưng là một suy tư phát sinh từ cuộc đối thoại và dựa trên một cam kết chung. Thông điệp này đã tiếp thu và khai triển những chủ đề quan trọng được đề cập trong văn kiện mà chúng tôi đã cùng nhau ký kết. Và ở đây tôi cũng đã trình bày, theo ngôn phong của tôi, những ý kiến từ các thư từ, tài liệu mà nhiều người và nhiều nhóm trên khắp thế giới gửi đến cho tôi.

6. Những trang sau đây không nhằm trình bày một giáo huấn hoàn chỉnh về tình yêu thương huynh đệ nhưng muốn tập chú vào chiều kích phổ quát và rộng mở của tình huynh đệ dành cho tất cả mọi người. Tôi xin cống hiến thông điệp xã hội này như một đóng góp khiêm tốn cho việc tiếp tục suy tư, với hy vọng rằng khi đối mặt với những toan tính thời nay nhằm loại trừ hoặc bỏ

mặc con người, chúng ta có thể phản ứng bằng một viễn tượng mới mẻ về tình huynh đệ và bằng hữu xã hội, mà không dừng lại ở ngôn từ. Mặc dầu thông điệp này được viết từ niềm xác tín Kitô giáo vốn nâng đỡ và nuôi dưỡng tôi, nhưng tôi cũng đã tìm cách biến những suy tư này thành lời mời gọi đối thoại giữa tất cả những người thiện chí.

7. Hơn nữa, khi thông điệp này đang được soạn thảo, cơn đại dịch Covid-19 bất ngờ bùng phát, phơi trần những an toàn giả tạo của chúng ta. Các phản ứng rời rạc của các quốc gia cho thấy rõ họ không có khả năng phối hợp hành động. Mặc dầu các quốc gia có được siêu kết nối, người ta vẫn chứng kiến một sự phân mảnh khiến việc giải quyết các vấn đề sát sườn của chúng ta càng thêm khó khăn. Nếu có ai đó tin rằng vấn đề chỉ là phải bảo đảm làm sao cho có được một sự vận hành tốt hơn những gì trước đây chúng ta đã làm hoặc tin rằng bài học duy nhất cần rút ra đó là phải cải thiện các hệ thống và những quy định hiện hành, thì đích thị đây là một kẻ bịt tai nhắm mắt chối bỏ thực tại.

8. Tôi ước mong rằng trong thời đại hiện nay, bằng cách thừa nhận phẩm giá của mỗi con người, chúng ta có thể góp phần làm sống lại khát vọng phổ quát về tình huynh đệ. Tất cả cùng chung tay: “Đây là bí quyết tuyệt hảo để ước mơ và biến đời ta thành một cuộc phiêu lưu kỳ thú. Không ai có thể đơn độc đương đầu với cuộc đời. [...] Chúng ta cần có một cộng đồng để được nâng đỡ và được hỗ trợ, đồng thời trong cộng đồng đó chúng ta giúp nhau nhìn về phía trước. Mơ ước cùng nhau quan trọng biết mấy! [...] Khi đơn độc, người ta có nguy cơ thấy những ảo ảnh, thấy những gì không có thật; còn ước mơ là do cùng nhau tạo nên”[6]. Vậy chúng ta hãy ước mơ như một nhân loại duy nhất, như những người du hành cùng chia sẻ một thân xác con người, như những đứa con của cùng một đất mẹ, vốn là ngôi nhà chung của chúng ta, mỗi người với sự phong phú của niềm tin và những xác tín của mình, mỗi người với cung giọng riêng của mình, tất cả đều là anh em.

CHƯƠNG MỘT

BÓNG TỐI CỦA MỘT THẾ GIỚI KHÉP KÍN

9. Tôi không có ý thực hiện một phân tích rất ráo hay một nghiên cứu toàn diện về mọi thực tại đang xảy ra, mà chỉ đề nghị chúng ta hãy chú ý đến một số những xu hướng của thế giới hiện nay đang cản trở sự thăng tiến của tình huynh đệ phổ quát.

NHỮNG GIẤC MƠ TAN VỠ

10. Sau nhiều thập niên, dường như thế giới đã rút ra được bài học từ những cuộc chiến tranh và thất bại, để rồi dần dần hướng đến nhiều hình thức hòa hợp mới. Chẳng hạn, đã có những tiến triển trong việc thực hiện giấc mơ một châu Âu thống nhất có khả năng thừa nhận những cội rễ chung và hân hoan đón nhận sự đa dạng phong phú của nó. Chúng ta nhớ đến “niềm xác tín vững chắc của các vị sáng lập Liên hiệp châu Âu, họ đã mường tượng ra một châu Âu tương lai đặt nền

tăng trên khả năng cùng nhau làm việc để vượt thắng các chia rẽ cũng như cổ vũ hòa bình và hiệp thông giữa tất cả các dân tộc trên lục địa này”[7]. Cũng vậy, niềm mong ước hòa hợp châu Mỹ Latinh đã được củng cố, đồng thời những bước khởi đầu đã được tiến hành. Tại một số quốc gia và khu vực khác, các nỗ lực hòa giải và thiết lập mối quan hệ hữu nghị đã gặt hái được nhiều thành quả, bên cạnh đó các nỗ lực khác cũng tỏ ra có nhiều hứa hẹn.

11. Tuy nhiên, những diễn tiến lịch sử cũng cho thấy có dấu hiệu xấu đi. Các xung đột xưa cũ xem ra đã lùi vào dĩ vãng nay đang bùng phát trở lại, các hình thức chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, cực đoan, thù hằn và hiếu chiến đang trỗi dậy. Tại một số nước, ý tưởng đoàn kết dân tộc và thống nhất quốc gia, do ảnh hưởng của các ý thức hệ, đã tạo ra những hình thức vị kỷ mới cũng như đã xóa bỏ ý thức xã hội dưới chiêu bài bảo vệ lợi ích quốc gia. Điều này nhắc chúng ta nhớ rằng “mỗi thể hệ phải đảm nhận những cuộc đấu tranh cũng như những thành tựu của các thể hệ đi trước và nâng lên những tầm mức cao hơn nữa. Đây là con đường. Điều thiện hảo, cũng như tình yêu, công lý và sự liên đới không cứ giành được một lần là có mãi nhưng phải chinh phục mỗi ngày. Không thể thỏa mãn với những gì đã đạt được trong quá khứ và mặc sức tận hưởng như thể chúng ta chẳng biết gì về tình cảnh của biết bao anh chị em đang phải chịu đựng những bất công khiến tất cả chúng ta đều bị chất vấn”[8].

12. “Mở ra với thế giới” là kiểu nói được các ngành kinh tế và tài chính ưa chuộng và ngày càng được sử dụng để nói đến việc mở cửa vì quyền lợi nước ngoài hoặc để các thể lực kinh tế được tự do đầu tư vào mọi quốc gia mà không gặp trở ngại hay rắc rối nào. Nền kinh tế toàn cầu lợi dụng các xung đột địa phương và việc thờ ơ với thiện ích chung để áp đặt một mẫu hình văn hóa duy nhất. Nền văn hóa này thống nhất thế giới nhưng chia rẽ loài người và các quốc gia, bởi lẽ “khi càng toàn cầu hóa, xã hội làm chúng ta gần nhau nhưng không làm chúng ta thành anh em với nhau”[9]. Chúng ta cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết trong một thế giới mang tính chất đám đông, một thế giới đề cao lợi ích cá nhân và hạ giá chiều kích của đời sống cộng đồng. Đúng là có nhiều thị trường nhưng nơi đó con người chỉ đóng vai trò người tiêu thụ hay người qua lại đứng nhìn. Về nguyên tắc, sự phát triển của xu hướng toàn cầu hóa này tạo thuận lợi cho những vùng có căn tính mạnh mẽ hơn, có khả năng tự bảo vệ mình, nhưng lại có khuynh hướng làm suy giảm căn tính của những khu vực yếu kém và nghèo khó hơn, khiến những khu vực này dễ bị tổn thương và phụ thuộc hơn nữa. Như thế nền chính trị càng thêm suy nhược so với các thể lực kinh tế xuyên quốc gia, chuyên áp dụng chính sách “chia để trị”.

Tận kết của ý thức lịch sử

13. Cũng bởi lý do này, cảm thức lịch sử ngày càng lu mờ, dẫn đến thực trạng phân rã hơn nữa. Có một loại “giải gỡ cấu trúc” đang thấm nhiễm nền văn hóa ngày nay, theo đó nài đến tự do, con người muốn làm nên tất cả từ số không. Điều nó để lại chỉ là nhu cầu tiêu thụ vô độ với các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân cạn kiệt. Chính trong bối cảnh này, tôi muốn khuyên nhủ các bạn trẻ rằng: “Nếu có ai đó đề nghị và bảo các bạn đừng ngó ngàng lịch sử, đừng đếm xỉa đến kinh nghiệm của các bậc lão thành, khinh miệt quá khứ và chỉ hướng đến tương lai do họ bày vẽ ra, thì

đây chẳng phải là một thứ cạm bẫy khiến các bạn dễ dàng làm theo những gì họ chỉ dạy hay sao? Những kẻ này muốn các bạn trở nên hời hợt, mất gốc, hoài nghi, để rồi chỉ tin tưởng vào những hứa hẹn và làm theo những ý đồ của họ. Đó chính là cách thức các ý thức hệ thuộc đủ loại sắc màu vận hành: chúng phá hủy (hay giải gỡ cấu trúc) mọi khác biệt để rồi có thể thống trị mà không bị phản kháng. Để làm được như thế, chúng cần các bạn trẻ khinh thường lịch sử, chối bỏ di sản tinh thần và nhân văn phong phú do các thế hệ cha ông truyền lại, không biết gì về những chuyện đã xảy ra trước đây”[10].

14. Đây chính là những hình thức thực dân mới về văn hóa. Chúng ta đừng quên rằng “các dân tộc từ bỏ truyền thống của mình và, vì sinh bất chước hay bị bạo lực kích động, vì sự cầu thả tặc trách hay do vô tâm vô tình mà chịu để cho người ta cướp đoạt linh hồn của mình, thì rốt cuộc những dân tộc này không chỉ đánh mất bản sắc tinh thần mà cả chuẩn mực đạo đức của mình, để rồi cuối cùng sẽ đánh mất cả sự độc lập về tư tưởng, kinh tế và chính trị nữa”[11]. Một phương cách hữu hiệu làm suy yếu ý thức lịch sử, tư duy phê phán, ý muốn dẫn thân cho công lý và những tiến trình hòa hợp là làm cho những từ ngữ quan trọng mất đi ý nghĩa hay đánh tráo khái niệm của chúng. Ngày nay, những từ ngữ như dân chủ, tự do, công bằng, thống nhất thực sự có ý nghĩa gì? Chúng đã bị bóp méo và xuyên tạc để sử dụng như công cụ thống trị, như những câu chữ sáo rỗng có thể dùng để biện minh cho bất kỳ hành động nào.

THIẾU KẾ HOẠCH CHO MỌI NGƯỜI

15. Cách tốt nhất để thống trị và giành quyền kiểm soát dân chúng là gieo rắc nỗi tuyệt vọng và chán nản, ngay cả trên danh nghĩa bảo vệ một số giá trị nào đó. Ngày nay, ở nhiều quốc gia, việc cường điệu, cực đoan hoá và gây phân hoá đã trở thành những công cụ chính trị. Người ta sử dụng nhiều chiến lược khác nhau như chế giễu, gây nghi ngờ và kích bác, để phủ nhận quyền sống hoặc quyền có ý kiến của người dân. Phần đóng góp của họ cho sự thật và các giá trị khác không được nhìn nhận, chính vì thế xã hội hóa ra nghèo nàn và bị cường quyền ngạo mạn khuất phục. Khi đó chính trị không còn là cuộc thảo luận lành mạnh liên quan đến những kế hoạch dài hạn nhằm cải thiện điều kiện dân sinh và gia tăng thiện ích chung nhưng chỉ là các mảnh khoe của thị trường, nhắm đến kết quả tức thời hòng tìm cách hữu hiệu nhất để triệt hạ người khác. Trong cuộc đấu đá hèn hạ này, việc tranh luận hóa thành tình trạng thường xuyên tranh cãi và đối kháng.

16. Trong các cuộc xung đột lợi ích khiến người ta đối đầu với nhau và chiến thắng đồng nghĩa với việc loại trừ đối thủ, thì làm thế nào có thể nâng tầm nhìn để nhận ra người lân cận hoặc trợ giúp những ai quy ngã trên đường? Ngày nay, người ta cho rằng việc đặt kế hoạch cho những mục tiêu lớn lao nhằm thăng tiến toàn thể nhân loại có vẻ là điều hoang tưởng. Khoảng cách giữa chúng ta ngày càng xa, trong khi cuộc hành trình gian nan và chậm chạp tiến đến một thế giới ngày càng hợp nhất và công bằng lần nữa đành phải quay gót thoái lui, không thể chống cưỡng.

17. Chăm sóc cho thế giới nơi chúng ta đang sống đồng nghĩa với chăm sóc chính mình. Nhưng

chúng ta cần phải liên đới với nhau thành một cái “chúng ta” đang cùng chung sống trong một Ngôi nhà. Các thế lực kinh tế chỉ cần lợi nhuận càng nhanh càng tốt nên không quan tâm đến việc chăm sóc trái đất. Các tiếng nói gióng lên yêu cầu chiếu cố đến môi trường thường phải im bật hoặc bị chế giễu bằng các lập luận bề ngoài xem ra hợp lý nhưng thực chất chỉ là bức màn che đậy những lợi ích đặc thù. Trong nền văn hóa mà chúng ta đang tạo ra này, một nền văn hóa nông cạn và thiển cận vì chỉ tìm kiếm những thành quả tức thời, thiếu viễn kiến chung, “có thể thấy trước rằng, việc cạn kiệt một số các nguồn tài nguyên, chính là bối cảnh để từng bước dễ dàng đưa đến những cuộc chiến mới, viện cố những yêu sách cao thượng”[12].

Một thế giới “thải bỏ”

18. Dường như có một số thành phần nhân loại đáng phải hy sinh để tạo thuận lợi cho những thành phần khác được xem là đáng được sống thanh thoi. Rốt cuộc, “con người không còn được xem như có giá trị tối cao phải được tôn trọng và bảo vệ, nhất là những người nghèo hoặc khuyết tật, chưa hữu dụng (như trẻ sắp ra đời), hoặc chẳng còn ích lợi gì (như người già cả). Chúng ta đã trở nên vô cảm với mọi kiểu hoang phí, trước hết là hoang phí thực phẩm, loại hoang phí tệ hại nhất”[13].

19. Việc giảm tỉ lệ sinh đẻ, dẫn đến dân số bị lão hóa, cùng với việc người già bị bỏ mặc trong đơn độc tủi buồn, cho thấy rằng chúng ta đã quy tất cả về cho mình, chỉ có lợi ích cá nhân của chúng ta là quan trọng. Vì thế, “đối tượng thường bị thải bỏ không chỉ là thực phẩm hoặc những thứ dư thừa mà là chính con người”[14]. Chúng ta đã thấy những gì mà người già cả tại một số nơi trên thế giới đã phải hứng chịu vì virus Corona. Lẽ ra họ đã không phải chết như thế. Nhưng trong thực tế, những điều tương tự đã từng xảy ra vì những đợt nắng nóng và trong những tình huống khác, người già đã bị bỏ rơi một cách tàn nhẫn. Chúng ta không nhận ra rằng khi cô lập người già và bỏ mặc họ cho người khác chăm sóc, không có sự gần gũi và quan tâm thích đáng của các thành viên trong gia đình, là chúng ta đã làm cho chính gia đình bị biến dạng và bần cùng. Hơn nữa, rốt cuộc điều này còn tước mất của người trẻ sự nối kết cần thiết với nguồn cội và với di sản không ngoan mà họ không thể tự mình đạt được.

20. Việc loại bỏ này tỏ lộ ra bằng nhiều cách, chẳng hạn nổi ám ảnh phải cắt giảm chi phí lao động mà không tính đến những hậu quả tai hại của nó, bởi lẽ nạn thất nghiệp kéo theo sẽ làm gia tăng tầng lớp nghèo[15]. Thêm vào đó, việc loại trừ này mang lấy những hình thức tệ hại tưởng như không còn tồn tại, như tệ phân biệt chủng tộc, cứ ẩn nấp và rồi lại liên tục xuất hiện. Những biểu hiện phân biệt chủng tộc vẫn còn khiến chúng ta xấu hổ khi cho thấy những gì được gọi là tiến bộ xã hội thì không có thực chất cũng không bền vững.

21. Một số quy định kinh tế tỏ ra hữu hiệu cho việc tăng trưởng, nhưng đối với việc phát triển con người toàn diện thì không[16]. Gia tăng sự giàu có, nhưng kèm theo những bất bình đẳng; và như thế những hình thức nghèo đói mới lại nảy sinh”[17]. Khi cho rằng thế giới ngày nay đã xóa đói giảm nghèo ấy là người ta đo lường sự nghèo đói với những tiêu chuẩn cũ không hề thích ứng với

những thực tại ngày nay. Thực vậy, chẳng hạn trước đây người ta không xem việc thiếu điện năng là dấu hiệu nghèo đói cũng như là nguồn gốc của sự lầm than khổ cực. Sự nghèo đói luôn phải được hiểu và xem xét trong bối cảnh những gì có thể thực hiện vào thời điểm lịch sử nhất định.

Nhân quyền không đủ phổ quát

22. Rõ ràng là nhiều khi trong thực tế, không có bình đẳng nhân quyền cho hết mọi người. Việc tôn trọng nhân quyền “là [...] điều kiện tiên quyết để một quốc gia có thể phát triển về mặt xã hội và kinh tế. Khi phẩm giá con người được tôn trọng, và khi quyền con người được công nhận và bảo đảm, thì năng lực sáng tạo và mối tương quan với người khác sẽ được triển nở, đồng thời nhân cách con người sẽ được phát huy qua những việc làm nhằm đến thiện ích chung”[18]. Tuy nhiên “khi chú ý quan sát xã hội hiện nay, chúng ta nhận ra vô vàn mâu thuẫn, nhiều đến nỗi chúng ta phải đặt ra câu hỏi liệu rằng phẩm giá bình đẳng của mọi người, vốn được long trọng công bố bảy mươi năm trước, có thực sự là được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và đề cao trong mọi hoàn cảnh hay không. Trong thế giới ngày nay, còn tồn tại nhiều hình thức bất công, được dung dưỡng bởi quan điểm coi thường con người và mô hình kinh tế dựa trên lợi nhuận, sẵn sàng bóc lột, loại trừ và thậm chí tiêu diệt người khác. Trong lúc một phần nhân loại sống trong nhung lụa thì một phần khác thấy phẩm giá mình bị chối bỏ, bị khinh khi hoặc bị chà đạp và các quyền căn bản thì không được nhìn nhận hoặc bị vi phạm”[19]. Những chuyện này nói lên điều gì về quyền bình đẳng dựa trên chính phẩm giá của con người?

23. Cũng vậy, cơ cấu tổ chức xã hội trên toàn thế giới còn lâu mới phản ánh được việc phụ nữ hoàn toàn có phẩm giá và quyền lợi y như nam giới. Lời lẽ khẳng định là một chuyện, còn quyết định và thực tế lại là một chuyện khác. Thực vậy, “các phụ nữ trong hoàn cảnh bị loại trừ, ngược đãi và bạo lực phải chịu nghèo khổ gấp đôi bởi vì họ thường là những người ít có khả năng nhất trong việc bảo vệ quyền lợi của mình”. [20]

24. Chúng ta cũng thừa nhận rằng “mặc dù cộng đồng quốc tế đã đạt được nhiều thỏa thuận nhằm chấm dứt tình trạng nô lệ dưới mọi hình thức, và đang tiến hành nhiều kế hoạch chống lại hiện tượng này, nhưng ngày nay vẫn còn hàng triệu người, bao gồm trẻ em, nam giới và nữ giới thuộc mọi lứa tuổi, bị tước mất tự do và bị cưỡng bách sống trong những điều kiện không khác gì nô lệ. [...] Thời nay cũng như thời xưa, gốc rễ của nô lệ chính là quan điểm cho phép đối xử với con người như đồ vật. [...] Có thể là do bị ép buộc, bị lừa dối, hay bị cưỡng bức về thể lý hay tâm lý, con người, vốn được tạo dựng theo hình ảnh và giống với Thiên Chúa, bị tước đoạt tự do, bị bán, bị biến thành vật sở hữu trong tay người khác. Khi đó họ bị đối xử như phương tiện chứ không như mục đích”. Các mạng lưới tội phạm “thường sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại để mời chào các thanh niên thiếu nữ, những người còn rất trẻ, ở khắp nơi trên thế giới”[21]. Thật là đau buồn không còn gì để nói khi các phụ nữ bị hành hạ ngược đãi và rồi bị buộc phải phá thai. Thật là kinh khủng gớm ghê khi có người bị bắt cóc để bán nội tạng. Chính vì thế nạn buôn người và những hình thức nô lệ hiện đại trở thành vấn đề toàn cầu phải được toàn thể nhân loại nghiêm túc xem xét, vì “các tổ chức tội phạm sử dụng mạng lưới toàn cầu để đạt mục tiêu của họ, nên các

dẫn thân nhằm xóa bỏ hiện tượng này phải là một nỗ lực chung và cũng có tính toàn cầu với sự cộng tác của các thành phần khác nhau trong xã hội”[22].

Xung đột và sợ hãi

25. Chiến tranh, tấn công khủng bố, bách hại sắc tộc và tôn giáo cùng biết bao tổn hại khác cho phẩm giá con người được phán xét khác nhau, tùy theo mức độ chúng có phù hợp trong việc mang lại lợi ích nào đó, nhất là lợi ích kinh tế. Chúng được xem là đúng chừng nào còn hợp theo ý muốn nhà cầm quyền, và một khi không hợp ý nhà cầm quyền thì không còn đúng nữa. Thật đáng buồn khi phải nói rằng các tình trạng bạo lực này “đã trở nên phổ biến đến nỗi có thể gọi là “cuộc thể chiến thứ ba” phân mảnh”[23].

26. Không có gì phải ngạc nhiên về việc này nếu chúng ta nhận ra rằng những chân trời chung hợp nhất chúng ta không còn tồn tại nữa; thật vậy, trong mọi cuộc chiến, điều đầu tiên bị hủy hoại là “thiên hướng xây dựng tình huynh đệ vốn gắn liền với bản tính của gia đình nhân loại”. Hậu quả là, “mọi tình huống gây đe dọa đều làm nảy sinh mối hoài nghi và thúc đẩy con người rút lui vào vùng an toàn của mình”[24]. Và như vậy, thế giới chúng ta loay hoay trong một mâu thuẫn dị thường: chúng ta tin rằng chúng ta có thể giữ cho thế giới ổn định và hòa bình bằng một cảm thức an toàn giả tạo, chỉ dựa trên nỗi sợ hãi và ngờ vực”[25].

27. Thật là nghịch lý, có những nỗi sợ hãi từ bao đời truyền lại dẫn cho kỹ thuật có phát triển thế nào cũng không vượt thắng được; ngược lại, chúng có thể ẩn nấp và lan truyền đằng sau những kỹ thuật tân kỳ. Ngày nay cũng thế, bên ngoài các bức thành cổ xưa là vực thẳm, là lãnh địa xa lạ, là sa mạc hoang vu. Bất cứ điều gì phát xuất từ đó đều không thể tin cậy, vì đều xa lạ, không quen biết, không quen thuộc, không thuộc thành phần ngôi làng của chúng ta. Đó là vùng đất của “man dân”, là kẻ chúng ta phải lo phòng thủ đối địch bằng mọi giá. Do đó, các bức tường mới được dựng lên để tự vệ, để rồi thế giới bên ngoài không còn tồn tại mà chỉ còn thế giới “của tôi”, đến nỗi những người khác, không còn được xem là con người với phẩm giá không thể tước bỏ, nhưng chỉ là “bọn chúng” mà thôi. Chúng ta lần nữa lại đương đầu với “con cá mồi tạo ra nền văn hóa xây tường, dựng lên những bức tường, những bức tường trong tim, những bức tường trên thực địa, để ngăn ngừa cho khỏi giáp mặt với các nền văn hóa khác, với các dân tộc khác. Và rốt cuộc những người xây tường sẽ thành nô lệ bên trong chính những bức tường họ đã dựng xây. Họ không có chân trời để hướng tới, bởi thiếu vắng sự đối trao với các nền văn hóa khác, với những người khác”[26].

28. Nỗi cô đơn, sợ hãi và bất an của những người cảm thấy bị hệ thống này bỏ rơi tạo nên thừa đất màu mỡ cho vô số thế lực “mafia”. Thực vậy, những thế lực này nảy sinh bởi lẽ chúng tự cho mình là người bảo vệ những kẻ bị lãng quên, thông thường bằng cách trợ giúp họ ngay cả khi mục đích của chúng là nhắm đến những lợi ích bất chính. Cũng có một kiểu dẫn dắt mang đặc điểm mafia, bằng cách lôi kéo người ta vào một cộng đồng mang tính huyền bí giả tạo, với những ràng buộc phụ thuộc và gấn bó rất khó thoát khỏi.

TOÀN CẦU HÓA VÀ SỰ TIẾN BỘ KHÔNG CÓ LỘ TRÌNH CHUNG

29. Vị Đại giáo trưởng Ahmad Al-Tayyeb và tôi không phải là không biết đến những thành tựu đã đạt được, nhất là tại những nước đang phát triển, trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, y tế, công nghiệp và phúc lợi. Tuy nhiên, “chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, cùng với các tiến bộ lớn lao, có giá trị và mang tính lịch sử này, cũng đang diễn ra tình trạng suy thoái đạo đức, ảnh hưởng đến các hoạt động quốc tế và làm cho những giá trị tinh thần cùng ý thức trách nhiệm bị suy yếu đi. Tất cả những điều này góp phần lan rộng một cảm giác nói chung là chán nản, đơn độc và tuyệt vọng. [...] Những điểm nóng đối kháng phát sinh, kho vũ khí và đạn dược được tăng cường, trong bối cảnh thế giới đầy tràn những bất ổn, thất vọng, lo sợ tương lai, hơn nữa còn bị lèo lái bởi những lợi ích kinh tế hạn hẹp”. Chúng tôi cũng chú ý đến “những cuộc khủng hoảng chính trị nổi bật, những bất công và tình trạng thiếu công bằng trong việc phân phối nguồn tài nguyên thiên nhiên. [...] Đối diện với các cuộc khủng hoảng trên, khiến hàng triệu trẻ em gầy gò xơ xương chết vì nghèo đói, mà trên bình diện quốc tế chỉ thấy bao trùm một sự im lặng không thể chấp nhận”[27]. Trước bức tranh toàn cảnh này, dù với nhiều tiến bộ không thể phủ nhận, cũng không thấy có một lộ trình thực sự mang tính người.

30. Trong thế giới ngày nay, cảm thức thuộc về một gia đình nhân loại duy nhất ngày càng phai nhạt, và giấc mơ cùng chung tay xây dựng công lý và hòa bình dường như là điều không tưởng, lỗi thời. Ngự trị thay vào đó là sự lãnh đạm tiện lợi, lạnh lùng và bao trùm, phát sinh từ mối thất vọng sâu xa, mối thất vọng được che giấu bởi sự xảo trá của ảo tưởng tin rằng chúng ta toàn năng, mà không nhận thấy tất cả chúng ta đều trên cùng một con thuyền. Ảo tưởng này chẳng quan tâm gì đến những giá trị cao cả của tình huynh đệ, dẫn chúng ta đến “một loại hoài nghi. Đó là cơn cảm dỗ chúng ta phải đối diện nếu đi vào con đường chán nản hoặc thất vọng. [...] Sự cô lập hoặc khép kín trong những mối bận tâm của chính mình không bao giờ là con đường mang lại hy vọng và dẫn đến đổi mới. Con đường này chỉ được hình thành bởi sự gần gũi, bởi nền văn hóa gặp gỡ. Hãy nói không với sự cô lập và nói có với sự gần gũi. Hãy nói không với văn hóa đối kháng và nói có với văn hóa gặp gỡ”[28].

31. Thế giới vẫn đang tiến bước mà không có lộ trình chung. Trong thế giới đó chúng ta ngày càng cảm thấy một bầu khí ở đó “khoảng cách giữa mối bận tâm về phúc lợi cá nhân và sự thịnh vượng của nhân loại dường như ngày càng dang rộng đến nỗi có sự phân cách hoàn toàn giữa cá nhân và cộng đồng nhân loại. [...] Bởi lẽ cảm thấy phải sống chung với nhau là một chuyện, còn quý trọng sự phong phú và vẻ đẹp của những hạt mầm của cuộc sống chung phải được chung sức tìm kiếm và vun trồng lại là một chuyện khác”[29]. Kỹ thuật không ngừng phát triển, nhưng “sẽ tốt đẹp biết mấy nếu cùng với những tiến bộ sáng tạo của khoa học kỹ thuật, xã hội ngày càng thêm bình đẳng và gắn kết với nhau. Và cũng tốt đẹp biết bao, nếu đang khi phát hiện ra những hành tinh xa lạ, chúng ta cũng lại phát hiện ra nhu cầu của các anh chị em sống chung quanh ta”[30].

CÁC ĐẠI DỊCH VÀ CÁC THẢM HỌA KHÁC TRONG LỊCH SỬ

32. Quả thực, thảm kịch toàn cầu như đại dịch Covid-19, có lúc đã khơi lại rõ ràng cái cảm thức chúng ta là một cộng đồng thế giới đang chèo chống trên cùng một con thuyền, ở đó điều gây tổn hại cho người này cũng gây tổn hại cho những người khác. Phải nhớ rằng nếu có được cứu, thì tất cả cùng được cứu, chứ chẳng có chuyện chỉ riêng ai đó được cứu. Đó là lý do trước đây tôi đã nói “cơn bão tố lộ cho thấy tính dễ bị tổn thương của chúng ta và cũng cho thấy những thứ an toàn giả tạo vô ích, mà chúng ta dựa vào để sắp đặt lịch trình hằng ngày, để xây dựng các dự án, thói quen và ưu tiên của chúng ta... Trong cơn giông bão này, những kiểu mẫu mặt nạ che giấu cái tôi của chúng ta, cái tôi luôn chăm chút đáng vẻ bên ngoài, đã bị rơi xuống, để rồi một lần nữa cho thấy cái cảm thức không thể chối bỏ và cũng thật tốt lành, đó là cảm thức chúng ta thuộc về nhau, là anh chị em với nhau”[31].

33. Nhờ tiến bộ công nghệ, thế giới không ngừng hướng tới một nền kinh tế với “những tổn hại cho con người và xã hội” ngày càng thấp. Có người thuyết phục chúng ta tin rằng cứ có thị trường tự do thì mọi thứ đều sẽ đầu vào đó. Tuy nhiên, với cú đánh sấm sét và bất ngờ của cơn đại dịch khó kiểm soát này, chúng ta buộc phải quan tâm đến con người, đến mọi người, thay vì chỉ nghĩ đến lợi ích của một số người. Ngày nay, chúng ta có thể nhận ra rằng “chúng ta đã ấp ủ những giấc mơ long lanh bay bổng, nhưng rốt cuộc lại thường rối trí, khép kín và cô độc. Chúng ta tích góp để có nhiều mối liên kết trên mạng nhưng lại đánh mất hương vị huynh đệ. Chúng ta mong tìm những kết quả nhanh chóng và chắc chắn nhưng lại bị áp lực vì thiếu kiên nhẫn và lo âu. Trở thành tù nhân cho thực tại ảo, chúng ta đã đánh mất hương vị của đời thực”[32]. Nỗi thống khổ, tình trạng bấp bênh, sự sợ hãi và việc nhận ra các giới hạn của bản thân, do cơn đại dịch gợi lên, càng khiến chúng ta phải cấp bách suy nghĩ lại về lối sống, các mối tương quan, cách tổ chức xã hội, và trên hết là ý nghĩa hiện hữu của chúng ta.[33]

34. Nếu mọi thứ đều có ảnh hưởng đến nhau, thật khó mà nghĩ rằng thảm họa mang tính toàn cầu này lại không liên quan gì đến cách chúng ta tiếp cận thực tại, khi cứ nhất định cho rằng chúng ta là chủ nhân tuyệt đối của chính cuộc đời mình và của tất cả những gì đang tồn tại. Tôi không muốn nói đây là do thần thánh trừng phạt. Cũng không cần phải khẳng định rằng những tổn hại mà chúng ta gây ra cho thiên nhiên chính là hình phạt cho các sai phạm của chúng ta. Chính những thực tại này đang rên xiết nổi loạn. Tôi chợt nhớ đến câu thơ nổi tiếng của thi sĩ Virgil vốn gọi lại “những giọt nước mắt của sự vật”, những bất hạnh của cuộc đời và lịch sử[33].

35. Tuy nhiên, chúng ta mau chóng quên đi những bài học của lịch sử, vốn là “thầy dạy của cuộc sống”[34]. Khi cuộc khủng hoảng sức khỏe này qua đi, phản ứng tệ hại nhất của chúng ta là chìm ngập sâu hơn vào cơn sốt chủ nghĩa tiêu thụ và các hình thức mới của bản năng đấu tranh tự tồn ích kỷ. Nhờ trời, rốt cuộc, chúng ta không còn suy nghĩ kiểu “bọn chúng”, “bọn nó”, mà chỉ còn là “chúng ta”. Ước gì đây không là một bi kịch khác của lịch sử mà lại một lần nữa chúng ta chẳng học được gì. Ước gì chúng ta luôn nhớ đến những người già đã chết vì thiếu máy trợ thở, phần nào đó là do hậu quả tích tụ dần, hết năm này đến năm khác, trong việc dỡ bỏ các trang thiết bị của hệ thống chăm sóc sức khỏe. Ước gì nỗi đớn đau dần vật lớn lao đó không trở nên vô ích, nhưng là bước tiến giúp chúng ta biết đổi mới cách sống. Ước gì chúng ta tái khám phá và vĩnh viễn nhận

biết rằng chúng ta cần đến nhau, chúng ta mắc nợ lẫn nhau để nhờ đó, gia đình nhân loại được tái sinh, với mọi khuôn mặt, mọi bàn tay và mọi tiếng nói, vượt khỏi các bức tường biên giới mà chúng ta đã dựng nên.

36. Trừ phi chúng ta tìm lại được niềm khát vọng cùng muốn chung tay xây dựng một cộng đồng phụ thuộc và liên đới, đáng cho chúng ta cố gắng hết thời gian, tài trí, công sức và tiền của, bằng không, khi cái ảo tưởng toàn cầu từng lừa dối chúng ta đã sụp đổ, nhiều người trong chúng ta sẽ bị vây hãm bởi nỗi chán chường và trống rỗng. Hơn nữa, không nên ngây thơ chối bỏ sự thực này: “nỗi ám ảnh bởi lối sống tiêu thụ sẽ đưa tới bạo lực và hủy diệt lẫn nhau, nhất là khi chỉ có ít người có khả năng duy trì lối sống ấy”[35]. Quan điểm “mạnh ai nấy lo” sẽ mau chóng trở thành “tất cả đều là địch thù” và điều này còn tệ hại hơn bất cứ cơn đại dịch nào.

KHÔNG CÓ NHÂN PHẨM TẠI CÁC BIÊN GIỚI

37. Theo một số chế độ chính trị dân túy, cũng như một số lập trường kinh tế tự do, người ta chủ trương rằng cần phải ngăn chặn dòng người di cư bằng bất cứ giá nào. Đồng thời, cũng lập luận rằng cần phải hạn chế viện trợ cho các nước nghèo, vì khi kiệt quệ họ sẽ phải thực hiện các biện pháp thắt lưng buộc bụng. Người ta không nhận ra rằng, đằng sau những tuyên bố hàm hồ khó chấp nhận ấy, có nhiều mảnh đời bị đe dọa. Nhiều người di cư để trốn tránh chiến tranh, bách hại và thảm họa thiên nhiên. Nói cho ngay, nhiều người khác “mưu cầu cơ may cho bản thân và gia đình. Họ mơ ước có được một tương lai tươi đẹp hơn và muốn tạo điều kiện để thực hiện ước mơ đó”[36].

38. Điều đáng buồn là có những di dân khác “bị lôi cuốn bởi nền văn hóa phương Tây, đôi khi ấp ủ những kỳ vọng không thực tế, nên rơi vào thất vọng ê chề. Những kẻ buôn lậu vô lương tâm, thường cấu kết với các băng đảng buôn bán ma túy và vũ khí, lợi dụng tình cảnh khó khăn yếu thế của di dân, vốn đã thường xuyên phải đối đầu với bạo lực, với nạn buôn người, với các lạm dụng tâm lý và thể lý, cũng như với vô vàn những khổ đau trên suốt hành trình của họ”[37]. Những di dân này “phải xa rời quê cha đất tổ, và thường mất cả cội rễ văn hóa và tôn giáo. Tình trạng ly tán cũng ảnh hưởng đến các cộng đồng ở quê nhà, vì mất đi các thành viên khỏe mạnh và tháo vát nhất, đồng thời cũng ảnh hưởng đến các gia đình, đặc biệt là khi cha hoặc mẹ, hay cả hai, phải ra đi, bỏ lại con cái nơi quê nhà”[38]. Vì thế, “cũng cần phải tái khẳng định quyền không di cư, nghĩa là quyền được tạo điều kiện để ở lại trên chính quê hương mình”. [39]

39. Hơn nữa, “tại một số quốc gia mà họ đến, hiện tượng di dân đã gây nên nỗi e ngại và làm cho dân chúng lo sợ, những cảm xúc này thường bị kích động và khai thác nhằm mục đích chính trị. Vì thế, dẫn đến nỗi trạng bài ngoại, khép kín và co cụm. Chúng ta cần phản ứng quyết liệt trước tình trạng này”[40]. Các di dân bị coi là không đủ xứng đáng như những người khác để tham gia vào đời sống xã hội, và người ta quên rằng họ cũng có phẩm giá nội tại như bất kỳ ai. Do đó, họ phải là “tác nhân chính trong việc tự nâng mình dậy”[41]. Chẳng bao giờ chúng ta nói rằng họ không phải là con người, nhưng trên thực tế, cách chúng ta quyết định và đối xử với họ chứng tỏ rằng

chúng ta coi họ kém giá trị, kém quan trọng và kém nhân bản. Với các Kitô hữu, nỗi trượng và lối hành xử như vậy là điều không thể chấp nhận được, vì đã đặt một số quan điểm chính trị lên trên những niềm xác tín sâu xa của chúng ta: phẩm giá không thể tước bỏ của mỗi người, bất kể nguồn gốc, chủng tộc hay tôn giáo, và luật tối thượng của tình yêu thương huynh đệ.

40. “Hơn bao giờ hết những cuộc di cư sẽ đóng vai trò quyết định cho tương lai thế giới”[42]. Nhưng ngày nay, tình trạng di cư bị tác động bởi “việc ‘đánh mất cảm thức trách nhiệm sống tình huynh đệ’, vốn là nền tảng cho mọi xã hội dân sự”[43]. Châu Âu, chẳng hạn, rất có nguy cơ đi vào con đường này. Tuy nhiên, “nhờ di sản vĩ đại về văn hóa và tôn giáo, châu Âu có đủ điều kiện để bảo vệ vị thế trung tâm của con người, đồng thời tìm được sự cân bằng đúng đắn giữa hai khía cạnh của trách nhiệm đạo đức đó là vừa bảo vệ quyền công dân, vừa bảo đảm hỗ trợ và đón nhận di dân”[44].

41. Tôi biết một số người còn nghi ngại và sợ hãi di dân. Tôi xem đây là một phần của bản năng tự vệ chính đáng của con người tự nhiên. Tuy nhiên, đúng là một cá nhân hay một dân tộc chỉ đơn thuần kết trái nếu họ có khả năng mở ra với người khác hay với dân tộc khác cách sáng tạo. Tôi mời gọi mỗi người hãy vượt qua những phản ứng nguyên sơ ấy bởi lẽ “vấn đề là nỗi nghi ngờ và sợ hãi điều khiển cách suy nghĩ và hành động của chúng ta, đến nỗi khiến chúng ta không khoan dung, khép kín và thậm chí không nhận ra mình đang phân biệt đối xử với người di dân. Như thế, sự sợ hãi tước đi trong chúng ta ước muốn và khả năng gặp gỡ người khác”[45].

ẢO TƯỢNG TRUYỀN THÔNG

42. Thật nghịch lý, khi chúng ta càng khép kín với người khác bằng thái độ co cụm và bất khoan dung, thì khoảng cách với người khác lại càng thu hẹp hoặc biến mất đến nỗi không còn quyền riêng tư. Mọi sinh hoạt trở thành cảnh trình chiếu có thể theo dõi, kiểm soát và cuộc sống ngày đêm liên tục bị giám sát. Truyền thông kỹ thuật số muốn phơi bày mọi sự, đời sống cá nhân bị soi mói, lộ trần và bình phẩm, thường là nặc danh. Lòng tôn trọng người khác không còn nữa, thế nên ngay cả khi chúng ta quay mặt, phớt lờ hay giữ khoảng cách với người khác, chúng ta vẫn không chút xấu hổ soi mói từng chi tiết đời tư của họ.

43. Mặt khác, các chiến dịch truyền thông kỹ thuật số gây thù hận và triệt hạ không phải là hình thức tương trợ đáng ca ngợi như một số người vẫn nghĩ, nhưng chỉ là chuyện các cá nhân liên kết chống lại kẻ thù chung. Hơn nữa, “các phương tiện truyền thông kỹ thuật số có thể khiến con người bị lệ thuộc, cô lập và mất dần sự tiếp xúc với đời sống thực tế cụ thể, và như thế chúng cản trở sự phát triển của các mối quan hệ đích thực giữa người với người”[46]. Nhất thiết phải có những cử chỉ thể lý, những biểu cảm trên khuôn mặt, những khoảnh khắc thinh lặng, ngôn ngữ cơ thể, kể cả mùi hương, tay run, mặt đỏ, mồ hôi đổ..., vì tất cả những tiểu tiết này đều nói lên điều gì đó và là một phần trong giao tiếp giữa con người với nhau. Các mối tương quan ảo của kỹ thuật số, không đòi hỏi những nỗ lực vun đắp tình thân, không dựa trên sự hỗ tương bền vững, cũng không xây dựng trên sự hòa hợp gắn bó theo năm tháng, thực chất chỉ là những mối tương quan

mang dáng vẻ thân thiện bề ngoài mà thôi. Chúng không thực sự xây dựng cái chung, nhưng có xu hướng che giấu và thổi phồng chủ nghĩa cá nhân, thể hiện qua thái độ bài ngoại và khinh miệt những người yếu đuối dễ bị tổn thương. Chỉ có kết nối kỹ thuật số thì không đủ để bắc những nhịp cầu, không đủ để hợp nhất nhân loại.

Hung hăng vô liêm sỉ

44. Ngay khi duy trì cho bản thân lối sống tiêu thụ thoải mái, người ta đã chọn cho riêng mình cách thức giao tiếp có tính nhất quán và ngông cuồng nhằm cổ vũ cho vô vàn hình thức thù nghịch, lăng mạ, bực đãi, phỉ báng và bạo ngôn nhằm hủy diệt người khác, với việc không cần phải kiểm chế như phải làm trong giao tiếp thể lý, rốt cuộc tất cả chúng ta sẽ đi đến hủy diệt lẫn nhau. Qua máy điện toán và các thiết bị di động, tính hung hăng gây hấn mang chiều kích xã hội tìm được môi trường thuận lợi hơn bao giờ hết để phát huy tác hại của nó.

45. Điều này cho phép các ý thức hệ không còn phải e dè. Mới ít năm trước đây, những điều người ta không thể nói ra vì có nguy cơ bị khinh khi thì bây giờ có thể nói một cách sống sượng mà không bị lên án, ngay cả bởi một số chính trị gia. Đừng quên rằng “nhiều hoạt động nhằm lợi ích kinh tế khổng lồ đang diễn ra trong thế giới kỹ thuật số. Chúng có khả năng cài đặt những hình thức kiểm soát tinh vi rộng khắp, tạo ra những cơ chế nhằm thao túng lương tâm của nhiều cá nhân và tiến trình dân chủ của nhiều dân tộc. Việc có nhiều diễn đàn vận hành, rốt cuộc sẽ tạo điều kiện để những người có lối nghĩ giống nhau gặp nhau, và như thế làm mất đi cơ hội đối chiếu các khác biệt. Những vòng khép kín này tạo thuận lợi cho việc phát tán thông tin giả mạo và tin tức sai lệch, đồng thời nuôi dưỡng thành kiến và lòng hận thù”[47].

46. Cần phải nhìn nhận rằng các hình thức cuồng tín có tính phá hoại, cũng thấy xuất hiện nơi các tín đồ tôn giáo, ngay cả các Kitô hữu. Các Kitô hữu cũng “có thể bị cuốn vào mạng lưới bạo lực bằng ngôn từ qua internet và các diễn đàn truyền thông kỹ thuật số khác nhau. Ngay cả trong các phương tiện truyền thông Công giáo, các giới hạn có thể bị vượt qua, phỉ báng và vu khống có thể trở nên như cơm bữa, và mọi tiêu chuẩn đạo đức cùng sự tôn trọng danh tiếng của người khác có thể bị gạt đi”[48]. Thế thì làm sao có thể góp phần xây dựng tình huynh đệ mà Cha Chung Trên Trời đòi hỏi nơi chúng ta được?

Thông tin thiếu khôn ngoan

47. Sự khôn ngoan đích thực đòi hỏi phải gặp gỡ thực tại. Tuy nhiên, ngày nay mọi thứ đều có thể được chế tác, giấu giếm và sửa đổi. Thế nên việc gặp gỡ trực tiếp những giới hạn của thực tại trở nên không thể chấp nhận. Vì vậy, một cơ chế “chọn lựa” được thiết lập để qua đó tôi có thể lập tức tách biệt điều yêu thích khỏi điều không ưa, điều hứng thú với điều gây khó chịu. Tương tự như thế, chúng ta chọn người cùng chia sẻ thế giới của mình. Còn những người hoặc những hoàn cảnh làm chúng ta khó chịu hay không vừa ý, ngày nay chúng ta chỉ cần loại bỏ họ khỏi mạng ảo là xong; từ đó hình thành một thế giới ảo khiến chúng ta bị cô lập ngay trong thế giới thực chúng ta

đang sống.

48. Nét đặc thù trong các cuộc gặp gỡ liên vị là khả năng ngồi xuống và lắng nghe người khác; khả năng này là khuôn mẫu cho thái độ chào đón của người vượt qua chính mình và chấp nhận người khác, quan tâm đến họ và mời họ đi vào trong cuộc đời mình. Tuy nhiên, “thế giới ngày nay phần lớn là thế giới của người khiếm thính... Đôi khi, sự vội vã và cuồng loạn của thế giới hiện đại cản trở chúng ta để ý lắng nghe người khác. Chúng ta ngắt lời và phản bác khi họ chưa dứt lời. Xin đừng đánh mất khả năng biết lắng nghe”. Thánh Phanxicô “đã lắng nghe tiếng Chúa và tiếng người nghèo khổ, đã lắng nghe tiếng người đau bệnh và cả tiếng thiên nhiên. Ngài đã biến đổi lắng nghe trở thành một phong cách sống. Tôi ước ao hạt giống mà thánh Phanxicô đã gieo vãi được lớn lên trong tâm hồn nhiều người”[49].

50. Trong đối thoại, dù nhẹ nhàng trao đổi hay sôi nổi tranh cãi, chúng ta đều có thể cùng nhau tìm kiếm sự thật. Điều này đòi hỏi phải bền tâm, cũng như đòi hỏi những phút giây lặng thinh và gian khổ, có khả năng kiên trì đón nhận vô vàn kinh nghiệm của các cá nhân và các dân tộc. Thông tin tràn ngập không khiến chúng ta thông thái hơn. Sự khôn ngoan không phát sinh từ những cái nhấp chuột tìm kiếm chớp nhoáng trên internet, cũng không là một khối dữ liệu chưa được kiểm chứng. Đó không phải là phương cách để sự khôn ngoan được chín muồi khi gặp gỡ sự thật. Tóm lại, các cuộc trò chuyện chỉ luẩn quẩn với những dữ kiện mới nhất, chỉ ở tầm mức là là mặt đất và chất đồng thông tin. Chúng ta không tập trung chú ý, không đi sâu vào trọng tâm vấn đề và không nhận ra đâu là điều thiết yếu giúp cho cuộc sống của chúng ta có ý nghĩa. Do đó, tự do trở nên một thứ ảo tưởng được rao bán cho chúng ta, dễ bị nhầm lẫn với việc tự do truy cập internet. Tiến trình xây dựng tình huynh đệ, dù mang tính địa phương hay phổ quát, chỉ có thể được thực hiện nhờ tinh thần tự do và cởi mở hướng tới những cuộc gặp gỡ đích thực.

CÁC HÌNH THỨC LỆ THUỘC VÀ TỰ TÌ

51. Một số quốc gia kinh tế thịnh vượng có xu hướng đặt mình làm mô hình văn hóa cho các nước kém phát triển, thay vì làm cho mỗi nước có thể phát triển theo cách của mình, cũng như có thêm khả năng canh tân đất nước trong khi vẫn bảo tồn được các giá trị văn hóa riêng. Việc hoài cổ hời hợt và bi quan vốn dẫn đến thói sao chép và mua sắm thay vì sáng tạo, sẽ khiến các dân tộc trở nên tự ti. Giới thượng lưu tại các nước nghèo và đôi khi tại các quốc gia vừa mới thoát nghèo, thường không chấp nhận cách nghĩ và cách làm của người bản xứ, cũng như có xu hướng xem thường bản sắc văn hóa dân tộc, như thể đấy là nguyên nhân duy nhất của mọi điều tệ hại.

52. Tiêu diệt lòng tự hào là cách dễ dàng để thống trị người khác. Phía sau những xu hướng san bằng thế giới, là các lợi ích của giới quyền lực, muốn lợi dụng sự tự ti của dân chúng, để hình thành một nền văn hóa mới phục vụ giới tinh hoa, nhờ các phương tiện truyền thông và mạng internet. Chỉ những kẻ cơ hội chuyên đầu cơ tài chính và những kẻ bóc lột là được hưởng lợi, còn người nghèo thì luôn thua thiệt. Mặt khác, nhiều nhà lãnh đạo chính trị vì xem thường văn hóa dân tộc bản địa nên khó có thể đưa ra những kế hoạch phát triển hiệu quả được mọi người tự giác

hưởng ứng và ủng hộ dài lâu.

53. Chúng ta quên rằng “không có sự tha hóa nào tồi tệ hơn là cảm thấy mình bị mất cội nguồn, không thuộc về ai cả. Một lãnh thổ có phi nhiều hoặc một dân tộc có sinh hoa kết trái và xây dựng được tương lai hay không, tùy thuộc vào việc các thành viên của dân tộc đó có cảm thấy thuộc về nhau, các thế hệ và các cộng đồng trong đó có mối dây liên kết hòa hợp, đồng thời có tránh được tất cả những gì khiến người ta vô cảm với nhau và đưa đến tha hóa hơn hay không”[50].

NIỀM HY VỌNG

54. Bất chấp những đám mây đen mà chúng ta không được coi nhẹ như đã kể trên, trong phần tiếp theo, tôi muốn gọi lên những nẻo đường hy vọng mới. Quả thật, Thiên Chúa vẫn tiếp tục vãi gieo những hạt giống tốt trong gia đình nhân loại. Con đại dịch gần đây, lần nữa, lại cho phép chúng ta nhận ra và cảm kích vì nhiều người quanh ta, dẫu có sợ hãi, vẫn sẵn sàng dấn thân chấp nhận rủi ro nguy hiểm. Chúng ta bắt đầu hiểu ra rằng cuộc sống của chúng ta được đan dệt và đỡ nâng bởi những con người bình thường nhưng dũng cảm, chính họ đã viết nên những trang sử quyết định của nhân loại: các bác sĩ, y tá, dược sĩ, chủ tiệm, nhân viên siêu thị, công nhân vệ sinh, nhân viên điều dưỡng, tài xế chuyên chở, nhân viên nam nữ phục vụ các dịch vụ thiết yếu và an toàn công cộng, các tình nguyện viên, linh mục và tu sĩ... Họ hiểu rằng không ai được cứu một mình[51].

55. Tôi mời gọi mọi người hãy canh tân niềm hy vọng, vì hy vọng “nói với chúng ta về một thực tại bám rễ sâu trong thâm tâm mỗi người, chứ không phụ thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện lịch sử ta đang sống. Hy vọng nói với chúng ta về lòng khát khao, về nguyện vọng, về nỗi ước ao có một cuộc sống viên mãn, về sự mong muốn đạt tới những điều vĩ đại, những gì lấp đầy trái tim và nâng cao tinh thần hướng tới những thực tại cao cả như chân, thiện, mỹ, công bằng và yêu thương... Hy vọng thì táo bạo, dám ra khỏi những tiện nghi cá nhân, những an toàn và thưởng phạt nhỏ nhoi thường giới hạn chân trời của chúng ta, hy vọng mở ra cho chúng ta những lý tưởng cao cả khiến cuộc sống trở nên tươi đẹp và đáng giá hơn”[52]. Vì thế, hãy tiếp tục tiến bước trên các nẻo đường hy vọng.

CHƯƠNG HAI

MỘT NGƯỜI XA LẠ TRÊN ĐƯỜNG

56. Tất cả những gì tôi đã đề cập ở chương trước không nên xem như một mô tả lạnh lùng tách biệt khỏi thực tại, bởi lẽ “vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và bất cứ ai đang đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà họ lại không cảm nhận trong

đáy lòng họ”[53]. Trong nỗ lực tìm kiếm ánh sáng soi chiếu cho những gì chúng ta đang trải qua, và trước khi đưa ra vài đề nghị thực hành, tôi muốn dành một chương cho dụ ngôn mà Chúa Giêsu đã kể cách đây hai ngàn năm. Tôi muốn làm thế, mặc dù Thông điệp này được gửi đến mọi người thành tâm thiện chí, không phân biệt niềm tin tôn giáo, vì câu chuyện trong dụ ngôn có liên quan đến mỗi người và chất vấn từng người chúng ta.

“Và này có người thông luật kia đứng lên hỏi Chúa Giêsu để thử Người rằng: ‘Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?’ Người đáp: ‘Trong Luật đã viết gì? Ông đọc thế nào?’ Ông ấy thưa: ‘Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn người, và yêu mến người thân cận như chính mình’. Đức Giêsu bảo ông ta: ‘Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống’. Nhưng ông ấy muốn chứng tỏ là mình có lý, nên mới thưa cùng Đức Giêsu rằng: ‘Nhưng ai là người thân cận của tôi?’ Đức Giêsu đáp: ‘Một người kia từ Giêrusalem xuống Giêrikhô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua bên kia mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lêvi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi. Nhưng một người Samari kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy, và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc. Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói: ‘Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác.’ Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận với người đã bị rơi vào tay kẻ cướp?’ Người thông luật trả lời: ‘Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót đối với người ấy’. Đức Giêsu bảo ông ta: ‘Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy’” (Lc 10,25-37).

Bối cảnh

57. Dụ ngôn này được đặt trong một bối cảnh rất xa xưa. Ngay sau trình thuật về việc sáng tạo vạn vật và con người, Kinh Thánh nói đến mối liên hệ giữa con người với nhau. Cain giết Abel em trai mình, sau đó Thiên Chúa hỏi: “Abel em ngươi đâu rồi?” (St 4,9). Câu trả lời của Cain thường cũng chính là câu trả lời của chúng ta: “Con là người giữ em con hay sao?” (nt.). Khi đặt câu hỏi trên, Thiên Chúa không muốn con người nại đến thuyết tiền định hay thuyết định mệnh hòng biện minh cho sự thờ ơ của mình. Ngược lại, Người khuyến khích chúng ta xây dựng một nền văn hóa khác có khả năng giải quyết các xung đột và quan tâm đến nhau.

58. Sách Gióp coi việc chúng ta được dựng nên từ một Đấng Tạo Hóa duy nhất là nền tảng cho một số quyền lợi chung: “Đấng đã tạo ra tôi trong dạ mẹ không phải Đấng tạo ra nó hay sao? Cũng một Thiên Chúa đã tạo ra chúng tôi hết thảy” (G 31, 15). Nhiều thế kỷ sau, thánh Irênê cũng nói tương tự khi sử dụng ý tưởng giai điệu du dương: “Người tìm kiếm chân lý không nên để mình bị đánh lừa bởi quãng cách các âm thanh như thể chúng được tấu lên một cách riêng biệt, nốt này được tạo nên bởi nghệ sĩ này, nốt kia được tạo nên bởi nghệ sĩ kia không liên quan gì đến nhau; ngược lại, phải nhận ra rằng chỉ duy nhất một người đã sáng tác toàn bộ giai điệu”[54].

59. Theo truyền thống Do Thái xưa kia, mệnh lệnh yêu thương và quan tâm đến người khác dường như chỉ bó hẹp trong tương quan giữa các người dân trong cùng một nước. Luật xưa dạy phải “yêu người thân cận như chính mình” (Lv 19,18) thường được hiểu là yêu những người cùng một nước. Tuy nhiên, giới hạn này ngày càng mở rộng, đặc biệt khi đạo Do Thái vượt khỏi lãnh thổ Israel. Chúng ta thấy xuất hiện lệnh truyền đừng làm cho người khác điều mình không muốn họ làm cho mình (x. Tb 4,15). Vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, giáo sĩ Hillel chú giải: “Đây là toàn bộ sách Luật và các Ngôn sứ. Các điều khác chỉ là bình luận”[55]. Mong muốn bắt chước cách hành động của Thiên Chúa dần dần thay thế xu hướng chỉ nghĩ đến những người gần ta nhất: “Con người thì thương xót người thân cận, còn Đức Chúa xót thương mọi xác phàm” (Hc 18,13).

60. Giáo huấn của Hillel được Kinh Thánh Tân Ước diễn tả bằng những lời lẽ tích cực: “Vậy tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta, vì Luật Môsê và lời các ngôn sứ là thế đó” (Mt 7,12). Mệnh lệnh này mang tính phổ quát, chung cho mọi người dựa trên nhân tính, vì Cha trên trời “cho mặt trời mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt” (Mt 5, 45). Vì vậy, có lời mời gọi: “hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ” (Lc 6,36).

61. Trong các văn bản Kinh Thánh cổ xưa nhất, chúng ta tìm thấy lý do tại sao phải mở rộng tâm hồn đón nhận người xa lạ. Lý do này bắt nguồn từ ký ức vững bền của người Do Thái: chính họ đã sống thân phận ngoại kiều bên Ai Cập:

“Người ngoại kiều, người không được ngược đãi và áp bức, vì chính các người đã là ngoại kiều ở đất Ai Cập” (Xh 22,20).

“Người ngoại kiều, các người không được áp bức; chính các người đã biết thân phận của người ngoại kiều, vì các người đã là ngoại kiều ở đất Ai Cập” (Xh 23,9).

“Khi có ngoại kiều cư ngụ với các người trong xứ các người, các người đừng bức hiếp nó. Các người phải đối xử với người ngoại kiều cư ngụ với các người như với một người bản xứ, một người trong các người; các người phải yêu nó như chính mình, vì các người đã từng là ngoại kiều tại đất Ai Cập. Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các người” (Lv 19,33-34).

“Khi hái nho, thì anh em không được mót lại; những trái còn sót dành cho ngoại kiều và cô nhi quả phụ. Anh em hãy nhớ mình đã làm nô lệ bên đất Ai Cập” (Đnl 24, 21-22).

Lời kêu gọi về tình huynh đệ dội vang trong toàn bộ Tân Ước:

“Vì tất cả Lễ Luật được nên trọn trong điều răn duy nhất này là: Người phải yêu người thân cận như chính mình” (Gl 5,14).

“Ai yêu thương anh em mình thì ở lại trong ánh sáng, và nơi người ấy không có gì nên có vấp phạm. Nhưng ai ghét anh em mình thì ở trong bóng tối và đi trong bóng tối mà chẳng biết mình đi đâu, vì bóng tối đã làm cho mắt người ấy ra mù quáng” (1 Ga 2,10-11).

“Chúng ta biết rằng: chúng ta đã từ cõi chết bước vào cõi sống, vì chúng ta yêu thương anh em. Kẻ không yêu thương, thì ở lại trong sự chết” (1 Ga 3,14).

“Ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy” (1 Ga 4,20).

62. Tuy nhiên, lời mời gọi yêu thương này có thể bị hiểu sai. Không hề là chuyện nhỏ khi thánh Phaolô khuyến khích các môn đệ của ngài sống tình yêu thương “đối với nhau và đối với mọi người” (1 Tx 3,12) vì nhận thấy rằng các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi đang bị cám dỗ muốn hình thành các nhóm khép kín và tách biệt. Cũng vậy, cộng đoàn của thánh Gioan được yêu cầu phải đón tiếp các anh em khác “dù họ là những người xa lạ” (3 Ga 5). Bối cảnh này giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa của dụ ngôn người Samari nhân hậu: tình yêu không phân biệt người anh em chốn khó đến từ nơi này hay nơi kia. Bởi vì “tình yêu phá tan xiềng xích trói buộc khiến chúng ta bị cô lập và chia rẽ để từ đó xây nên những nhịp cầu. Tình yêu giúp chúng ta làm nên một đại gia đình, nơi ai cũng cảm thấy như ở nhà mình... Tình yêu ứa trào lòng thương xót và phẩm giá”[56].

Người bị bỏ rơi

63. Đức Giêsu kể, có một người bị bọn cướp tấn công, gây thương tích, nằm thoi thóp bên đường. Nhiều người đi qua, nhưng không dừng lại. Đây là những người có địa vị trong xã hội, nhưng thiếu tấm lòng chân thật chăm lo công ích. Họ không thể dành vài phút để trợ giúp người bị nạn hoặc ít ra là kêu gọi giúp đỡ. Nhưng có một người đã dừng lại, đến bên và đích thân ra tay băng bó cho nạn nhân, lại còn bỏ tiền túi chi trả cho việc chăm sóc anh. Nhất là đã cho anh điều mà trong thế giới xô bồ này, chúng ta khư khư giữ lấy: thời giờ của mình. Chắc hẳn ông đã có kế hoạch cho ngày hôm đó với những gì cần thực hiện, những cuộc hẹn hoặc những gì ông muốn. Nhưng trước người bị nạn, ông sẵn sàng gác lại tất cả và dù không quen biết, ông thấy nên dành thời giờ cho anh.

64. Bạn đồng hóa mình với ai? Đây là câu hỏi thẳng thắn, trực tiếp và sâu sắc. Trong những nhân vật này bạn giống ai? Chúng ta phải nhận biết cơn cám dỗ dai dẳng đeo bám chúng ta, đó là cơn cám dỗ không lưu tâm đến người khác, đặc biệt là những người hèn yếu nhất. Quả thật, chúng ta đã tiến bộ trên nhiều lĩnh vực, nhưng lại mù tịt về việc đồng hành, chăm sóc và hỗ trợ những người yếu đuối và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội phát triển ngày nay. Chúng ta đã quen nhìn chỗ khác, bỏ qua và không biết đến những hoàn cảnh chung quanh cho đến lúc chúng trực tiếp chạm đến chúng ta.

65. Một người bị tấn công trên đường, thế mà nhiều người ngoảnh mặt bỏ đi như không thấy gì.

Thường có những người lái xe gây tai nạn rồi bỏ chạy luôn. Việc quan trọng duy nhất đối với họ là tránh rắc rối; ai đó có phải chết vì lỗi của họ, họ cũng chẳng quan tâm. Nhưng đây là dấu chứng cho thấy có một lối sống phổ biến được tỏ lộ bằng nhiều cách thế, có khi tinh tế khó nhận biết hơn. Lại nữa, vì tất cả chúng ta đều tập trung lo cho nhu cầu của mình, nên khi gặp ai đó đang đau khổ thì chúng ta cảm thấy khó chịu, cảm thấy bị quấy rầy, bởi lẽ chúng ta không muốn tốn thời giờ để dàn xếp những vấn đề của người khác. Đó là triệu chứng của một xã hội đang đau bệnh, chỉ lo vun đắp cho mình và quay lưng lại trước khổ đau của người khác.

66. Đừng để mình bị rơi vào tình trạng khốn cùng đó. Chúng ta hãy nhìn mẫu gương của người Samari tốt lành. Câu chuyện này kêu mời chúng ta khơi lại ơn gọi của mình, ơn gọi là công dân của đất nước mình và của toàn thể giới, những người xây dựng mối tương quan xã hội mới. Lời kêu gọi này luôn luôn mới mẻ, dù được trình bày như một luật cơ bản của con người: xã hội phải theo đuổi sự thăng tiến công ích và khởi đi từ mục đích này, phải không ngừng tái thiết trật tự chính trị xã hội, xây dựng các mối tương quan và các mục tiêu nhân bản của mình. Bằng hành động, người Samari tốt lành đã chứng tỏ rằng “sự hiện hữu của mỗi người chúng ta có mối liên kết sâu xa với sự hiện hữu của những người khác: cuộc đời không phải là thời gian trôi qua, nhưng là thời gian gặp gỡ”[57].

67. Dụ ngôn này phác họa một hình ảnh chói lòa soi chiếu sự chọn lựa cơ bản mà chúng ta phải thực hiện để tái thiết thế giới đau thương này. Đối mặt với bao nỗi đau, với những vết thương, lối thoát duy nhất là làm như người Samari tốt lành. Mọi chọn lựa khác sẽ dẫn ta hoặc về phía bọn cướp, hoặc về phía những người bỏ đi, không xót thương trước nỗi khổ đau của nạn nhân đang quằn quại bên đường. Dụ ngôn chỉ cho chúng ta thấy cách thức xây dựng lại cộng đồng, khởi đi từ những con người biết đồng cảm với các yếu nhược của người khác, không chấp nhận một xã hội loại trừ, nhưng vì thiện ích chung, sẵn sàng đến bên, nâng dậy và phục hồi người quy ngã. Đồng thời, dụ ngôn còn cảnh giác chúng ta tránh thái độ của những người chỉ biết lo cho bản thân mà không chịu gánh vác những trách nhiệm không thể thoái thác của cuộc sống mỗi ngày.

68. Rõ ràng câu chuyện không đưa ra một huấn dụ về những lý tưởng trừu tượng, cũng không thu hẹp chỉ còn là một bài học luân lý đạo đức xã hội, nhưng bày tỏ cho chúng ta thấy yếu tính đặc trưng của con người mà chúng ta thường lãng quên: chúng ta được dựng nên để sống sung mãn, là điều chỉ đạt được trong tình yêu. Dừng dưng trước đau khổ của người khác không thể là một chọn lựa; không thể để ai đó cứ ở mãi “bên lề cuộc đời”. Lẽ ra điều này phải khiến chúng ta phần nộ đến nỗi không còn thanh thản, bởi lẽ chúng ta trăn trở trước nỗi đau của con người. Đó mới chính là ý nghĩa của phẩm giá!

Một câu chuyện được tái diễn

69. Dụ ngôn rõ ràng, dễ hiểu, nhưng cũng gợi lên cuộc đấu tranh nội tâm mà mỗi người chúng ta cảm nghiệm khi dần dần khám phá chính mình qua các mối tương quan với anh chị em. Trên đường, chắc chắn chúng ta sẽ gặp những con người bị tổn thương. Thời nay số người bị tổn

thương ngày càng nhiều. Việc tiếp nhận hay loại trừ những con người đáng thương bên đường có thể xem như tiêu chuẩn để đánh giá mọi dự án kinh tế, chính trị, xã hội và tôn giáo. Hằng ngày chúng ta phải quyết định chọn làm người Samari tốt lành hoặc làm người bộ hành dừng dừng ngoảnh mặt bỏ đi. Và nếu chúng ta chịu khó nhìn lại trọn cuộc đời mình cũng như toàn bộ lịch sử thế giới, chúng ta sẽ nhận ra tất cả chúng ta đều là hoặc đã là những nhân vật này: tất cả chúng ta đều có chút gì đó của người bị thương tích, chút gì đó của kẻ cướp, chút gì đó của người quay mặt bỏ đi và chút gì đó của người Samari tốt lành.

70. Điều gây ấn tượng là tính cách của các nhân vật trong câu chuyện thay đổi hoàn toàn khi họ đối diện với tình cảnh khốn khổ của người nằm trên đường, của người bị hạ thấp. Không còn sự phân biệt giữa dân Giuđê với dân Samari, không còn vấn đề là vị tăng lữ hay gã lái buôn; đơn giản chỉ còn hai hạng người: người gánh lấy nỗi đau và người bỏ đi qua; người cúi xuống giúp đỡ và người quay mặt vội vã bỏ đi. Thật vậy, nhiều thứ mặt nạ, nhãn mác và áo xống lố lằng của chúng ta rơi xuống: Đó là thời khắc của sự thật! Chúng ta có cúi xuống, chạm đến và chăm sóc vết thương của người khác hay không? Chúng ta có cúi xuống, mang vác người này hoặc kẻ khác trên vai hay không? Đây là thách thức thời sự, chúng ta cần phải đương đầu mà không sợ hãi. Trong khi khủng hoảng, việc chọn lựa trở nên cấp bách: chúng ta có thể nói rằng trong hoàn cảnh như thế, nếu không là kẻ cướp hoặc không là người bỏ đi qua, thì cũng sẽ là người bị thương hoặc là người vác người bị thương lên vai.

71. Câu chuyện người Samari tốt lành vẫn tái diễn. Thật vậy, câu chuyện đó ngày càng trở nên hiển nhiên khi sự trì trệ xã hội chính trị biến nhiều vùng lãnh thổ trên thế giới thành những con đường hiu quạnh, nơi các cuộc nội chiến và xung đột quốc tế cùng với việc cướp phá các phương tiện sinh sống khiến cho nhiều người bị loại ra bên lề và bị bỏ lại bên đường. Trong dụ ngôn, Đức Giêsu không đưa ra giả thiết này hay giả thiết khác, kiểu như: điều gì sẽ xảy ra cho người bị thương trầm trọng, hoặc cho người đã giúp đỡ nạn nhân, nếu cơn phẫn nộ hoặc ước muốn báo thù xâm chiếm lòng họ? Ngài tin vào điều tốt nhất nơi thâm tâm con người và qua dụ ngôn, Ngài khích lệ họ cứ kiên vững trong tình yêu, hãy phục hồi những ai đau khổ và xây dựng một xã hội xứng đáng với tên gọi này.

Các nhân vật

72. Dụ ngôn bắt đầu bằng vài câu ngắn gọn về bọn cướp. Đức Giêsu chọn cách bắt đầu câu chuyện khi vụ cướp đã xảy ra, để chúng ta khỏi tập trung chú ý vào tội ác hoặc vào những kẻ cướp thủ ác. Chúng ta đã biết rõ những chuyện đó. Chúng ta đã thấy lan tràn trên khắp thế giới bóng đêm dày đặc của sự ruồng bỏ, của bạo động nhằm phục vụ những lợi ích đề tiện của quyền lực, của tham lam và chia rẽ. Vấn nạn có thể là thế này: chúng ta có bỏ người bị thương nằm lại trên đường, để rồi mỗi người chạy trốn, tìm nơi ẩn núp tránh bạo lực hoặc để truy đuổi theo bọn cướp hay không? Chúng ta có dùng người bị thương để biện minh cho sự chia rẽ không thể hàn gắn, của sự vô cảm độc ác, của những xung đột nội bộ giữa chúng ta hay không?

73. Thế rồi, dự ngôn cho chúng ta cái nhìn thẳng thắn về những người quay mặt bỏ đi. Không biết có vô tội hay không, không biết là do khinh bỉ hoặc vì lơ đãng, dẫu sao thái độ vô tư đáng sợ của các nhân vật như thầy tư tế và thầy Lêvi khi băng qua bên kia đường cũng trở thành một phản ảnh đáng buồn về khoảng cách giữa chúng ta và thế giới nơi chúng ta đang sống. Có nhiều cách thể hiện thái độ quay mặt bỏ đi: một mặt là co cụm chỉ lo cho mình, thờ ơ, vô cảm, không quan tâm đến người khác. Mặt khác là chỉ nhìn ra bên ngoài, là vọng ngoại như xảy ra tại một số quốc gia hoặc một số khu vực, ở đó người nghèo và văn hóa người nghèo bị khinh miệt, ở đó xuất hiện một lối sống đặc trưng vọng ngoại, dường như có ý áp đặt một mô hình xã hội ngoại nhập. Thế nên, một số người có thể biện minh cho sự vô cảm của họ, bởi vì những người hay yêu sách này nọ và có thể khiến họ động lòng, đơn giản là không tồn tại. Những người ấy không thuộc phạm vi họ quan tâm.

74. Trong những người quay mặt bỏ đi, có một chi tiết đáng chú ý: họ là những tín đồ tôn giáo, và hơn thế, là những chức sắc tôn giáo, chuyên lo việc tế tự thờ phượng Thiên Chúa: một thầy tư tế, một thầy Lêvi. Đây là lời cảnh báo mạnh mẽ: việc tin vào Thiên Chúa và tôn thờ Ngài không bảo đảm cho việc sống theo ý muốn của Ngài. Một người có niềm tin có thể không trung thành với tất cả những gì niềm tin này đòi hỏi, thế nhưng, lại có thể cảm thấy gần gũi Thiên Chúa và nghĩ rằng mình xứng đáng hơn những người khác. Nhưng vẫn có những cách sống niềm tin tạo thuận lợi cho việc mở lòng ra với anh em; và sống như thế mới bảo đảm cho việc thực sự mở lòng ra với Thiên Chúa. Thánh Gioan Kim khẩu còn đi đến chỗ diễn tả hết sức sáng sủa thách đố này của các Kitô hữu: “Bạn muốn tôn kính thân thể Đức Kitô ư? Chớ khinh chê thân thể ấy khi thân thể ấy trần trụi. Đừng tôn kính thân thể Người, theo kiểu: trong nhà thờ thì cho Người mang những y phục lựa là gấm vóc, nhưng ở ngoài lại coi thường, để cho thân thể ấy phải lạnh giá và trần trụi”[58]. Điều ngược đời là đôi khi những người quả quyết mình không tin lại có thể chu toàn ý muốn của Thiên Chúa hơn những người tin.

75. Đồng minh bí mật của “bọn cướp đường” thường là những kẻ “quay mặt bỏ đi”. Vòng tròn đồng minh đó được khép kín giữa những kẻ khuynh đảo lừa dối xã hội để trục lợi với những người tin rằng mình vẫn trong sạch khi thi hành trọng trách của mình, nhưng đồng thời lại sống nhờ vào hệ thống này và hưởng những bổng lộc của nó. Có một kiểu đạo đức giả đáng buồn trong việc dung túng cho tội ác, dung túng cho các cá nhân hoặc tập đoàn sử dụng các định chế để trục lợi và những tệ nạn khác không thể diệt trừ, đi đôi với việc làm tha hóa tất cả, với việc không ngừng gieo rắc nghi ngờ khiến người ta bối rối hoang mang và không còn tin nhau nữa. Đáp lại lời phàn nàn “mọi thứ đều tồi tệ”, người ta bảo: “chẳng ai có thể sửa chữa được” hoặc “tôi thì có thể làm gì được?”. Và như thế người ta ngày càng vỡ mộng và tuyệt vọng, tình trạng này không khích lệ tinh thần liên đới và quảng đại. Nhận chìm một dân tộc trong chán nản là khép kín một vòng tròn tai quái hoàn hảo: đó chính là cách các nền chuyên chính độc tài vô hình của những quyền lợi giấu mặt và có thực đang vận hành nhằm chiếm hữu các nguồn tài nguyên cũng như khả năng phán đoán và suy tư của con người.

76. Cuối cùng chúng ta hãy nhìn đến người bị thương tích. Đôi khi chúng ta cảm thấy mình cũng

như người ấy, mang thương tích trầm trọng, đang rên rỉ nằm bên đường. Chúng ta cũng cảm thấy bị bỏ rơi do các định chế của chúng ta thì thiếu sót và vô hiệu, hoặc chỉ phục vụ lợi ích của một thiểu số, bên trong và bên ngoài. Thật vậy, “trong xã hội toàn cầu hóa, người ta thường lịch sự quay nhìn về phía khác: dưới lớp vỏ bọc chính trị đúng đắn hoặc các ý thức hệ, họ nhìn người đau khổ mà không chạm tới, chỉ thấy người đau khổ trên truyền hình trực tiếp, và thậm chí còn dùng kiểu nói với nhiều uyển ngữ và đầy vẻ khoan dung[59].

Bắt đầu lại

77. Mỗi ngày chúng ta có được một thời cơ mới, bắt đầu một chặng đường mới. Đừng chờ đợi mọi thứ từ nhà cầm quyền, vì như thế là ấu trĩ. Chúng ta có một không gian đồng trách nhiệm để có thể bắt đầu và tạo ra các tiến trình và những thay đổi. Chúng ta hãy là những người chủ động trong việc phục hồi và hỗ trợ những tầng lớp xã hội bị tổn thương. Ngày nay, chúng ta có thời cơ thuận tiện để chứng tỏ rằng tự bản chất chúng ta là anh chị em với nhau, để trở thành những người Samari tốt lành nhận về mình nỗi đau của người khác, thay vì kích động hận thù và oán giận. Tựa như người bộ hành trong dự ngôn tình cờ đi qua, chúng ta chỉ cần để mình được thúc đẩy bởi ước muốn tự nhiên, trong sáng và đơn giản, là làm nên một dân tộc, là miệt mài dần thân giúp cho người quy ngã bên đường được đón nhận, được hội nhập và được nâng dậy; mặc dù nhiều lần chúng ta cảm thấy hết chịu nổi, muốn dùng đến lý lẽ của những kẻ ưa bạo lực, nuôi tham vọng mù quáng, chuyên gieo rắc ngờ vực và dối trá. Mặc cho bao người khác vẫn tiếp tục xem chính trị hoặc kinh tế như vũ đài để tranh giành quyền lực. Còn chúng ta, hãy cố vờ thiện ích và hãy phục vụ thiện ích!

78. Chúng ta có thể bắt đầu từ dưới lên với từng trường hợp thật cụ thể, trước hết ở quy mô địa phương, rồi dần dần lan rộng khắp nước, cho đến tận cùng thế giới, và như người bộ hành Samari hãy quan tâm chăm sóc từng vết thương của người bị nạn. Hãy tìm kiếm những người bị nạn khác và đón nhận những thực tại đó, đừng sợ đau khổ cũng đừng sợ sẽ không kham nổi, vì chính lúc đó chúng ta sẽ nhận ra tất cả những gì tốt lành Thiên Chúa đã gieo trồng nơi tâm hồn con người. Những khó khăn tưởng chừng quá sức sẽ là cơ hội phát triển chứ không là duyên cớ cho tình trạng trì trệ đáng buồn, dễ đưa đến thái độ buông xuôi phục tùng. Tuy nhiên, đừng làm một mình, kiểu cá nhân đơn độc. Người Samari đã tìm được một chủ nhà trọ có thể chăm sóc cho nạn nhân. Chúng ta cũng thế, chúng ta được mời gọi huy động nhau để kết liên thành một cái “chúng ta”, chắc hẳn sẽ hùng mạnh hơn tổng số những cá nhân lẻ loi nhỏ bé. Hãy nhớ rằng “toàn thể lớn hơn thành phần và cũng lớn hơn tổng số các thành phần”[60]. Hãy từ bỏ thói nhỏ nhen và nỗi oán hận mang tính cục bộ vô bổ, không ngừng đối kháng. Hãy thôi che đậy nỗi thống khổ do những sai lầm mình gây ra đồng thời thừa nhận các tội ác, sự lãnh đạm và dối trá của chính mình! Việc hòa giải và chữa lành sẽ mang lại cho chúng ta cũng như những người khác một cuộc sống mới, không còn sợ hãi nữa.

79. Người Samari rời quán trọ không mong có ai biết tới cũng không chờ một lời tri ân nào. Trước mặt Thiên Chúa và lương tâm của mình, ông cảm thấy vô cùng mãn nguyện vì đã tận tâm phục

vụ, đây là bốn phận. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với người bị thương, là chính dân tộc mình và mọi dân tộc trên trái đất này. Cũng với thái độ liên đới, quan tâm và gần gũi của người Samari tốt lành, chúng ta hãy chăm sóc những thương tích yếu đau của mọi người, người lớn, trẻ em và người cao tuổi.

Người thân cận không kể biên giới

80. Chúa Giêsu đã kể dụ ngôn này để trả lời cho một câu hỏi: ai là người thân cận của tôi? Trong xã hội thời Chúa Giêsu cụm từ “người thân cận” thường dùng để chỉ người gần nhất, người láng giềng. Người ta dành sự giúp đỡ trước hết là cho những người cùng nhóm, cùng chủng tộc với mình. Với cái nhìn của một số người Do Thái thời đó, những người Samari thì đáng khinh và ô uế, không được kể vào số những người thân cận phải trợ giúp. Là người Do Thái, Đức Giêsu đảo ngược hoàn toàn cách tiếp cận này: Ngài không mời gọi chúng ta đặt câu hỏi ai là người thân cận của chúng ta, nhưng mời gọi chúng ta trở thành người gần gũi, người thân cận của mọi người.

81. Điều Ngài đề nghị đó là hãy hiện diện bên cạnh người đang cần trợ giúp, không bận tâm thắc mắc người ấy có cùng nhóm với ta hay không. Trong trường hợp này, chính người Samari đã làm cho mình trở thành người thân cận của người Do Thái bị thương. Để đến bên người bị nạn, ông đã vượt qua mọi rào cản văn hóa và lịch sử. Chúa Giêsu kết luận dụ ngôn bằng một yêu cầu: “Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy” (Lc 10,37). Nói cách khác, Ngài đòi buộc chúng ta hãy bỏ qua mọi khác biệt và đứng trước nỗi đau hãy trở nên thân cận với mọi người. Do đó, tôi không còn nói rằng tôi có những “người thân cận” phải giúp đỡ, nhưng đúng hơn phải nói rằng tôi cảm thấy được kêu gọi trở nên người thân cận với những người khác.

82. Vấn đề Đức Giêsu cố ý nhấn mạnh đó là người bị thương là người Do Thái - dân cư xứ Giuđê - trong khi người dừng lại để trợ giúp là người Samari - dân cư xứ Samari. Chi tiết này đặc biệt quan trọng giúp suy tư về một tình yêu mở rộng đến mọi người. Những người Samari sống trong vùng có sự thâm nhập của các nghi lễ ngoại giáo, và dưới mắt người Do Thái, điều đó khiến họ trở thành ô uế, đáng ghê tởm, nguy hiểm. Thực vậy, một bản văn cổ Do Thái đề cập đến các dân bị ghét bỏ, có nói về Samari, thậm chí còn khẳng định đó không phải là một dân (x. Hc 50,25); và sau đó còn thêm “đám dân ngu xuẩn ở vùng Sikhem” (c. 26).

83. Điều này giải thích tại sao khi Chúa Giêsu xin một phụ nữ Samari nước uống, chị đã thắc mắc hỏi lại: “Ông là người Do Thái mà lại xin tôi, một phụ nữ Samari cho ông nước uống sao?” (Ga 4,9). Lời cáo buộc xúc phạm nhất mà những người tìm cách bôi nhọ Đức Giêsu đã có thể rêu rao là bảo Ngài “bị quý ám” và là “người Samari” (Ga 8,48). Do đó, cuộc gặp gỡ đầy lòng thương xót giữa một người Samari và một người Do Thái là lời chất vấn mạnh mẽ chống lại mọi thao túng ý thức hệ, thúc đẩy chúng ta mở rộng thế giới của mình, nhờ đó khả năng yêu thương của chúng ta có được chiều kích phổ quát vượt thắng mọi thành kiến, mọi rào cản lịch sử hoặc văn hóa, mọi lợi ích nhỏ nhen.

Lời kêu van của người khách lạ

84. Sau cùng, tôi lưu ý đến một đoạn Tin Mừng, trong đó Chúa Giêsu đã nói: “Tôi là khách lạ các người đã tiếp rước” (Mt 25,35). Chúa Giêsu đã có thể công bố những lời này bởi vì Ngài có một trái tim rộng mở, nhạy cảm với những nỗi khổn quẫn của người khác. Thánh Phaolô đã khuyên nhủ: “Anh em hãy vui với người vui, khóc với người khóc” (Rm 12,15). Một khi trái tim chúng ta mang lấy thái độ này thì chúng ta có khả năng đồng hóa mình với người khác, chẳng kể người đó sinh ở đâu hoặc đến từ nơi nào. Khi đi vào tiến trình này, cuối cùng chúng ta sẽ cảm nghiệm được người khác là “anh em cốt nhục” của mình (Is 58,7).

85. Đối với các Kitô hữu, những lời của Đức Giêsu còn có một chiều kích siêu việt khác, khiến họ nhận ra chính Đức Kitô trong mỗi người anh em bị bỏ rơi hoặc bị loại trừ (x. Mt 25,40.45). Trong thực tế, đức tin tạo lập lòng tôn trọng người khác dựa trên những thúc đẩy lạ thường, bởi lẽ các tín hữu nhận biết rằng Thiên Chúa yêu thương từng người bằng một tình yêu vô biên và “Ngài cũng ban cho mỗi người một phẩm giá vô biên”[61]. Hơn nữa chúng ta tin rằng Chúa Kitô đã đổ máu mình ra cho mọi người và cho từng người, vì thế, không ai ở ngoài tình yêu phổ quát của Ngài. Và nếu chúng ta đi đến tận nguồn tình yêu đó, nghĩa là đi vào đời sống thâm sâu thân mật của Thiên Chúa, chúng ta sẽ thấy một cộng đồng Ba Ngôi, là nguồn gốc và mẫu mực hoàn hảo của mọi đời sống cộng đồng. Đã có những triển khai thần học sâu rộng về điểm này. Thần học ngày càng phong phú nhờ suy tư về chân lý lớn lao đó.

86. Đôi khi tôi lấy làm tiếc vì mặc dù đã có được những thúc đẩy như thế, Giáo hội đã phải mất một thời gian rất dài mới mạnh mẽ lên án nạn nô lệ và những hình thức bạo lực. Ngày nay, với sự tiến triển của linh đạo và thần học, chúng ta không còn lý do để biện minh nữa. Tuy nhiên, vẫn còn có những người dường như cảm thấy niềm tin của mình cổ vũ hoặc ít ra chấp nhận các hình thức chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và bạo lực, thái độ bài ngoại, miệt thị, thậm chí ngược đãi những ai khác mình. Đức tin, bao hàm cả chủ nghĩa nhân bản, phải giữ được cảm thức phê phán trước các khuynh hướng này và tức thời phản ứng khi chúng xuất đầu lộ diện. Chính vì thế, điều quan trọng là trong huấn giáo và giảng dạy cần đề cập cách trực tiếp và rõ ràng hơn những nội dung liên quan đến ý nghĩa xã hội của hiện sinh, chiều kích huynh đệ của linh đạo, niềm xác tín về phẩm giá không thể tước bỏ của mỗi người và những lý do để yêu thương và đón nhận mọi người.

CHƯƠNG BA

DỰ PHÓNG VÀ KIẾN TẠO MỘT THẾ GIỚI MỞ

87. Con người được tạo dựng cách nào đó, sao cho họ không thể sống, phát triển và đạt đến mức thành toàn nếu không “chân thành trao ban chính mình”[62]. Con người cũng không thể hiểu biết tường tận sự thật về chính mình, nếu không gặp gỡ người khác: “Tôi chỉ thực sự thông hiệp với

chính mình trong mức độ tôi thông hiệp với người khác”[63]. Điều đó giải thích tại sao không ai có thể cảm nghiệm được giá trị của cuộc sống nếu không có những khuôn mặt cụ thể để yêu thương. Điều này tỏ lộ bí ẩn của kiếp nhân sinh đích thực, vì “sự sống tồn tại nơi nào có mối liên kết, có sự hiệp thông, có tình huynh đệ; và sự sống mạnh hơn cái chết khi nó được xây dựng trên những mối quan hệ chân thực và sự gắn bó thủy chung. Ngược lại, sự sống không tồn tại nơi nào người ta cho rằng mình chỉ thuộc về mình và sống như những ốc đảo: cái chết đã thắng thế nơi những thái độ này”[64].

VƯỢT KHỎI CHÍNH MÌNH

88. Từ đáy sâu tâm hồn, tình yêu tác tạo những mối dây liên kết và mở rộng cuộc hiện sinh khi kéo con người ra khỏi chính mình để đến với người khác[65]. Được tạo dựng cho tình yêu, mỗi người chúng ta đều mang trong mình “một phép ‘xuất thần’: ra khỏi chính mình để tìm gặp nơi người khác chính bản thân mình cách tròn đầy hơn”[66]. Đó là lý do tại sao “con người bằng mọi cách, phải thực hiện cho được việc ra khỏi chính mình”[67].

89. Nhưng trong cuộc sống tôi không thể thu hẹp các mối tương quan để chỉ còn liên hệ với một nhóm nhỏ, ngay cả với riêng gia đình tôi, bởi lẽ tôi không thể hiểu được mình nếu không có một mạng lưới liên hệ rộng rãi hơn: không chỉ là những liên hệ hiện tại của tôi mà cả những liên hệ đã có trước đây và đào luyện tôi suốt cả cuộc đời. Dầu tôi có được mối tương quan rất thẩm thiết với người mà tôi yêu quý, thì tôi cũng không được quên rằng người này không chỉ sống vì tôi cũng như tôi không chỉ sống vì người ấy. Mối liên hệ của chúng ta, nếu lành mạnh và chân thật, sẽ rộng mở đến những người khác, nhờ đó chúng ta sẽ được triển nở và phong phú hơn. Hiện nay, cảm thức xã hội, với ý nghĩa cao quý nhất của sự hợp quần, ngày càng bị thu hẹp, nhường chỗ cho những mối liên kết ích kỷ mang dáng vẻ thẩm thiết. Thế mà tình yêu chân chính vốn làm cho con người được triển nở cùng với tình bằng hữu đích thực chỉ ngự trị nơi những tâm hồn biết mở ra để được lấp đầy. Muốn kết đôi hay trở nên bạn hữu, chúng ta phải mở rộng con tim để đến với những nhóm người khác, nhờ đó chúng ta có khả năng ra khỏi chính mình, ngõ hầu đón nhận tất cả mọi người. Những nhóm khép kín và những đôi bạn chỉ biết đến mình tạo thành một cái “chúng tôi” đối nghịch với mọi người, thường là biểu hiện rõ ràng của thói ích kỷ chỉ lo phòng giữ cho riêng mình.

90. Điều đáng nói là nhiều ngôi làng nhỏ trong những vùng hẻo lánh đã có thể quảng đại tiếp đón các khách hành hương và xem đó như bốn phận thiêng thánh của lòng hiếu khách. Những cộng đoàn tu sĩ thời trung cổ cũng đã chứng tỏ điều đó, như Luật Thánh Biển Đức minh chứng. Mặc dù việc đón tiếp này có thể gây xáo trộn cho nề nếp trật tự và bầu khí thinh lặng của các Đan viện, Thánh Biển Đức yêu cầu “phải hết sức ân cần chăm sóc những người nghèo và các khách hành hương”[68]. Việc gặp gỡ những người ngoài cộng đoàn vừa là một thách thức vừa là một món quà mà lòng hiếu khách là cách thức biểu lộ cụ thể của việc sẵn sàng đón nhận. Các đan sĩ hiểu rằng, mọi điều giá trị mà họ thu đắc nhờ tu luyện đều cần phải đi kèm với khả năng vượt khỏi chính mình để mở ra với người khác.

Giá trị vô song của tình yêu

91. Người ta có thể củng cố một số thái độ mang dáng vẻ giá trị luân lý: dũng cảm, tiết độ, chuyên chăm và những đức tính khác. Nhưng để các hành vi được tương hợp với các nhân đức luân lý, cần phải xét xem những hành vi ấy có mang lại sức năng động có khả năng mở ra và liên kết với người khác hay không, nếu có thì đến mức độ nào. Sức năng động này chính là đức ái được Thiên Chúa phú ban, nếu như không có, chúng ta chỉ có thể vun trồng vẻ ngoài của nhân đức, vốn không có khả năng xây dựng đời sống chung. Chính vì thế thánh Tôma Aquinô, khi trích dẫn Augustinô, đã khẳng định rằng: sự tiết độ của người hà tiện không phải là nhân đức[69]. Về phần mình, thánh Bônaventura giảng giải rằng: nếu không có đức ái, các nhân đức khác không thể giúp ta thực sự chu toàn các giới răn “như cách Thiên Chúa muốn”[70].

92. Tầm vóc thiêng liêng của đời người mang nét đặc trưng của tình yêu. Tình yêu, suy cho cùng, là “tiêu chuẩn xác định cuộc đời của một người có giá trị hay không”[71]. Tuy nhiên, có những tín hữu nghĩ rằng uy thế của họ là ở chỗ áp đặt ý thức hệ lên người khác hoặc ở chỗ dùng bạo lực để bảo vệ sự thật hoặc bằng cách rầm rộ biểu dương lực lượng. Là các tín hữu, tất cả chúng ta đều phải nhận biết điều này: tình yêu là điều tối thượng, đừng bao giờ để tình yêu lâm vào vòng nguy hiểm và nguy hiểm trầm trọng nhất chính là việc không yêu thương (x. *1 Cr 13,1-13*).

93. Để xác định rõ đặc điểm của tình yêu được chúng ta cảm nghiệm nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Thánh Tôma Aquinô đã định nghĩa tình yêu như một chuyển động khiến ta tập chú đến người khác “bằng cách xem người ấy như là một với chính mình”[72]. Tình cảm dành cho người khác dẫn đến việc mưu cầu thiện ích cho người ấy cách vô vị lợi. Điều này khởi đi từ cảm thức quý mến, trân trọng phẩm giá của người khác, tóm lại được diễn tả bằng từ ngữ “bác ái”: người được yêu là người rất “quý báu” đối với tôi, “người ấy được đánh giá cao”[73]. Và “tình yêu khiến ai đó đẹp lòng (*grata*) tôi chính là lý do khiến tôi trao ban cho họ cách vô vị lợi (*gratis*)”[74].

94. Do đó tình yêu bao trùm hơn, chứ không chỉ là hàng loạt nghĩa cử. Đó là những hành động phát xuất từ sự liên kết với người khác ngày càng bền chặt hơn, nhìn nhận phẩm giá của người ấy, thấy họ đáng được tôn trọng, dễ mến và tốt đẹp, bất kể dáng vẻ bên ngoài hoặc tình trạng đạo đức của họ. Yêu người khác vì bản thân người ấy, vì những gì họ là, sẽ thúc đẩy chúng ta mưu cầu điều tốt đẹp nhất cho họ. Chỉ khi vun trồng loại tương quan này chúng ta mới có thể tạo được tình bằng hữu xã hội không loại trừ và tình huynh đệ mở ra cho hết mọi người.

TÌNH YÊU MỞ RỘNG

95. Sau hết, tình yêu thúc đẩy chúng ta hiệp thông với hết mọi người. Không ai có thể trưởng thành và đạt tới mức thành toàn khi sống tách biệt người khác. Bởi tính năng động của nó, tình yêu đòi ngày một mở rộng, ngày càng có khả năng đón nhận người khác, bằng cách thực hiện một cuộc phiêu lưu không ngừng nghỉ làm cho tất cả các vùng ngoại vi cùng hướng đến cảm thức thật sự thuộc về nhau. Như Đức Giêsu đã nói với chúng ta: “Tất cả anh em đều là anh em với nhau” (*Mt*

23,8).

96. Các vùng miền và các quốc gia cũng cần vượt ra khỏi ranh giới của chính mình. Thật vậy, “việc ngày càng gia tăng số lượng các kết nối và thông tin liên lạc trong thế giới ngày nay khiến chúng ta ý thức rõ ràng về tính thống nhất và định mệnh chung giữa các quốc gia. Chúng ta nhận ra trong những biến chuyển của lịch sử cũng như trong tính đa dạng của các sắc dân, các xã hội và các nền văn hóa, các mầm mống của thiên hướng tạo lập một cộng đồng những anh chị em biết đón nhận và chăm sóc cho nhau”[75].

Xã hội mở có khả năng dung nạp mọi người

97. Có một số vùng ngoại vi ở ngay bên chúng ta, giữa thành phố hoặc trong chính gia đình chúng ta. Cũng có một hình thức tình yêu phổ quát mở ra, không mở ra về địa lý nhưng mở ra trong cuộc sống. Đó là khả năng mỗi ngày mở rộng vòng tròn thân thiện của tôi, tìm đến với những người không hẳn nhiên được tôi quan tâm, dù họ ở gần bên tôi. Hơn nữa, mỗi anh chị em đau khổ, bị xã hội bỏ rơi hoặc không ngó ngang tới, đều là ngoại kiều ngay trong đất nước họ sinh ra, một thứ ngoại kiều của thực tế cuộc sống. Họ có thể là một công dân với đầy đủ giấy tờ, nhưng bị đối xử như người ngoài ngay trên đất nước mình. Nạn kỳ thị chủng tộc là một thứ virus dễ dàng đột biến và thay vì biệt tăm thì lại ẩn núp rình chờ.

98. Tôi muốn nhắc đến những “người lưu vong ẩn mặt” bị đối xử như bộ phận ngoại lai trong xã hội[76]. Nhiều người khuyết tật “cảm thấy họ sống mà chẳng thuộc về ai và cũng chẳng được tham dự vào việc gì”. Còn nhiều người khác bị “ngăn cản không được có đầy đủ tư cách công dân”. Mỗi quan tâm của chúng ta không chỉ là chăm sóc họ mà còn bảo đảm cho họ được “tham gia tích cực vào cộng đồng dân sự và Giáo hội. Đó là hành trình vừa đòi hỏi lại vừa khó khăn, sẽ ngày càng góp phần vào việc đào tạo lương tâm biết nhìn nhận mỗi cá nhân là một con người duy nhất và không thể thay thế”. Tôi cũng nghĩ đến “những người cao tuổi, nhất là vì yếu đuối khuyết tật, đôi khi bị coi là gánh nặng”. Tuy nhiên, mỗi người trong số những người này đều có thể mang lại “phần đóng góp riêng vào thiện ích chung, qua đời sống độc đáo họ đã trải qua”. Cho phép tôi nhấn mạnh rằng phải có “can đảm mang lại tiếng nói cho những người, vì có khiếm khuyết mà bị phân biệt đối xử. Bởi vì, thật đáng buồn, kể cả ngày nay tại một số nước, người ta khó lòng nhìn nhận phẩm giá bình đẳng của những con người này”[77].

Những cách hiểu không đúng về tình yêu phổ quát

99. Tình yêu vượt khỏi các ranh giới được đặt nền tảng trên điều được gọi là “tình bằng hữu xã hội” trong mỗi thành phố hoặc mỗi quốc gia. Khi một cộng đồng có được tình bằng hữu xã hội chân chính, thì đây chính là điều kiện để cộng đồng đó thực sự mở ra đón nhận mọi người. Lý tưởng này không phải là chủ thuyết phổ quát giả hiệu của người luôn có nhu cầu phải đi đây đi đó, họ đi vì không chịu đựng được cũng không yêu mến người dân nước mình. Kẻ xem thường chính người dân nước mình thường thiết lập thứ bậc trong xã hội: người hạng nhất hoặc hạng hai, người

có phẩm giá cao hay phẩm giá kém, người có nhiều quyền hoặc ít quyền. Bằng cách này, họ phủ nhận việc có chỗ cho tất cả mọi người.

100. Chắc chắn tôi không đề xuất một chủ thuyết phổ quát độc đoán và trừu tượng, được nghĩ ra hoặc lên kế hoạch bởi một số người và được giới thiệu như một lý tưởng với tham vọng đồng nhất, thống trị và cướp bóc. Có thứ mô hình toàn cầu hóa “nhất quyết đạt đến sự đồng nhất một chiều và mưu toan loại trừ mọi khác biệt và mọi truyền thống chỉ nhằm tìm kiếm sự thống nhất hời hợt bề ngoài. [...] Nếu có mô hình toàn cầu hóa nào đó có ý định san bằng tất cả [...], như thể san bằng một khối cầu, thì loại toàn cầu hóa này phá hủy tính phong phú cũng như tính đặc thù của từng con người và của từng dân tộc”[78]. Chủ thuyết phổ quát sai lầm này cuối cùng sẽ tước mất nét đa dạng muôn màu và nét đẹp của thế giới và rút cuộc cả nhân tính của nó nữa. Thật vậy, “tương lai không chỉ đơn điệu một màu, nhưng [...] có thể muôn màu muôn sắc, nếu chúng ta can đảm nhìn ngắm nó trong nét đa dạng và khác biệt mà mỗi cá nhân có thể cống hiến. Ôi, gia đình nhân loại chúng ta cần học hỏi biết mấy cách sống chung hòa thuận êm ấm mà không cần mọi người phải giống y như nhau!”[79].

VƯỢT KHỎI THẾ GIỚI CỦA CÁC ĐỐI TÁC

101. Giờ đây chúng ta hãy quay lại với dụ ngôn người Samari nhân hậu vì dụ ngôn này vẫn còn nhiều điều để dạy chúng ta. Khi ấy có một người bị thương nằm bên đường. Những người đi ngang qua nạn nhân đã không chú tâm lắng nghe tiếng thúc giục trong lòng mình để trở nên những người thân cận; họ đang bận tâm đến bốn phận, đến địa vị xã hội, đến uy thế nghề nghiệp trong xã hội của họ. Họ cảm thấy mình rất quan trọng đối với xã hội thời ấy và lo lắng hoàn thành vai trò đó sao cho tốt. Người bị thương bị bỏ rơi bên đường quả là điều phiền toái làm gián đoạn mọi chương trình này, hơn nữa người này chẳng có chức vị gì. Anh ta chẳng là ai cả, không thuộc một nhóm được nể trọng nào, chẳng có vai trò gì làm nên lịch sử cả. Trong khi ấy, có một người Samari nhân hậu đã vượt qua cảm dỗi xếp hạng hẹp hòi này, chính ông cũng không thuộc bất kỳ nhóm nào trong số này, đơn thuần ông chỉ là một người khách lạ không có địa vị đặc biệt nào trong xã hội. Vì không bị ràng buộc bởi chức danh và địa vị, ông có thể tạm dừng cuộc hành trình, thay đổi chương trình của mình, và sẵn sàng mở lòng đón nhận mọi sự ngoài dự tính để giúp đỡ người bị thương đang cần đến ông.

102. Câu chuyện này có thể gợi lên những phản ứng nào trong thế giới hôm nay, vẫn hằng xuất hiện ngày càng nhiều nhóm xã hội bám vào một danh tính tách biệt họ với những người khác? Làm sao câu chuyện ấy có thể đánh động tâm hồn những con người có xu hướng tự sắp xếp để ngăn ngừa sự hiện diện của mọi người xa lạ, có thể làm xáo trộn bản sắc cũng như cơ cấu phòng thủ và đóng kín của họ? Ở đây, họ không thể là người thân cận, họ chỉ có thể thân cận với những ai làm lợi cho họ. Như thế, từ ngữ ‘người thân cận’ mất hết ý nghĩa, và chỉ còn ‘bạn đối tác’ là có ý nghĩa, đối tác vì cùng hoạt động cho những lợi ích nhất định[80].

Tự do, bình đẳng và huynh đệ

103. Tình huynh đệ không đơn thuần được phát sinh bởi tôn trọng tự do cá nhân hoặc tuân thủ sự bình đẳng. Mặc dù đây là những điều kiện tiên quyết nhưng không đủ để tình huynh đệ tất yếu nảy sinh. Tình huynh đệ còn mang lại điều gì đó tích cực hơn cho tự do và bình đẳng. Điều gì sẽ xảy ra nếu tình huynh đệ không được vun xới cách ý thức, nếu không có một ý chí chính trị cổ vũ tình huynh đệ, qua việc giáo dục tình huynh đệ, đối thoại và khám phá các giá trị của nhau để làm phong phú cho nhau? Điều này khiến tự do bị thu hẹp, chỉ còn là tình trạng cô lập, tự ý muốn thuộc về ai hoặc về cái gì cũng được, hoặc chỉ muốn chiếm hữu và hưởng thụ mà thôi. Điều này hoàn toàn không diễn tả hết được sự phong phú của tự do vốn luôn hướng đến tình yêu.

104. Sự bình đẳng cũng không đạt được bằng một định nghĩa trừu tượng cho rằng “tất cả mọi người đều bình đẳng”. Đúng hơn, nó có được khi chúng ta vun trồng ý thức và giáo dục về tình huynh đệ. Những người là đối tác của nhau chỉ tạo ra những xã hội khép kín. Trong xã hội đó, đâu là chỗ cho người không thuộc các nhóm đối tác, nhưng ước mơ một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân và gia đình mình?

105. Chủ nghĩa cá nhân không làm cho chúng ta tự do hơn, bình đẳng hơn, huynh đệ hơn. Đơn thuần gộp tổng số lợi ích cá nhân không thể tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn cho cả nhân loại. Nó cũng không thể cứu chúng ta khỏi rất nhiều điều tệ hại đang ngày càng mang tầm mức toàn cầu. Nhưng chủ nghĩa cá nhân cực đoan là thứ virus khó loại trừ nhất. Nó lừa dối chúng ta. Nó khiến chúng ta tưởng rằng tất cả hệ tại ở việc để cho tham vọng cá nhân được tự do vận hành, như thể hễ cứ theo đuổi những tham vọng và an toàn cá nhân là chúng ta có thể xây dựng được lợi ích chung.

TÌNH YÊU PHỔ QUÁT THĂNG TIẾN CON NGƯỜI

106. Để thăng tiến trên con đường xây dựng tình bằng hữu xã hội và tình huynh đệ phổ quát, có một điều cơ bản và thiết yếu cần phải nhìn nhận là: ý thức *giá trị lớn lao của mỗi người, mỗi nhân vị*, ở mọi lúc và mọi hoàn cảnh. Nếu mỗi người có giá trị lớn lao như thế, thì cần phải quả quyết rõ ràng rằng “riêng việc một số người sinh ra ở nơi ít tài nguyên hoặc kém phát triển thì không thể là lý do để biện minh cho việc họ phải sống kém phẩm giá”[81]. Nguyên tắc cơ bản này của đời sống xã hội thường bị bỏ qua theo nhiều cách bởi những người thấy rằng nó không phù hợp với thể giới quan của họ hoặc không phục vụ cho các mục tiêu của họ.

107. Mọi người đều có quyền sống đúng nhân phẩm và được phát triển đầy đủ. Không quốc gia nào được từ chối quyền cơ bản này. Mọi người đều có quyền này ngay cả đối với người không có khả năng làm việc hoặc được sinh ra và lớn lên với những hạn chế. Thật vậy, điều này không làm giảm phẩm giá cao cả của người ấy xét như một nhân vị, phẩm giá này không dựa trên hoàn cảnh cuộc sống mà dựa trên giá trị nội tại của chính con người ấy. Khi nguyên tắc cơ bản này không được tôn trọng, thì tình huynh đệ cũng như sự sống còn của nhân loại sẽ không có tương lai.

108. Một số xã hội chỉ chấp nhận một phần nguyên tắc này. Họ đồng ý rằng mọi người đều phải

có cơ hội, nhưng lại cho rằng mọi sự tùy thuộc vào cá nhân mỗi người. Từ quan điểm phiến diện này, sẽ là vô nghĩa khi “đầu tư để những người chậm chạp, những người yếu kém hoặc thiếu năng có thể làm được điều gì đó trong cuộc đời”[82]. Đầu tư cho những người yếu kém có thể là điều không mang lại lợi nhuận, cũng như kém hiệu quả. Việc này đòi hỏi một nhà nước luôn có mặt và tích cực hoạt động, cũng như các tổ chức xã hội dân sự vốn thực sự hướng tới con người và công ích, phải vượt lên trên hoạt động tự do của cơ chế duy hiệu năng trong một số hệ thống kinh tế, chính trị hoặc ý thức hệ.

109. Đối với những người sinh ra trong các gia đình có điều kiện kinh tế ổn định, được học hành đến nơi đến chốn, được nuôi dưỡng no đủ nên khỏe mạnh, hoặc tự nhiên có được các khả năng trội vượt, chắc chắn sẽ không cần một nhà nước tích cực mà chỉ yêu cầu có tự do. Nhưng hiển nhiên không thể áp dụng cùng một quy tắc ấy cho những người khuyết tật, những người sinh ra trong một gia đình nghèo khổ cùng cực, được giáo dục kém cỏi và không được chăm sóc y tế đầy đủ như họ đáng được. Nếu xã hội được điều hành chủ yếu bởi các tiêu chuẩn của thị trường tự do và duy hiệu năng, thì sẽ không có chỗ cho những con người như thế và tình huynh đệ chỉ là một mỹ từ lãng mạn.

110. Thực ra “tuyên bố về tự do kinh tế trở thành một diễn từ mâu thuẫn khi hoàn cảnh thực tế ngăn cản nhiều người không thực sự tiếp cận được nó và các cơ may tìm được việc làm thì giảm sút”[83]. Những từ ngữ như tự do, dân chủ hay tình huynh đệ đều trở nên vô nghĩa. Vì trong thực tế, “bao lâu hệ thống kinh tế - xã hội của chúng ta còn tạo ra một nạn nhân và bao lâu chỉ còn một người bị gạt bỏ, thì chúng ta không thể ăn mừng tình huynh đệ phổ quát”[84]. Một xã hội thực sự nhân bản và huynh đệ sẽ có khả năng bảo đảm cách bền vững và hữu hiệu chuyển mọi thành viên đều được đồng hành trong mỗi giai đoạn của cuộc đời, không chỉ để đáp ứng các nhu cầu căn bản của họ, mà còn để họ có thể cống hiến những gì tốt nhất của bản thân, cho dù sự cống hiến của họ không nhiều lắm, cho dù họ bước đi chậm chạp hay năng lực của họ có giới hạn.

111. Với những quyền không thể bị tước bỏ, nhân vị, tự bản chất, là mở ra để tương quan. Từ nơi sâu thẳm tâm hồn vang lên tiếng mời gọi chúng ta vượt lên trên chính mình để gặp gỡ người khác. Bởi thế, “cần phải cẩn thận để không rơi vào những lầm lẫn có thể nảy sinh từ việc hiểu sai khái niệm nhân quyền và sử dụng sai các quyền đó. Thực vậy, ngày nay người ta có xu hướng đòi hỏi quyền cá nhân ngày càng lớn - tôi muốn nói đến tính chất cá nhân chủ nghĩa. Điều này ẩn giấu một quan niệm về nhân vị tách biệt khỏi mọi bối cảnh xã hội và nhân học, con người được xem gần giống như một “đơn tử” (*monad*), ngày càng vô cảm với mọi sự [...]. Nếu các quyền của cá nhân không được sắp đặt hài hòa với thiện ích lớn hơn, thì rốt cuộc quyền đó sẽ tự cho mình là vô giới hạn và từ đó trở thành nguồn xung đột và bạo lực”[85].

CỔ VÕ SỰ THIỆN LUÂN LÝ

112. Chúng ta không thể không nói rằng việc mong muốn và tìm kiếm điều tốt đẹp cho người khác và cho toàn thể nhân loại cũng hàm ý việc cố giúp con người và xã hội trưởng thành trong việc

sống các giá trị luân lý làm phát triển con người toàn diện. Trong Tân Ước, có nói tới một trong những hoa trái của Chúa Thánh Thần (x. Gl 5,22) được diễn tả bằng từ Hy Lạp *agathosyne*. *Agathosyne* nghĩa là gắn kết với sự thiện, tìm kiếm điều thiện. Hơn nữa, còn là muốn tìm điều có giá trị hơn, điều tốt đẹp nhất cho người khác. Đó là giúp họ trưởng thành, phát triển một cuộc sống lành mạnh, vun trồng các giá trị chứ không chỉ là các thiện ích vật chất. Tiếng La tinh có một diễn ngữ tương tự *benevolentia*, nghĩa là thái độ muốn điều tốt đẹp cho người khác. Đó là một ước muốn mạnh mẽ những điều tốt đẹp, một hướng chiều về tất cả những gì tốt đẹp và tuyệt vời, thúc đẩy chúng ta làm phong phú cuộc sống của người khác bằng những điều tốt đẹp, thanh cao và hướng thượng.

113. Về điểm này, tôi lấy làm buồn mà nhấn mạnh rằng “chúng ta bị suy thoái luân lý đã từ rất lâu, chúng ta coi thường đạo đức, lòng nhân ái, niềm tin và sự trung thực. Đã đến lúc phải nhìn nhận ra rằng thói hời hợt vô tư này chẳng có ích gì cho chúng ta. Các nền tảng của đời sống xã hội bị hủy hoại như thế rồi cuộc sẽ khiến chúng ta chống lại nhau chỉ để bảo vệ lợi ích riêng tư”[86]. Chúng ta hãy quay lại với việc cố gắng làm điều thiện, cho bản thân và cho toàn thể nhân loại, và như thế chúng ta sẽ cùng nhau tiến bước hướng tới sự phát triển đích thực và toàn diện. Mọi xã hội cần phải bảo đảm các giá trị được lưu truyền, bằng không điều được lưu truyền sẽ là lòng vị kỷ, bạo lực, đồi trụy dưới nhiều hình thức, sự dửng dưng và, cuối cùng, một cuộc đời khép kín trước chân trời siêu việt và cố thủ trong những lợi ích cá nhân.

Giá trị của tình liên đới

114. Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh đến tình liên đới. “Sự liên đới, như là một nhân đức luân lý và là một thái độ xã hội vốn là kết quả của một sự hoán cải cá nhân, đòi hỏi dẫn thân của nhiều chủ thể có trách nhiệm về giáo dục và đào tạo. Trước tiên, tôi nghĩ đến các gia đình được mời gọi đảm nhận sứ mạng hàng đầu và thiết yếu, là giáo dục. Gia đình là nơi đầu tiên các giá trị của tình yêu thương và huynh đệ, chung sống và sẻ chia, quan tâm và chăm sóc người khác được sống và truyền thụ lại. Gia đình cũng là môi trường ưu tiên để truyền dạy đức tin, bắt đầu từ những cử chỉ đơn sơ diễn tả lòng đạo mà các bà mẹ dạy cho con cái mình. Các nhà giáo dục và đào tạo có nhiệm vụ tận tâm dạy dỗ trẻ nhỏ và thanh thiếu niên trong trường học hoặc trong các trung tâm xã hội giáo dưỡng khác nhau, cần phải ý thức rằng trách nhiệm của họ cũng liên quan đến các chiều kích luân lý, tâm linh và xã hội. Các giá trị tự do, tôn trọng lẫn nhau và tình liên đới có thể được truyền thụ ngay từ khi còn nhỏ. [...] Những người làm việc trong ngành văn hóa và truyền thông xã hội cũng có trách nhiệm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là với xã hội hiện nay, khi các phương tiện thông tin và liên lạc ngày càng phổ biến”[87].

115. Sống trong thời đại như hôm nay khi mọi thứ dường như phân rã và mất tính nhất quán, chúng ta nên nhấn mạnh tới sự “bền vững”[88], bắt nguồn từ việc ý thức mình có trách nhiệm về sự yếu kém của người khác trong khi theo đuổi xây dựng một vận mệnh chung. Sự liên đới, được biểu lộ cụ thể trong việc phục vụ, có thể có những hình thức rất khác nhau trong trách nhiệm chăm lo cho người khác. Mà phục vụ “phần lớn là quan tâm đến những hoàn cảnh bất bênh. Phục

vụ có nghĩa là chăm sóc những thành viên yếu kém của gia đình chúng ta, xã hội chúng ta, dân tộc chúng ta”. Trong khi làm nhiệm vụ này, mỗi người có thể “gác lại những nhu cầu, khát vọng, ham muốn quyền lực của mình, đối diện với cái nhìn cụ thể của người anh em yếu kém nhất. [...] Phục vụ luôn nhìn đến khuôn mặt của họ, chạm vào da thịt của họ, cảm nhận gần gũi với họ đến mức, đôi khi, phải chịu lấy “nỗi đau” và cố gắng cải thiện tình cảnh của họ. Vì thế, phục vụ không bao giờ có tính ý thức hệ, vì chúng ta không phục vụ các ý tưởng, mà là phục vụ con người”[89].

116. Những người rốt hết thường “sống một tình liên đới đặc biệt tồn tại giữa những người đau khổ, những người nghèo túng, những người mà nền văn minh của chúng ta dường như lãng quên, hay tệ hơn, rất muốn quên. Liên đới là một từ không phải lúc nào người ta cũng thích; tôi có thể nói rằng, đôi khi nó bị biến thành một từ xấu xí không thể nói ra. Nhưng thật ra đó là một từ có nhiều ý nghĩa hơn là chỉ làm vài việc quảng đại lúc này lúc khác. Liên đới có nghĩa là suy nghĩ và hành động vì cộng đồng, ưu tiên cho cuộc sống của tất cả mọi người hơn là cho việc sở hữu thiện ích của một ít người. Nó cũng có nghĩa là đấu tranh chống lại các nguyên nhân có tính cơ cấu sinh ra nghèo đói, bất bình đẳng, thiếu việc làm, thiếu đất đai và thiếu nhà ở, chối bỏ các quyền xã hội và lao động. Nó có nghĩa là đương đầu với những tác hại hủy diệt của đế chế tiền bạc. [...] Sự liên đới, hiểu theo nghĩa sâu xa nhất, là một cách làm nên lịch sử và đó chính là điều các phong trào quần chúng thực hiện”[90].

117. Khi nói đến việc chăm sóc ngôi nhà chung là hành tinh của chúng ta, chúng ta đang nại đến mức tối thiểu của ý thức cộng đồng phổ quát và tinh thần quan tâm lẫn nhau vốn vẫn còn tồn tại nơi con người. Thật vậy, nếu một người có thể dùng nước cách dư dả nhưng vì nghĩ đến người khác nên quyết định sử dụng cách tiết kiệm, thì người ấy đã đạt đến mức đạo đức cao cả thúc đẩy họ vượt trên chính bản thân mình và nhóm của mình. Đó quả là một đức tính nhân bản tuyệt vời! Chúng ta cũng phải sống như vậy, nếu nhìn nhận các quyền của mọi người, ngay cả khi họ sinh ra ở nơi khác.

XEM LẠI VAI TRÒ XÃ HỘI CỦA TÀI SẢN

118. Thế giới hiện hữu là để cho mọi người, vì tất cả chúng ta đều là những nhân vị được sinh ra trên trái đất này với cùng một phẩm giá. Sự khác biệt về màu da, tôn giáo, khả năng, quê quán, nơi cư trú, và biết bao điều khác nữa, đều không thể được coi là ưu tiên hoặc được dùng để biện minh cho đặc quyền của một số người gây thiệt thòi cho mọi người khác. Do đó, với tư cách là một cộng đồng, chúng ta có nghĩa vụ bảo đảm cho mọi người được sống với phẩm giá và có những cơ hội thích đáng để phát triển toàn diện.

119. Trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, một số hiền giả đã suy tư và triển khai một viễn kiến phổ quát về mục đích chung của các của cải thiên nhiên[91]. Từ đó họ đi đến quan điểm cho rằng khi một người không có được những điều kiện cần thiết để sống xứng đáng với phẩm giá con người thì đó là vì có một người khác đang chiếm giữ nó. Thánh Gioan Kim Khẩu tóm tắt điều đó khi nói rằng “không chia sẻ một phần của cải của mình cho người nghèo là ăn cắp của người

nghèo và cướp đi chính mạng sống của họ. Của cải chúng ta sở hữu không phải là của chúng ta mà là của họ”[92]. Nói cách khác, như thánh Grêgôriô Cả đã khẳng định: “Khi chúng ta trao cho người nghèo cái gì đó, thì không phải là chúng ta cho họ những gì của mình, nhưng là trả lại cho họ những gì thuộc về họ”[93].

120. Một lần nữa, tôi xin nhắc lại cho mọi người lời của thánh Gioan Phaolô II mà có lẽ sức thuyết phục của lời này chưa được nhận biết đầy đủ: “Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể loài người, để trái đất có thể nuôi sống tất cả các thành viên của nó, không loại trừ hay thiên vị”[94]. Theo nghĩa này, tôi nhắc lại rằng “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ nhìn nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hoặc bất khả xâm phạm, và đã nhấn mạnh đến vai trò xã hội của mọi hình thức tư hữu”[95]. Nguyên tắc tất cả mọi người được hưởng dùng chung những tài sản thiên nhiên là “nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự đạo đức - xã hội”[96]; đó là quyền tự nhiên, nguyên thủy và ưu tiên[97]. Tất cả các quyền khác liên quan đến của cải cần thiết cho sự phát triển toàn diện của các nhân vị, gồm cả quyền tư hữu và mọi quyền sở hữu khác, thì “không được cản trở, trái lại phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền này”, như thánh Phaolô VI đã khẳng định[98]. Quyền tư hữu chỉ có thể được xem như một quyền tự nhiên thứ yếu và xuất phát từ nguyên tắc về mục đích phổ quát của của cải thụ tạo. Điều này có những hệ quả rất cụ thể phải được phản ánh trong việc vận hành xã hội. Tuy nhiên, thực tế thường xảy ra là các quyền thứ cấp lại được đặt trên các quyền ưu tiên và quyền nguyên thủy, đó là điều không thích đáng.

Các quyền không biên giới

121. Như vậy, không ai có thể bị loại bỏ dù họ sinh ra ở đâu, và càng không thể bị loại trừ vì đặc quyền của những người khác, những người được sinh ra ở một nơi có hoàn cảnh thuận lợi hơn. Các giới hạn và ranh giới của các quốc gia không thể ngăn cản điều này. Như thế không thể chấp nhận việc một người có ít quyền hơn vì họ là phụ nữ, cũng như không thể chấp nhận được rằng nơi sinh ra hay nơi cư trú của người nào đó tự nó là lý do khiến người đó ít có cơ hội hơn để sống xứng phẩm giá của mình và để thăng tiến.

122. Sự phát triển không được nhằm mục đích ngày càng thu tích của cải cho một số ít người, nhưng phải bảo đảm “các quyền con người, quyền cá nhân và xã hội, về kinh tế và chính trị, bao gồm cả quyền của các quốc gia và dân tộc”[99]. Quyền tự do kinh doanh hoặc thị trường của một số người không thể lấn át quyền của các dân tộc và phẩm giá của người nghèo, cũng không lấn át nghĩa vụ tôn trọng môi trường, bởi vì “ai sở hữu cái gì đó, thì chỉ là để quản lý nó vì lợi ích của mọi người”[100].

123. Hoạt động kinh doanh thực sự “là một ơn gọi cao quý nhằm tạo ra của cải và làm cho thế giới nên tốt đẹp hơn cho mọi người”[101]. Thiên Chúa khích lệ chúng ta, mong đợi chúng ta phát triển những khả năng mà Ngài đã ban cho chúng ta, cũng như Ngài đã ban cho vũ trụ này đầy các tiềm lực. Trong kế hoạch của Ngài, “mỗi người được kêu gọi để thăng tiến sự phát triển của mình”[102], điều này bao gồm việc phát triển khả năng kinh tế và kỹ thuật, để gia tăng phúc lợi và của cải. Tuy

nhiên, trong mọi trường hợp, các khả năng kinh doanh, vốn là ơn phúc Chúa ban, phải được định hướng rõ ràng để phát triển người khác và để xóa đói giảm nghèo, nhất là qua việc tạo ra nhiều loại công ăn việc làm. Quyền tư hữu luôn gắn liền với một nguyên tắc quan trọng hơn và ưu tiên hơn đó là mọi tư hữu phải phục tùng mục đích phổ quát liên quan đến các phúc lợi của trái đất và do đó, mọi người đều có quyền sử dụng chúng[103].

Quyền của các dân tộc

124. Ngày nay, việc xác tín về mục đích phổ quát liên quan đến các của cải trên trái đất cũng phải áp dụng cho cả các quốc gia, cho lãnh thổ và tài nguyên của các quốc gia đó. Nếu đúng là tất cả những điều này không chỉ được xem xét khởi đi từ tính hợp pháp của quyền tư hữu và quyền công dân của một quốc gia nhất định, mà còn từ nguyên tắc đầu tiên về mục đích phổ quát của các phúc lợi trên trái đất, thì chúng ta có thể khẳng định rằng vì không được khước từ quyền hưởng dùng tài nguyên trên lãnh thổ đối với những người tị nạn đến từ nơi khác, nên mỗi quốc gia cũng thuộc về người nước ngoài. Thật vậy, như các giám mục Hoa Kỳ đã dạy, có những quyền cơ bản “đã có trước, có trước bất kỳ xã hội nào, vì chúng xuất phát từ phẩm giá được ban cho mỗi nhân vị xét như là thụ tạo của Thiên Chúa”[104].

125. Điều này cũng giả thiết một cách hiểu khác về các mối liên hệ và trao đổi giữa các quốc gia. Nếu mỗi nhân vị có một phẩm giá bất khả xâm phạm, nếu mỗi người là anh chị em của tôi và nếu thế giới này thực sự thuộc về mọi người, thì việc một người sinh ra ở đây hay sống ở nước ngoài đều không quan trọng. Đất nước của tôi cũng có trách nhiệm đối với sự phát triển của người ấy, tuy có thể thực hiện trách nhiệm này theo nhiều cách khác: quảng đại đón tiếp họ trong trường hợp khẩn thiết, giúp cải thiện điều kiện sống trong chính đất nước của họ, tránh lạm dụng hoặc làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên của các quốc gia, từ chối cộng tác vào các hệ thống tham nhũng vốn cản trở sự phát triển xứng đáng của người dân. Điều có giá trị cho các quốc gia thì cũng áp dụng cho các vùng khác nhau trong mỗi quốc gia, giữa các vùng này thường có những bất bình đẳng nghiêm trọng. Tuy nhiên đôi khi vì không có khả năng nhìn nhận phẩm giá bình đẳng của con người nên các khu vực phát triển hơn tại một số quốc gia, mong muốn rũ bỏ ‘gánh nặng’ là những vùng nghèo hơn, để họ có thể gia tăng hơn nữa mức tiêu thụ của mình.

126. Chúng ta đang nói về một mạng lưới quan hệ quốc tế mới, bởi vì không có cách nào để giải quyết các vấn đề nghiêm trọng của thế giới nếu chỉ nghĩ đến các hình thức giúp đỡ lẫn nhau giữa các cá nhân hoặc các nhóm nhỏ. Hãy nhớ rằng “sự bất bình đẳng không chỉ ảnh hưởng đến các cá nhân, mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ các quốc gia, và buộc chúng ta phải suy nghĩ đến một nền đạo đức học về các mối quan hệ quốc tế”[105]. Và công lý đòi hỏi phải công nhận và tôn trọng không chỉ các quyền cá nhân, mà cả quyền xã hội và quyền của các dân tộc[106]. Điều chúng ta đang nói ở đây ám chỉ rằng phải bảo đảm “quyền cơ bản của các dân tộc, đó là quyền được tồn tại và tiến bộ”[107], điều này đôi khi bị cản trở nghiêm trọng bởi áp lực của nợ nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, việc trả nợ chẳng những không tạo thuận lợi cho việc phát triển, mà còn hạn chế và gây khó khăn bởi những điều kiện chế tài ngặt nghèo. Dù vẫn tôn trọng

nguyên tắc theo đó mọi khoản nợ đã ký vay hợp pháp đều phải hoàn trả, nhưng cách thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các nước giàu không được gây nguy hại cho sự tồn tại và phát triển của các nước nghèo.

127. Hẳn nhiên, để thực hiện tất cả những điều này đòi hỏi phải có một lối suy nghĩ khác. Nếu chúng ta không cố gắng suy nghĩ theo lối mới, thì những điều tôi nói ở đây xem ra chỉ là không tưởng. Nhưng nếu chúng ta chấp nhận nguyên tắc tổng quát theo đó có những quyền chỉ bắt nguồn từ nhân phẩm bất khả xâm phạm của con người, thì chúng ta có thể đảm nhận thách đố dám mơ nghĩ về một nhân loại khác. Chúng ta có thể ước mong có được một hành tinh, nơi đó mọi người đều được cung cấp đất đai, nhà ở và việc làm. Đây thực sự là con đường của hòa bình, chứ không phải là chiến lược vô nghĩa và thiển cận nhằm gieo rắc sợ hãi hoặc ngờ vực trước các đe dọa từ bên ngoài. Bởi lẽ một nền hòa bình đích thực và lâu bền chỉ có thể được thực hiện “khởi đi từ một nền đạo đức toàn cầu về tình liên đới và hợp tác, nhằm phục vụ một thế giới tương lai được định hình bởi sự phụ thuộc lẫn nhau và đồng trách nhiệm trong toàn thể gia đình nhân loại”[108].

CHƯƠNG BỐN

MỘT TRÁI TIM MỞ RA CHO TOÀN THẾ GIỚI

128. Để cho khẳng định theo đó tất cả chúng ta, với tư cách là con người, đều là anh chị em, không chỉ là một ý tưởng trừu tượng mà trở thành hiện thực cụ thể, chúng ta phải đối mặt với một số thách đố. Các thách đố này thúc đẩy chúng ta, buộc chúng ta phải có những tầm nhìn mới và triển khai những giải đáp mới.

GIỚI HẠN CỦA CÁC BIÊN GIỚI

129. Những thách đố phức tạp nảy sinh khi người kế bên chúng ta là di dân[109]. Tất nhiên, tốt nhất là tránh được những cuộc di cư không cần thiết. Muốn thế, thì tại các nước xuất phát di dân phải làm sao để dân chúng có thể có được một cuộc sống xứng phẩm giá, và nhờ đó họ có được những điều kiện để phát triển toàn diện. Nhưng khi nào còn chưa có những tiến bộ đáng kể theo hướng đó, thì bốn phận của chúng ta là phải tôn trọng quyền mỗi người có nơi sinh sống không chỉ đáp ứng các nhu cầu căn bản của bản thân và gia đình, mà còn thể hiện được đầy đủ tư cách của một nhân vị. Những nỗ lực của chúng ta dành cho những người di cư mới đến có thể được tóm tắt trong bốn động từ sau đây: tiếp đón, bảo vệ, thăng tiến và làm cho hội nhập. Thật vậy, “đây không phải là các chương trình trợ giúp từ trên xuống, mà là cùng nhau đảm nhận cuộc hành trình thông qua bốn hành động này, để xây dựng các thành phố và quốc gia, vừa bảo tồn bản sắc văn hóa và tôn giáo của chúng, vừa cởi mở trước những dị biệt và biết quý trọng các dị biệt đó theo tinh thần của tình huynh đệ nhân loại”[110].

130. Điều này bao hàm một số việc cần thiết, nhất là để đáp ứng cho những người đang trốn tránh các cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng. Có thể nêu ra một số ví dụ như: gia tăng và đơn giản hóa thủ tục cấp phép nhập cảnh; thực hiện các chương trình bảo lãnh cá nhân và cộng đồng; mở các hành lang nhân đạo cho những người tị nạn yếu thế nhất; cung cấp chỗ ở thích đáng xứng hợp với phẩm giá; bảo đảm an ninh cá nhân và được hưởng các dịch vụ thiết yếu; bảo đảm sự hỗ trợ thích đáng từ lãnh sự, quyền được giữ giấy tờ tùy thân, được tiếp cận với hệ thống tư pháp cách công bằng, khả năng mở tài khoản ngân hàng và bảo đảm nhu cầu tối thiểu để sinh tồn; cho họ được tự do đi lại và khả năng làm việc; bảo vệ trẻ vị thành niên và bảo đảm cho các em được học hành theo cấp lớp quy định; dự phóng các chương trình bảo trợ hay chỗ ở tạm thời; bảo đảm tự do tôn giáo; thúc đẩy hội nhập xã hội; hỗ trợ đoàn tụ gia đình; và chuẩn bị những cộng đồng địa phương cho quá trình hội nhập[111].

131. Điều quan trọng đối với những người đã nhập cư lâu hơn và đã hội nhập vào đời sống xã hội, là việc áp dụng ý niệm “quyền công dân”, vốn “dựa trên sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ và nhờ có quyền công dân mọi người được hưởng công lý. Vì thế, trong các xã hội của chúng ta, cần phải nỗ lực thiết lập ý niệm về *quyền công dân đầy đủ* và loại bỏ kiểu nói *nhóm thiểu số* mang tính kỳ thị là kiểu nói khiến người ta có cảm giác cách biệt và tự ti, mở đường cho sự thù địch và bất hòa, phá hỏng các thành tựu và tước đi các quyền tôn giáo và dân sự của một số công dân bị kỳ thị”[112].

132. Ngoài các biện pháp thiết yếu khác nhau đó, các nước không thể một mình triển khai các giải pháp thỏa đáng “bởi vì hệ quả của sự lựa chọn của mỗi quốc gia chắc chắn sẽ có tác động trên toàn bộ cộng đồng quốc tế”. Do đó, “các đáp ứng chỉ có thể là kết quả của một công trình chung”[113] thực hiện qua việc thiết lập một hệ thống luật pháp toàn cầu liên quan đến vấn đề di dân. Trong mọi trường hợp, “cần phải lập ra các kế hoạch trung hạn và dài hạn, không chỉ giới hạn trong việc ứng phó khẩn cấp. Những kế hoạch này, một mặt sẽ trợ giúp những người di dân hội nhập hữu hiệu vào các quốc gia tiếp nhận họ, mặt khác thúc đẩy sự phát triển của các quốc gia nguyên quán của họ thông qua các chính sách liên đới. Tuy nhiên, các chính sách này không làm cho việc trợ giúp phụ thuộc vào các chiến lược và những thực hành có tính ý thức hệ xa lạ hoặc mâu thuẫn với văn hóa của các dân tộc được trợ giúp”[114].

NHỮNG QUÀ TẶNG CHO NHAU

133. Những con người khác nhau, đến từ những cảnh đời và văn hóa khác nhau, có thể trở nên quà tặng, bởi vì “chuyện di dân cũng là chuyện gặp gỡ giữa con người và văn hóa: đối với cộng đồng và xã hội tiếp nhận họ, di dân mang đến cơ hội để mọi người được giàu thêm kinh nghiệm và để phát triển con người toàn diện”[115]. Thế nên, “đặc biệt, cha xin các bạn trẻ đừng tham gia vào các mạng lưới của những kẻ muốn dùng các con chống lại các bạn trẻ khác di cư đến đất nước của các con, khi coi họ là những kẻ nguy hiểm và như những người không có cùng phẩm giá bất khả nhượng riêng cho mỗi người”[116].

134. Mặt khác, khi chúng ta chân thành đón nhận người khác, điều này sẽ mang lại cho họ những khả năng phát triển mới mẻ trong khi họ vẫn giữ được bản sắc của mình. Các nền văn hóa khác biệt, qua nhiều thế kỷ đã ngày càng trở nên phong phú, cần được giữ gìn kéo thế giới chúng ta trở nên nghèo nàn. Đồng thời, những nền văn hóa ấy cần được thúc đẩy để mở ra với những kinh nghiệm mới qua sự gặp gỡ những thực tại khác. Chúng ta không nên coi thường nguy cơ trở thành nạn nhân của sự xơ cứng văn hóa. Đó là lý do tại sao “chúng ta cần giao tiếp với nhau, khám phá những di sản phong phú của nhau, quý trọng những gì nối kết chúng ta lại và xem những dị biệt như là cơ hội phát triển trong sự tôn trọng lẫn nhau. Cần đối thoại trong kiên nhẫn và tin tưởng. Làm sao để các cá nhân, các gia đình và các cộng đồng biết chuyển trao những giá trị văn hóa của mình và đón nhận những giá trị tốt đẹp từ các kinh nghiệm của người khác”[117].

135. Ở đây tôi muốn đề cập đến vài ví dụ mà tôi đã từng đưa ra. Văn hóa La-tinh là “một thứ men mà các giá trị và khả năng của nó đã làm cho đất nước Hoa Kỳ được phong phú thêm về rất nhiều mặt [...]. Một làn sóng di cư ồ ạt rồi cuộc bao giờ cũng có ảnh hưởng và làm biến đổi nền văn hóa của một địa phương [...]. Làn sóng nhập cư ồ ạt từ Ý đã để lại dấu ấn trên nền văn hóa của xã hội Argentina, và sự có mặt của khoảng 200.000 người Do Thái có ảnh hưởng rất nhiều trên lối sống văn hóa của thành phố Buenos Aires. Nếu những người di dân được giúp đỡ hội nhập vào xã hội thì họ là mối phúc lành, là nguồn phú túc và là quà tặng mới mẻ thúc đẩy xã hội phát triển”[118].

136. Nhìn xa hơn, Đại giáo trưởng Ahmad Al- Tayyeb và tôi đã ghi nhận rằng “mối quan hệ không gì thay thế và cũng không được coi nhẹ giữa Đông và Tây hiển nhiên là mối quan hệ thiết yếu nhờ đó cả hai bên, với nền văn hóa của mình, có thể làm cho nhau trở nên phong phú, thông qua việc trao đổi và đối thoại giữa hai nền văn hóa. Phương Tây có thể khám phá nơi văn minh phương Đông những phương dược cho một số căn bệnh tâm linh và tôn giáo gây ra bởi sự thống trị của chủ nghĩa duy vật. Và phương Đông có thể tìm thấy nơi phương Tây nhiều yếu tố có thể giúp giải thoát khỏi sự yếu nhược, chia rẽ, xung đột cùng với sự yếu kém về khoa học, kỹ thuật và văn hóa. Cần phải quan tâm đến các khác biệt về tôn giáo, văn hóa và lịch sử, vốn là thành tố cốt yếu trong việc định hình nhân cách, văn hóa, và văn minh của phương Đông. Cũng cần phải củng cố các quyền căn bản của con người, nhằm góp phần bảo đảm một đời sống có phẩm giá cho mọi người ở phương Đông và phương Tây, tránh những chính sách với chuẩn mực nước đôi”[119].

Một sự trao đổi đầy hoa trái

137. Sự trợ giúp lẫn nhau giữa các quốc gia xét cho cùng sẽ sinh lợi cho tất cả. Mỗi quốc gia tiến bộ dựa trên nền tảng văn hóa gốc của mình là một kho tàng cho toàn thể nhân loại. Cần phải ý thức hơn nữa rằng ngày nay hoặc chúng ta cùng được cứu thoát hoặc không ai được cứu cả. Nghèo đói, suy đồi và đau khổ ở một vùng nào đó trên trái đất sẽ âm thầm phát sinh ra nhiều vấn đề mà cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến toàn thể hành tinh chúng ta. Nếu chúng ta lo lắng vì một chủng loài nào đó bị tận tuyệt, thì chúng ta lại càng phải lo lắng hơn vì ở nhiều nơi trên thế giới có những người và những dân tộc mà các tiềm năng và vẻ đẹp của họ không được phát triển do nghèo đói hay bởi những giới hạn khác về cơ cấu. Bởi vì, chuyện này cuối cùng rồi sẽ làm tất cả

chúng ta trở nên nghèo nàn.

138. Nếu điều đó đã luôn luôn đúng, thì ngày nay nó đúng hơn bao giờ hết, vì thế giới hiện tại liên kết với nhau rất chặt chẽ bởi hiện tượng toàn cầu hóa. Chúng ta cần đạt được một trật tự pháp lý, chính trị và kinh tế có tính toàn cầu, khả dĩ “làm gia tăng và định hướng cho việc hợp tác quốc tế vì sự phát triển tất cả các dân tộc trong tình liên đới”[120]. Cuối cùng, điều này sẽ mang lại lợi ích cho toàn thế giới, bởi vì “việc trợ giúp cho các nước nghèo được phát triển” cũng có nghĩa là “tạo nên của cải cho mọi người”[121]. Từ quan điểm phát triển toàn diện, điều này cũng giả thiết phải “để cho các nước nghèo có tiếng nói hữu hiệu đóng góp vào những quyết định chung”[122] và “tạo điều kiện cho các nước nghèo và kém phát triển dễ dàng tiếp cận với thị trường quốc tế”[123].

Sẵn sàng đón tiếp vô điều kiện

139. Tuy nhiên, tôi không muốn giản lược ý tưởng này vào một loại thuyết vị lợi. Cần có tinh thần “vô vị lợi”. Đó là khả năng làm điều gì đó chỉ vì tự thân điều ấy là tốt, không mong nhận được kết quả nào, không mong được đền đáp tức thời. Tinh thần vô vị lợi khiến chúng ta có thể đón tiếp người xa lạ, ngay cả khi điều này không đem lại cho chúng ta lợi ích cụ thể nào. Thực tế, một số quốc gia chỉ muốn đón nhận các nhà khoa học hoặc các nhà đầu tư mà thôi.

140. Ai không sống tình huynh đệ vô vị lợi thì cuộc sống người ấy sẽ biến thành cuộc mua bán đổi chác nhọc nhằn, luôn cân đo đong đếm điều mình cho đi và nhận lại. Trái lại, Thiên Chúa luôn trao tặng một cách vô vị lợi, đến độ Ngài trợ giúp cả những người bất tín với Ngài. “Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt” (Mt 5,45). Đó là lý do tại sao Chúa Giêsu dạy chúng ta: “Khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo” (Mt 6,3-4). Chúng ta đón nhận sự sống cách nhưng không, chúng ta đã không phải trả giá nào cho sự sống cả. Do đó, tất cả chúng ta có thể cho đi mà không mong được đền đáp bất cứ điều gì, làm điều tốt lành cho người khác mà không đòi hỏi họ phải đáp lại bằng cách đối xử tốt với mình. Như Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ: “Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy” (Mt 10,8).

141. Giá trị thực sự của các quốc gia trên thế giới được đo bằng khả năng ý thức mình không chỉ là một quốc gia mà còn như một gia đình của nhân loại. Điều này được đặc biệt tỏ lộ trong các thời kỳ khủng hoảng. Các hình thức chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, xét cho cùng, là biểu hiện của việc không có khả năng sống tinh thần vô vị lợi này. Họ sai lầm khi nghĩ rằng có thể tự mình phát triển mà chẳng quan tâm gì đến thảm họa ở các quốc gia khác, và cho rằng đóng kín cửa thì sẽ được bảo vệ tốt hơn. Di dân bị coi là kẻ đến chiếm đoạt chẳng cống hiến được gì. Điều này dẫn họ đến niềm tin ngây ngô cho rằng người nghèo thì nguy hiểm hoặc vô dụng, trong khi người có quyền lực là ân nhân đầy lòng quảng đại. Chỉ có nền văn hóa xã hội và chính trị nào sẵn sàng đón tiếp người khác một cách vô vị lợi mới có tương lai.

ĐỊA PHƯƠNG VÀ TOÀN CẦU

142. Chúng ta nên nhớ rằng “có sự căng thẳng giữa toàn cầu hóa và địa phương hóa. Chúng ta cần lưu ý đến tầm vóc toàn cầu để không rơi vào suy nghĩ hẹp hòi nông cạn. Đồng thời cũng cần để mắt đến những gì xảy ra ở địa phương, là nơi chân chúng ta chạm đất. Cả hai chiều kích ấy hợp lại giúp chúng ta không bị rơi vào hai thái cực. Ở thái cực này, các công dân phải sống trong một thế giới toàn cầu hóa trừu tượng. [...] Ở thái cực kia, họ trở thành một viện bảo tàng dân gian địa phương, một thế giới tách biệt, cứ quanh quẩn mãi với những cái cũ kỹ, không có khả năng đối mặt với những thách thức khác lạ và quý chuộng cái đẹp mà Thiên Chúa ban cho bên ngoài biên giới của mình”[124]. Chúng ta cần có một tầm nhìn mang tính toàn cầu để giải thoát mình khỏi nỗi trạng địa phương cục bộ. Khi ngôi nhà của chúng ta không còn là tổ ấm và bắt đầu trở thành một khu nội cấm, một nhà tù, thì tầm nhìn toàn cầu sẽ giải cứu chúng ta, vì nó như là một “nguyên nhân cứu cánh” sẽ lôi kéo chúng ta đến chỗ thành toàn. Đồng thời, cũng phải nhiệt tâm gìn giữ tính địa phương, vì tính địa phương có cái mà tính toàn cầu không có. Đó là khả năng trở nên men, đem lại sự phong phú, kích hoạt các cơ chế bổ trợ. Vì thế tình huynh đệ phổ quát và tình bằng hữu xã hội là hai cực không thể tách rời và cùng mang tính cốt yếu của mọi xã hội. Tách rời hai yếu tố ấy sẽ làm mỗi bên biến dạng và tạo ra sự phân cực nguy hiểm.

Sắc thái địa phương

143. Giải pháp ở đây không phải là một sự cởi mở để rồi phá bỏ kho tàng riêng của mình. Không thể có đối thoại với người khác mà không ý thức về căn tính của mình, cũng vậy, không thể có sự cởi mở giữa hai dân tộc nếu không phát xuất từ tình yêu đối với đất nước, dân tộc và cộng đồng văn hóa của mình. Chúng ta không thể thật sự gặp gỡ người khác nếu không đứng trên một nền móng vững chắc, vì chính trên nền móng này mà chúng ta có thể đón nhận quà tặng của người khác, và trao tặng món quà đích thực của mình. Chúng ta chỉ có thể tiếp đón tha nhân, là những người khác biệt, và trân trọng sự đóng góp độc đáo của họ khi chúng ta bén rễ chắc chắn trong dân tộc và văn hóa của mình. Mỗi người, với tất cả trách nhiệm, hãy yêu mến, chăm sóc xứ sở và lo lắng cho quê hương đất nước của mình, cũng như mỗi người phải yêu mến và chăm sóc ngôi nhà của mình để nó khỏi sụp đổ, vì những người hàng xóm sẽ chẳng làm điều đó thay ta. Cũng thế, thiện ích chung của thế giới đòi hỏi mỗi người phải bảo vệ và yêu mến quê hương mình. Nếu không, hậu quả của các thảm họa ở mỗi quốc gia cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến toàn thể hành tinh. Những điều này làm nổi bật ý nghĩa tích cực của quyền sở hữu tài sản: Tôi bảo vệ và vun trồng những gì tôi sở hữu, sao cho nó có thể góp phần vào thiện ích của mọi người.

144. Hơn nữa, điều đó cũng giả thiết phải có những cuộc trao đổi lành mạnh và phong phú. Kinh nghiệm sống ở một nơi và trong một nền văn hóa cụ thể là cơ sở cho phép ta hiểu biết sâu xa những khía cạnh của thực tại mà những người không có kinh nghiệm đó không thể dễ dàng nắm bắt được. Phổ quát toàn cầu không nhất thiết có nghĩa là mọi sự đều thuần nhất, đồng dạng, và chuẩn hóa theo một mô hình văn hóa phổ biến duy nhất, vì điều này rốt cuộc sẽ làm mất đi nét phong phú đa diện muôn sắc màu và tất cả sẽ hóa ra tẻ nhạt. Đó chính là cảm dỗ như trong trình thuật cổ xưa về Tháp Babel: cố gắng xây nên một ngọn tháp vươn tới trời nhưng không diễn tả sự hiệp nhất giữa các dân tộc có khả năng thông truyền cho nhau sự đa dạng của mình. Trái lại, đó

là một nỗ lực sai lầm, phát xuất từ lòng kiêu ngạo và tham vọng muốn tạo nên một sự hiệp nhất khác với sự hiệp nhất mà Thiên Chúa muốn trong kế hoạch quan phòng của Ngài dành cho các dân tộc (x. St 11,1-9).

145. Việc mở ra với chiều kích phổ quát có thể là giả hiệu, khi phát xuất từ những người nông cạn, không có khả năng thấu hiểu tận cùng những thực tại của xứ sở mình, hoặc những người còn nuôi dưỡng sự oán hận khôn nguôi đối với dân tộc mình. Dù trường hợp nào đi nữa, “phải không ngừng mở rộng tầm nhìn để thấy rõ sự thiện hảo lớn hơn đem lại lợi ích cho tất cả chúng ta. Nhưng cần phải làm như thế, không thoái thác cũng không để bị mất gốc. Cần phải bén rễ sâu hơn vào mảnh đất màu mỡ và lịch sử của chính xứ sở mình, vốn là quà tặng của Thiên Chúa. Chúng ta có thể làm những việc nhỏ bé, gần gũi trong tầm tay, nhưng với một tầm nhìn rộng lớn hơn. [...] Đây không phải là một khối cầu tròn trịa gây hủy bỏ, cũng không phải là một bộ phận tách rời làm cản cỗi”[125], mà là một khối đa diện, trong đó giá trị của mỗi cá nhân được tôn trọng, ở đó “toàn thể thì lớn hơn từng phần, và cũng lớn hơn tổng số các thành phần”[126].

Chân trời phổ quát

146. Có những thứ ái kỷ, bị ám ảnh bởi tính cục bộ địa phương, chứ không phải là tình yêu lành mạnh đối với dân tộc và văn hóa của mình. Những người ái kỷ đó che giấu một nỗi trạng khép kín, bởi sự bất an và lo sợ nào đó đối với người khác, từ đó muốn dựng lên những bức tường bảo vệ chính mình. Thế nhưng, không thể có cảm thức “địa phương” lành mạnh mà lại thiếu tinh thần cởi mở chân thành và thân thiện đối với thực tại phổ quát, không cảm thấy bị chất vấn bởi những gì đang xảy ra ở nơi khác, không để cho mình được phong phú hơn nhờ các nền văn hóa khác cũng như không liên đới và quan tâm tới những thảm kịch đang xảy đến với các dân tộc khác. Trong khi đó, người ái kỷ mang tính địa phương cục bộ cứ quanh quẩn thường xuyên với một số ý nghĩ, một vài thói quen và hình thức an toàn nào đó, không có khả năng thán phục trước vô vàn những tiềm năng và vẻ đẹp được cả thế giới rộng lớn dâng hiến; họ thiếu tinh thần liên đới chân thực và quảng đại. Với lối sống mang nỗi trạng cục bộ địa phương như thế, người ta sẽ không còn thực sự đón nhận gì nữa, sẽ không còn mở ra để người khác giúp mình hoàn thiện. Bởi thế, người ta chỉ giới hạn và dựa vào khả năng riêng để phát triển bản thân; cuộc sống trở nên tù hãm và bệnh hoạn. Vì, thật ra, một nền văn hóa lành mạnh tự bản chất thì cởi mở và hiếu khách, “một nền văn hóa mà không có các giá trị phổ quát thì đó không phải là một nền văn hóa thật”[127].

147. Phải nhìn nhận rằng khi tâm hồn và trí óc của chúng ta càng hạn hẹp thì chúng ta càng ít có khả năng thấu hiểu thực tại chung quanh mình. Nếu không gặp gỡ và tiếp xúc với những người khác với mình, chúng ta sẽ khó biết rõ và đầy đủ về chính mình, về quê hương xứ sở mình. Các nền văn hóa khác không phải là “kẻ thù” mà chúng ta cần phải chiến đấu để bảo vệ mình, nhưng là những phản ánh khác nhau trong kho tàng phong phú vô tận của đời sống con người. Nhìn mình từ quan điểm của một người khác, khác với mình, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy và nhận thấy rõ ràng hơn những nét độc đáo của bản thân cũng như của nền văn hóa của mình: sự phong phú, những khả năng và những giới hạn của nó. Kinh nghiệm địa phương của chúng ta cần

được triển nở trong “sự tương phản” cũng như trong “sự hòa hợp” với kinh nghiệm của những người sống trong các bối cảnh văn hóa khác[128].

148. Thật ra, sự cởi mở lành mạnh sẽ chẳng bao giờ đe dọa bản sắc riêng của ai cả. Được thêm phong phú nhờ các yếu tố đến từ nơi khác, một nền văn hóa sống động không du nhập hay chỉ sao chép, nhưng hội nhập các yếu tố mới ấy theo phương cách độc đáo của mình. Kết quả chung cuộc là một tổng hợp mới có ích cho tất cả, vì chính nền văn hóa nguyên gốc ấy cũng được nuôi dưỡng phát triển. Bởi thế tôi khuyến khích các dân bản xứ bảo tồn cội rễ và nền văn hóa tổ tiên của mình. Tuy nhiên, tôi muốn xác định rằng tôi không có ý định đề nghị một “chủ nghĩa bản địa” hoàn toàn khép kín, phi lịch sử, tĩnh tại, loại bỏ mọi pha trộn khác”, vì “bản sắc văn hóa riêng được đào sâu và trở nên phong phú là nhờ đối thoại với các nền văn hóa khác và phương cách thật sự bảo tồn nó không phải là cô lập mình, là điều chỉ làm mình nghèo nàn đi”[129]. Thế giới phát triển và chứa đầy vẻ đẹp mới mẻ nhờ những tổng hợp nối tiếp nhau được phát sinh giữa các nền văn hóa cởi mở và không có bất cứ hình thức áp đặt văn hóa nào.

149. Để có một mối tương quan lành mạnh giữa tình yêu quê hương và ý thức mình thuộc về gia đình nhân loại rộng lớn, chúng ta nên nhớ rằng xã hội toàn cầu không phải là tổng số các quốc gia khác nhau, nhưng đúng hơn đó chính là sự hiệp thông giữa các quốc gia, ý thức thuộc về nhau có trước sự xuất hiện các nhóm riêng. Mỗi nhóm người riêng biệt là một thành phần tháp nhập trong mối hiệp thông phổ quát, và khám phá ra vẻ đẹp của mình ở đó. Thế nên, mỗi người sinh ra, dù trong bối cảnh riêng nào, cũng biết rằng mình thuộc về một gia đình nhân loại rộng lớn hơn, nếu không có gia đình lớn ấy thì mình không thể hiểu được mình đầy đủ.

150. Tầm nhìn đó, sau cùng đòi chúng ta phải vui mừng chấp nhận rằng không một dân tộc nào, nền văn hóa nào hay cá nhân nào có thể tự mình đạt được mọi thứ. Để xây dựng một cuộc sống viên mãn chúng ta rất cần đến những người khác. Ý thức về những giới hạn và bất toàn của mình không hề là mối đe dọa, nhưng lại là chìa khóa để chúng ta mơ ước và theo đuổi một dự án chung. Bởi lẽ “con người là một hữu thể hữu hạn không giới hạn”[130].

Bắt đầu từ chính khu vực của mình

151. Nhờ sự trao đổi giữa các khu vực, các nước nghèo được mở ra với thế giới rộng lớn hơn, và tính phổ quát không nhất thiết làm tan biến tính đặc thù của vùng. Một sự mở ra thích đáng và chân thực với thế giới bao hàm khả năng biết mở ra với láng giềng của mình trong gia đình các dân tộc. Sự hội nhập văn hóa, chính trị và kinh tế với các dân tộc lân cận nên đi kèm với một tiến trình giáo dục cổ vũ giá trị về tình yêu đối với láng giềng, đó là bước đầu rất quan trọng hướng tới sự hội nhập phổ quát lành mạnh.

152. Ở một số khu vực lao động trong các thành phố của chúng ta, người dân vẫn có ý thức sống động về tình láng giềng. Mỗi người đều tự nhiên cảm thấy trách nhiệm tối lửa tắt đèn có nhau. Ở những nơi vẫn còn giữ được các giá trị cộng đồng này, người ta sống tương quan thân tình mang

đặc điểm vô vị lợi, liên đới và tương trợ, khởi đi từ cảm thức về cái chung “chúng ta” trong cùng một khu phố.[131] Ước chi các quốc gia lân bang cũng sống tinh thần như thế, nhờ đó có thể cố võ các mối tương quan nồng ấm giữa các dân tộc của họ. Tuy nhiên, nhãn quan cá nhân chủ nghĩa cũng có ảnh hưởng đến các mối quan hệ giữa các quốc gia. Tâm thức nghĩ rằng chúng ta phải tự bảo vệ mình và xem người khác như đối thủ hay kẻ thù nguy hiểm, có nguy cơ ảnh hưởng đến các mối quan hệ giữa các dân tộc trong vùng. Có lẽ vì chúng ta đã được dạy dỗ trong bầu khí sợ hãi và nghi ngờ như thế.

153. Có những cường quốc và những doanh nghiệp lớn hưởng lợi từ sự cô lập này, và thích đàm phán riêng với từng quốc gia. Trái lại, khi các quốc gia nhỏ hay nghèo có thể ký kết hiệp ước với các nước láng giềng trong khu vực, điều này cho phép họ thương thuyết trong tư cách một khối, và như vậy tránh được nguy cơ bị xé lẻ và phụ thuộc vào các nước lớn. Ngày nay, không Nhà nước nào cô lập mà lại có thể bảo đảm thiện ích chung cho dân nước mình.

CHƯƠNG NĂM

MỘT NỀN CHÍNH TRỊ TỐT ĐẸP HƠN

154. Để phát triển một cộng đồng huynh đệ toàn cầu dựa trên việc sống tình bằng hữu xã hội của các dân tộc và các quốc gia, chúng ta cần một nền chính trị tốt đẹp hơn, nhằm phục vụ thực sự cho thiện ích chung. Nhưng thật đáng buồn, nhiều nền chính trị ngày nay thường mang những hình thức cản trở tiến trình hướng về một thế giới khác.

CÁC HÌNH THỨC CHỦ NGHĨA DÂN TÚY VÀ CHỦ NGHĨA TỰ DO

155. Việc coi thường những người yếu kém có thể ẩn sau những hình thức của chủ nghĩa dân túy, chuyên mị dân nhằm lợi dụng họ, phục vụ cho các mục đích riêng của nó; hoặc những hình thức của chủ nghĩa tự do phục vụ cho các lợi ích kinh tế của những kẻ quyền lực. Trong cả hai trường hợp, chúng ta khó mà nghĩ về một thế giới mở ra có chỗ đứng cho mọi người, bao gồm những người yếu kém nhất, và là thế giới biết tôn trọng các nền văn hóa khác nhau.

“Thuộc về dân” hay “dân túy”

156. Trong những năm gần đây, các từ “chủ nghĩa dân túy” và “người theo chủ nghĩa dân túy” đã tràn ngập các phương tiện truyền thông và trong ngôn ngữ hằng ngày. Thế nên những từ ngữ ấy đã mất đi giá trị mà chúng đã từng có, và làm cho xã hội vốn dĩ đã chia rẽ trở nên phân cực. Tình trạng đi đến mức người ta đang cố phân loại tất cả mọi người, mọi nhóm, mọi xã hội và chính quyền là “dân túy” hay “không dân túy”. Ngày nay, một người không thể bày tỏ quan điểm của mình về bất cứ chủ đề nào mà không bị xếp loại cách này hay cách khác, hoặc để bị hạ uy tín

cách bất công hoặc để được ca tụng đến tận mây xanh.

157. Ý muốn xem chủ nghĩa dân túy như chìa khóa giải thích thực tại xã hội tạo ra một vấn đề khác: người ta quên lãng ý nghĩa chính đáng của khái niệm “dân”. Bất cứ cố gắng nào nhằm gỡ bỏ khái niệm này khỏi ngôn ngữ thông thường đều có thể dẫn đến việc loại trừ chính khái niệm dân chủ được hiểu là “chính quyền của dân”. Dù vậy, để khẳng định xã hội là cái gì hơn nữa chứ không chỉ là một tập hợp các cá nhân, thì cần thiết phải sử dụng hạn từ “dân”. Thực tế có những hiện tượng xã hội tạo ra các nhóm đa số, có các xu hướng lớn và các khát vọng mang tính cộng đồng. Hơn nữa, họ có thể nghĩ đến những mục tiêu chung vượt trên các khác biệt để cùng thực hiện một dự án chung. Sau cùng, sẽ rất khó thực hiện một dự án lớn dài hạn nào đó nếu điều ấy không trở thành nguyện vọng chung của mọi người. Tất cả những yếu tố này nằm phía sau cách chúng ta dùng những từ “dân” và “thuộc về dân”. Nếu chúng không được xem xét cẩn thận - với sự phê bình thích đáng về trò mị dân - thì rất có thể người ta đã bỏ qua một trong những khía cạnh căn bản của thực tại xã hội.

158. Ở đây, có thể có hiểu lầm. “Dân” không phải là một phạm trù luận lý học, cũng không phải là một phạm trù huyền nghiệm, nếu qua những từ đó chúng ta muốn nói rằng mọi sự dân làm đều tốt, hoặc cho rằng người dân là thực tại ‘thiên thần’. Đúng hơn, đó là một phạm trù huyền thoại [...]. Khi bạn muốn giải nghĩa thế nào là một dân tộc, bạn dùng các phạm trù luận lý để giải thích, bởi vì bạn phải làm như thế. Nhưng nếu theo cách đó bạn sẽ không thể giải thích được ý nghĩa việc thuộc về một dân tộc. Khái niệm “dân” có ý nghĩa sâu xa hơn, không thể trình bày bằng ngôn ngữ luận lý. Thuộc về một dân là tham dự vào căn tính chung phát sinh từ các mối liên kết xã hội và văn hóa. Và đó không phải là cái gì có tính tự động, nhưng là một quá trình chậm chạp và khó khăn... tiến tới một dự phóng chung”[132].

159. Có những vị thủ lĩnh “thuộc về dân”. Họ là những người có khả năng diễn giải được cảm xúc và tính năng động văn hóa của dân tộc mình, cũng như các xu thế lớn quan trọng trong xã hội. nỗ lực phục vụ của họ, qua cố gắng tập hợp và lãnh đạo, có thể trở thành cơ sở cho một dự phóng dài hạn để thay đổi và tăng trưởng, bao hàm việc thừa nhận vị trí của người khác trong việc theo đuổi thiện ích chung. Nhưng điều này có thể bị thoái hóa để thành một thứ “chủ nghĩa dân túy” không lành mạnh, đó là khi khả năng lãnh đạo biến thành tài khéo léo hấp dẫn của một cá nhân, dùng nền văn hóa dân tộc làm khí cụ chính trị, nhờ vào ngọn cờ ý thức hệ nào đó, để phục vụ cho kế hoạch cá nhân và để tiếp tục nắm giữ quyền lực. Hoặc có khi, họ tìm cách lấy lòng dân bằng cách khơi gợi những xu hướng hạ cấp và ích kỷ của một số thành phần dân chúng. Sự việc càng trở nên nghiêm trọng khi các cơ chế và luật pháp bị khống chế, với những chiêu trò thô thiển hay tinh tế.

160. Các nhóm dân túy khép kín làm lệch lạc ý nghĩa của từ “dân”, vì thực tế những gì họ nói không thực sự là nói về dân. Thực ra, phạm trù “dân” có tính mở ra. Một dân sống động, năng động, hướng tới tương lai, là một dân không ngừng mở ra đón nhận một tổng hợp mới, qua khả năng đón nhận các khác biệt. Để thực hiện như thế, dân ấy không phủ nhận căn tính của mình,

nhưng sẵn sàng để được thúc đẩy, được thách thức, được mở rộng và nhờ người khác được thêm phong phú, và do đó mà có tiến bộ.

161. Một dấu hiệu khác cho thấy sự suy giảm khả năng lãnh đạo thuộc về dân là việc tìm kiếm những lợi ích trước mắt. Việc đáp ứng các yêu sách của dân chỉ để bảo đảm số phiếu bầu hay tìm kiếm sự ủng hộ, nhưng lại chẳng có tiến bộ trong các nỗ lực gian nan và bền bỉ nhằm cung ứng cho người dân các nguồn lực giúp họ phát triển và sinh sống bằng chính những cố gắng và khả năng sáng tạo của họ. Về phương diện này, tôi đã tuyên bố rõ là “tôi không có ý định đề ra một thứ chủ nghĩa dân túy vô trách nhiệm”[133]. Một mặt, việc xóa bỏ sự bất bình đẳng đòi hỏi phải phát triển kinh tế, bằng cách khai thác tiềm năng của mỗi vùng và như thế bảo đảm được sự bình đẳng bền vững[134]. Mặt khác, “chỉ nên xem các dự án phúc lợi xã hội đáp ứng các nhu cầu khẩn cấp như những giải pháp tạm thời”[135].

162. Vấn đề lớn nhất là việc làm. Đây thực sự là vấn đề “của dân” - bởi vì nó cổ vũ thiện ích của dân - đó là cung ứng cho mọi người cơ hội để những hạt giống mà Thiên Chúa đã gieo trồng trong mỗi người được nảy mầm, là các tài năng, sáng kiến và sức khỏe. Đây là sự trợ giúp tốt nhất có thể dành cho người nghèo, là con đường tốt nhất dẫn đến một cuộc sống có phẩm giá. Do đó, tôi xin nhấn mạnh rằng, “việc giúp đỡ người nghèo về mặt tài chính luôn phải được xem chỉ là một giải pháp tình thế tạm thời trước nhu cầu cấp bách. Mục tiêu thật sự luôn phải là giúp họ có một cuộc sống xứng với nhân phẩm qua công việc của họ”[136]. Vì các hệ thống sản xuất hay thay đổi, nên các chính sách phải lo sao để cơ cấu tổ chức xã hội bảo đảm cho mọi người đều có cơ hội đóng góp tài năng và những cố gắng của mình. Thật vậy, “không có cái nghèo nào tệ hại hơn cái nghèo của người lao động bị tước mất việc làm và phẩm giá”[137]. Trong một xã hội thực sự tiến bộ, việc làm là chiều kích thiết yếu của đời sống xã hội, vì việc làm không chỉ là phương kế sinh nhai mà còn là phương tiện giúp phát triển nhân vị, xây dựng các tương quan lành mạnh, thể hiện chính mình và chia sẻ các tài năng Chúa ban. Việc làm còn cho chúng ta ý thức về trách nhiệm cải tạo thế giới, và cuối cùng, để chúng ta sống như một người dân.

Các lợi điểm và giới hạn của những quan điểm tự do

163. Khái niệm “dân tộc”, bao hàm một quan điểm tích cực về các mối liên kết cộng đồng và văn hoá, thường bị bác bỏ bởi các quan điểm tự do theo chủ nghĩa cá nhân, vốn coi xã hội chỉ là tổng thể của các lợi ích cùng tồn tại. Người ta nói về việc tôn trọng tự do, nhưng lại chẳng bắt nguồn từ một lịch sử chung; trong một vài hoàn cảnh, những người bảo vệ quyền lợi của những thành viên dễ bị tổn thương nhất trong xã hội thường bị chỉ trích là những người theo chủ nghĩa dân túy. Khái niệm dân tộc bị coi là một cấu trúc trừu tượng, một điều không thực sự tồn tại. Nhưng điều này sẽ tạo ra một sự phân cực không cần thiết, vì cả khái niệm “dân tộc” lẫn khái niệm “người thân cận” đều không thể bị coi là thuần túy trừu tượng hay lãng mạn, theo cách phủ nhận hay coi thường các tổ chức xã hội, khoa học và dân sự[138].

164. Mặt khác, bác ái hợp nhất cả hai chiều kích - trừu tượng và định chế - vì nó đòi hỏi một quá

trình thay đổi lịch sử hiệu quả bao gồm mọi thứ: định chế, pháp luật, kỹ thuật, kinh nghiệm, giám định chuyên môn, phân tích khoa học, thủ tục hành chính, v.v... Thật vậy, “không thể có cuộc sống riêng tư nếu không được trật tự công bảo vệ. Một mái ấm gia đình sẽ không thực sự đầm ấm nếu không được bảo vệ bởi luật pháp, bởi một trạng thái yên bình dựa trên luật pháp, với mức an sinh tối thiểu được bảo đảm bởi sự phân công lao động, trao đổi thương mại, công bằng xã hội và quyền công dân chính trị”[139].

165. Lòng bác ái đích thực có khả năng kết hợp tất cả những yếu tố này trong mối quan tâm đối với người khác. Trong trường hợp gặp gỡ cá vị, cả khi gặp gỡ những anh chị em ở xa hoặc bị lãng quên, lòng bác ái có thể làm được như vậy bằng cách sử dụng mọi phương tiện mà các thể chế của một xã hội có tổ chức, tự do và sáng tạo có khả năng tạo ra. Chẳng hạn, ngay cả người Samari nhân hậu cũng cần có một quán trọ gần đó có thể cung cấp sự trợ giúp mà cá nhân anh không có. Tình yêu thương người thân cận phải thực tế và không lãng phí những gì cần thiết để thay đổi lịch sử nhằm mang lại lợi ích cho người nghèo và người thiệt thòi. Tuy nhiên, đôi khi, các ý thức hệ cánh tả hay các học thuyết xã hội gắn với cách hành động cá nhân chủ nghĩa và các phương thức không hiệu quả chỉ ảnh hưởng đến một số ít người, đang khi phần lớn những người bị bỏ rơi thì lại phó mặc cho thiện chí của người khác. Điều này cho thấy không những cần có một tinh thần huynh đệ lớn hơn, mà còn phải có một tổ chức thế giới hiệu quả hơn để giúp giải quyết các vấn đề đang khiến cho những người bị bỏ rơi đang sống lao đao ngắc ngoải ở các nước nghèo phải khốn khổ. Nó cũng cho thấy rằng không có một giải pháp nào, không có một phương pháp luận được chấp nhận nào, không có một công thức kinh tế nào có thể áp dụng đồng đều cho tất cả. Ngay cả những nghiên cứu khoa học nghiêm ngặt nhất cũng có thể đề xuất các hướng hành động khác nhau.

166. Thế nên, mọi sự đều phụ thuộc vào khả năng nhìn ra nhu cầu phải thay đổi tâm hồn, thái độ và lối sống của chúng ta. Nếu không, các tuyên truyền chính trị, các phương tiện truyền thông và những kẻ định hình công luận sẽ tiếp tục cổ võ một nền văn hóa cá nhân chủ nghĩa và ngây thơ trước những lợi ích kinh tế vô độ và định chế xã hội chỉ phục vụ những người đã được hưởng quá nhiều quyền lực. Lời phê phán của tôi về mô hình kỹ trị không hề ngụ ý rằng nếu chúng ta kiểm soát được các thái quá của nó thì mọi sự sẽ ổn. Nguy cơ lớn hơn không do các sự vật, các thực tại vật chất hay các thể chế, mà do cách chúng được sử dụng. Nó liên quan đến sự yếu đuối của con người, xu hướng ích kỷ - là điều mà truyền thống Kitô giáo gọi là “dục vọng”: đó là khuynh hướng nơi con người, chỉ quan tâm đến cái tôi của mình, nhóm của mình, những quyền lợi nhỏ nhen của riêng mình. Dục vọng không phải là một thói xấu chỉ có ở thời đại của chúng ta. Nó đã có mặt từ khi có con người, nó chỉ thay đổi và mang những hình thức khác nhau qua các thời đại, bằng cách sử dụng bất cứ phương tiện nào mà mỗi giai đoạn lịch sử đem đến cho nó. Tuy nhiên, có thể chế ngự được dục vọng nhờ sự trợ giúp của Thiên Chúa.

167. Giáo dục và chăm sóc, quan tâm đến người khác, cái nhìn toàn diện về cuộc sống và sự phát triển tinh thần: tất cả những điều này đều là thiết yếu để có được các mối tương quan nhân bản có phẩm chất cao và giúp xã hội chống lại những bất công, lệch lạc và lạm dụng kinh tế, kỹ thuật,

chính trị và sức mạnh truyền thông. Một số quan điểm tự do bỏ qua nhân tố này về sự yếu kém của con người và hình dung một thế giới tuân theo một trật tự đã định sẵn, trật tự này tự nó có khả năng bảo đảm một tương lai tươi sáng và cung cấp giải pháp cho mọi vấn đề.

168. Thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề, ngay cả khi người ta cứ muốn chúng ta tin vào tín điều tân tự do này. Trước bất kỳ thử thách nào, lối suy nghĩ nghèo nàn và lặp đi lặp lại này luôn đưa ra cùng một công thức. Chủ nghĩa tân tự do chỉ đang tái sinh khi sử dụng các khái niệm ma thuật “chảy tràn” hoặc “nhỏ giọt” - mà không gọi đích danh - như một giải pháp duy nhất cho các vấn đề xã hội. Nó không nhận ra rằng cái gọi là “chảy tràn” không giải quyết được tình trạng bất bình đẳng, vốn là nguồn gốc phát sinh những hình thức bạo lực mới đe dọa kết cấu của xã hội. Nhất thiết phải có một chính sách kinh tế chủ động nhằm “cổ vũ một nền kinh tế thiên về đa dạng trong sản xuất và sáng tạo trong kinh doanh”[140] giúp tạo thêm việc làm chứ không phải cắt giảm. Đầu cơ tài chính, chủ yếu nhằm thu lợi nhuận nhanh chóng, tiếp tục gây tàn phá. Thật vậy, “nếu không có các hình thức nội tại về sự liên đới và tin tưởng hỗ tương, thị trường không thể chu toàn phận vụ kinh tế một cách trọn vẹn được. Và ngày nay sự tin tưởng này đã mất đi rồi”[141]. Kết quả cuối cùng không đúng như dự kiến, và các công thức giáo điều của lý thuyết kinh tế đang thịnh hành đã chứng tỏ không phải là không sai lầm. Tính mong manh của các hệ thống thế giới khi đối đầu với đại dịch đã cho thấy rõ rằng không phải mọi sự đều có thể được giải quyết bằng tự do thị trường. Nó cũng chứng tỏ rằng, ngoài việc khôi phục một đời sống chính trị lành mạnh không lệ thuộc vào tài chính, “chúng ta phải đặt nhân phẩm trở lại trung tâm và trên trụ cột đó, xây dựng các cấu trúc xã hội thay thế mà chúng ta cần có”[142].

169. Chẳng hạn một số phương thức kinh tế đóng kín và chuyên biệt hóa, dường như không dành chỗ cho các phong trào bình dân đại chúng vốn liên kết những người thất nghiệp, người lao động thời vụ và không chính thức cùng với biết bao người không dễ tìm được việc làm trong các cơ cấu hiện hành. Tuy nhiên, những phong trào đó lại điều hành nhiều loại hình kinh tế bình dân và sản xuất cộng đồng. Cần phải nghĩ đến một mô hình xã hội, chính trị và kinh tế sao cho có thể huy động sự tham gia “của cả các phong trào bình dân, đồng thời tiếp sức cho các hệ thống quản lý địa phương, quốc gia và quốc tế nhờ nguồn năng lực đạo đức phát sinh từ việc cả những người bị loại trừ cũng được góp phần kiến tạo một vận mệnh chung”, trong khi cũng phải bảo đảm rằng “những phong trào này, những kinh nghiệm liên đới phát triển từ dưới lên, từ tầng đất nền, có thể quy tụ, phối hợp chặt chẽ hơn và tiếp tục gặp gỡ nhau”. [143] Tuy nhiên, điều này phải diễn ra sao cho không đi ngược lại cách thức hoạt động đặc trưng của họ, vì họ là “những người gieo mầm thay đổi, những người thúc đẩy một tiến trình hội tụ hàng triệu hành động lớn nhỏ được đan dệt cách sáng tạo như các câu chữ trong một bài thơ”[144]. Theo nghĩa này, họ chính là “những nhà thơ xã hội”, những người hoạt động, đề xướng, cổ vũ và giải phóng theo cách của mình. Nhờ họ mới có thể có được sự phát triển con người toàn diện vượt ra khỏi “ý tưởng coi các chính sách xã hội như chính sách *nhắm vào* người nghèo, chứ không hề là các chính sách *với* người nghèo và *của* người nghèo, lại càng không nằm trong dự án liên kết mọi người”[145]. Họ có thể gây phiền toái và khó phân loại đối với một số “lý thuyết gia”, nhưng chúng ta phải can đảm nhìn nhận rằng, nếu không có họ, “nền dân chủ sẽ trở nên èo uột, chỉ còn là một cái tên, chỉ là hình thức; mất đi

nét đặc trưng tiêu biểu của nó và trở thành vô hồn, vì đã gạt bỏ con người trong cuộc đấu tranh liên li cho phẩm giá và trong việc xây dựng vận mạng của con người”[146].

QUYỀN LỰC QUỐC TẾ

170. Một lần nữa tôi xin lặp lại rằng “cuộc khủng hoảng tài chính năm 2007-2008 đã từng là cơ hội để phát triển một nền kinh tế mới quan tâm hơn đến các nguyên tắc đạo đức, để điều tiết lại hoạt động đầu tư tài chính và sự thịnh vượng giả tạo, nhưng đã không có phản ứng nào dẫn đến việc suy nghĩ lại những tiêu chuẩn lạc hậu đang tiếp tục vận hành thế giới”[147]. Thật vậy, có vẻ như việc khai triển các chiến lược thực sự trên thế giới sau cuộc khủng hoảng đã khiến chủ nghĩa cá nhân thêm lớn mạnh, sự hòa nhập lại kém đi, trong khi những người có thực quyền thì càng tự tung tự tác, luôn tìm được lối thoát mà chẳng thiệt hại gì.

171. Tôi cũng xin nhấn mạnh rằng “theo định nghĩa cổ điển, công lý là trả cho mỗi người phần của họ, nghĩa là không một cá nhân hay nhóm người nào được coi mình là tuyệt đối, có quyền phớt lờ phẩm giá và quyền lợi của các cá nhân khác hoặc các nhóm xã hội khác. Cách cụ thể để hạn chế quyền lực đó là phải phân chia quyền lực cách hữu hiệu giữa phần lớn các chủ thể (nhất là quyền lực chính trị, kinh tế, quốc phòng và kỹ thuật) và phải tạo ra một hệ thống pháp lý để điều chỉnh các yêu sách và quyền lợi. Tuy nhiên, thế giới ngày nay cho chúng ta thấy có nhiều quyền lợi giả tạo và đồng thời có nhiều khu vực rộng lớn dễ bị tổn thương, nạn nhân của việc thực thi quyền lực cách tồi tệ”[148].

172. Thế kỷ XXI “chứng kiến quyền lực của chính quyền các quốc gia đang dần suy yếu, hầu hết là vì các thành phần kinh tế và tài chính xuyên quốc gia có xu hướng thống lĩnh chính trị. Trước tình hình này, thật chính đáng để phát triển các tổ chức quốc tế mạnh mẽ và hiệu quả hơn, với những viên chức được bổ nhiệm cách công minh thông qua thỏa thuận giữa các chính phủ quốc gia và được trao quyền xử phạt”[149]. Khi nói tới việc có thể có một số hình thức thẩm quyền thế giới được luật pháp chi phối[150], chúng ta không nhất thiết phải nghĩ đến một thẩm quyền cá nhân. Tuy nhiên, một thẩm quyền như vậy ít nhất cũng phải thúc đẩy việc thành lập các cơ quan thế giới hữu hiệu hơn, có năng lực đem lại lợi ích chung cho toàn cầu, xóa bỏ đói nghèo và bảo vệ chắc chắn các quyền cơ bản của con người.

173. Về khía cạnh này, tôi cũng xin lưu ý sự cần thiết phải cải tổ “Cơ quan Liên hiệp quốc, cũng như các cơ cấu kinh tế và nền tài chính quốc tế, nhằm mang lại tính xác thực cụ thể cho ý niệm về gia đình các dân tộc”[151]. Khởi phải nói, điều này đòi hỏi phải có những giới hạn pháp lý rõ ràng để tránh trường hợp quyền thu nạp thành viên chỉ do một vài quốc gia quyết định, và ngăn chặn những áp đặt văn hóa hoặc hạn chế các quyền tự do căn bản của các quốc gia yếu hơn trên cơ sở khác biệt ý thức hệ. Vì “cộng đồng quốc tế là một cộng đồng pháp lý xây dựng trên chủ quyền của mỗi quốc gia thành viên, không có những ràng buộc lệ thuộc làm mất đi hay hạn chế sự độc lập của mỗi quốc gia”[152]. Đồng thời, “theo các nguyên tắc được nêu trong Lời mở đầu và các Điều khoản đầu tiên của Hiến chương thành lập, ta có thể thấy việc làm của Liên hiệp quốc được coi

như sự phát triển và cổ vũ việc thượng tôn pháp luật, dựa trên việc nhìn nhận rằng công lý là điều kiện thiết yếu để đạt được lý tưởng huynh đệ phổ quát... Cần phải bảo đảm tình trạng thượng tôn pháp luật và sử dụng không một mỗi các biện pháp thương lượng, hòa giải và trọng tài, như Hiến chương Liên hiệp quốc đã đề xướng, vốn là những điều thực sự tạo nên quy phạm pháp lý nền tảng"[153]. Cần phải ngăn chặn việc tước bỏ thẩm quyền của Cơ quan này, vì các vấn đề và thiếu sót của nó đều có thể được đưa ra để cùng nhau thương lượng và giải quyết.

174. Cần có lòng can đảm và quảng đại để tự ý đặt ra các mục tiêu chung và bảo đảm cả thế giới sẽ tuân thủ một số quy tắc thiết yếu. Để điều này thực sự hữu ích, cần phải "trung thành với các thỏa ước đã ký kết (*pacta sunt servanda*)"[154], và tránh "cơ cạm dỗ muốn dùng đến luật của sức mạnh hơn là sức mạnh của luật".[155] Điều này có nghĩa là phải tái lập "các phương thể mang tính quy phạm để giải quyết các tranh cãi cách hòa bình cũng như để củng cố phạm vi và sức mạnh ràng buộc của các phương thể ấy"[156]. Trong số các phương thể mang tính quy phạm này, nên dành ưu tiên cho các thỏa ước đa phương giữa các quốc gia hơn các thỏa ước song phương, vì các thỏa ước đa phương bảo đảm công ích phổ quát thực sự và bảo vệ các quốc gia yếu hơn.

175. Nhờ ơn Chúa quan phòng, nhiều tập hợp và tổ chức trong xã hội dân sự giúp bù đắp các thiếu sót của cộng đồng quốc tế, như thiếu phối hợp trong các tình huống phức tạp, thiếu quan tâm đến các nhân quyền căn bản và các nhu cầu thiết yếu của một số nhóm nào đó. Ở đây, chúng ta có thể thấy một áp dụng cụ thể của nguyên tắc phụ đới, nguyên tắc này biện minh cho sự tham gia và hoạt động của các cộng đồng và tổ chức ở các cấp thấp hơn như một phương tiện để tham gia và bổ sung cho hoạt động của nhà nước. Các nhóm và tổ chức này thường thực hiện những nỗ lực rất đáng ca ngợi trong việc phục vụ công ích và một số thành viên có những hành động thực sự anh hùng, điều này cho thấy nhân loại chúng ta còn có những khả năng tốt đẹp biết bao.

BÁC ÁI XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ

176. Ngày nay đối với nhiều người, chính trị là một từ mang nghĩa xấu, thường do các việc sai trái, tham nhũng và kém hiệu quả của một số chính trị gia. Lại còn có những toan tính làm suy yếu chính trị, thay thế chính trị bằng kinh tế học hay biến chính trị thành một ý thức hệ nào đó. Tuy nhiên, liệu thế giới chúng ta có thể vận hành mà chẳng cần đến chính trị hay không? Liệu có thể có một tiến trình tăng trưởng hữu hiệu hướng tới tình huynh đệ phổ quát và hòa bình xã hội mà không cần một nền chính trị lành mạnh hay không?[157]

Nền chính trị chúng ta cần

177. Ở đây tôi xin nhấn mạnh một lần nữa rằng "chính trị không được lệ thuộc vào kinh tế, cũng như kinh tế không được lệ thuộc vào các mệnh lệnh và các mô thức kỷ trị chạy theo hiệu quả".[158] Mặc dù phải dứt khoát bác bỏ thói lạm dụng quyền lực, tham nhũng, coi thường luật pháp và tính thiếu hiệu năng, nhưng "không thể biện minh cho một nền kinh tế không chính trị, vì

như thế sẽ không thể đưa ra một đường lối khác có khả năng xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng hiện tại”[159]. Thay vào đó, “cần một nền chính trị có tầm nhìn bao quát, đưa ra được cách tiếp cận mới mẻ, toàn diện cùng với cuộc đối thoại liên ngành về các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng”[160]. Nói cách khác, một “nền chính trị lành mạnh có khả năng cải cách, điều phối và mang lại cho các thể chế những cách thực hiện tốt nhất giúp vượt thắng các áp lực tiêu cực và thói quan liêu trì trệ”[161]. Chúng ta không thể đòi buộc kinh tế phải làm được điều này và cũng không chấp nhận để kinh tế nắm quyền lực thực sự của quốc gia.

178. Trước nhiều kiểu chính trị kém cỏi chỉ nhằm lợi ích trước mắt, tôi muốn lặp lại rằng “khả năng điều hành đất nước được thể hiện ở chỗ: giữa thời kỳ gian khó, vẫn duy trì được những nguyên tắc tổng quát và tư duy theo công ích dài hạn. Các thể lực chính trị không dễ đảm nhận trách vụ này trong công cuộc xây dựng đất nước”[162], càng không dễ dàng trong việc lập một dự án chung cho gia đình nhân loại, vào lúc này và trong tương lai. Cần phải nghĩ tới những người sẽ đến sau chúng ta, nhưng không nhằm phục vụ các mục tiêu bầu cử, mà vì đây là đòi hỏi của nền công lý chân chính. Như các Giám mục Bồ Đào Nha đã huấn dụ, trái đất “là khoản vay mà mỗi thế hệ đều nhận được và phải trao trả cho thế hệ sau”[163].

179. Trên bình diện toàn cầu, xã hội đang mắc phải những khiếm khuyết trầm trọng về cơ cấu, không thể giải quyết bằng cách chấp vá hoặc bằng các giải pháp vội vã may nhờ rủi chịu. Có những điều cần phải thay đổi, bằng cách thiết lập lại nền tảng và thực hiện những cải cách quan trọng. Chỉ có một nền chính trị lành mạnh, bao gồm các lĩnh vực và các kỹ năng đa dạng nhất, mới có khả năng giám sát tiến trình này. Nền kinh tế nào nằm trong một chương trình chính trị, xã hội, văn hóa và đại chúng nhằm đến việc xây dựng công ích sẽ có thể “mở ra con đường cho những cơ hội khác, không ngăn chặn sự sáng tạo và những ước mơ tiến bộ của con người, nhưng định hướng nguồn sáng tạo và ước mơ ấy theo những nẻo đường mới”[164].

Đức bác ái chính trị

180. Nhìn nhận mọi người là anh chị em và tìm kiếm một tình bằng hữu xã hội bao gồm mọi người không hẳn là điều không tưởng. Điều này đòi hỏi phải dứt khoát dẫn thân để tìm ra các phương thế hữu hiệu đạt mục đích này. Mọi nỗ lực theo hướng này đều trở thành việc thực thi đức ái cao cả. Quả vậy, một cá nhân có thể giúp đỡ một người đang gặp khó khăn, nhưng khi cùng với những người khác xây dựng các chương trình xã hội về tình huynh đệ và công bằng cho mọi người, là họ đã bước vào “lĩnh vực bác ái ở bình diện rộng lớn nhất, đó là bác ái chính trị”[165]. Điều này bao hàm việc kiến tạo một trật tự xã hội và chính trị mà linh hồn của nó chính là đức bác ái xã hội[166]. Một lần nữa, tôi kêu gọi hãy nhìn nhận lại giá trị của chính trị như “một ơn gọi cao cả và như một trong những hình thức cao quý nhất của bác ái, vì nó tìm kiếm lợi ích chung”[167].

181. Mọi dẫn thân được học thuyết xã hội của Giáo hội gợi hứng đều “phát xuất từ tình yêu, mà theo lời dạy của Chúa Giêsu, tình yêu này là bản tóm kết toàn bộ Lễ luật (x. Mt 22,36-40)”[168]. Điều này có nghĩa là nhìn nhận rằng “lòng yêu thương, thực hiện bằng những cử chỉ nhỏ bé của

việc quan tâm đến nhau, vừa mang tính chất dân sự lẫn chính trị, và biểu lộ trong mọi hành động nhằm xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn”[169]. Vì thế, tình bác ái không chỉ thể hiện trong các mối tương quan gần gũi và thân thiết mà cả trong “các mối tuong quan vĩ mô mang tính xã hội, kinh tế và chính trị” nữa[170].

182. Đức bác ái chính trị này phát sinh từ ý thức xã hội vượt trên mọi tư duy cá nhân chủ nghĩa: “Bác ái xã hội sẽ khiến chúng ta yêu quý công ích, thúc đẩy chúng ta nỗ lực tìm kiếm điều có ích cho hết mọi người, được xem không chỉ như những cá thể riêng rẽ, mà còn trong chiều kích xã hội nối kết họ lại với nhau”[171]. Mỗi chúng ta hoàn toàn là một con người khi chúng ta thuộc về một dân tộc, đồng thời chẳng có dân tộc thực sự nào lại không tôn trọng tính cách riêng của các cá nhân. “Dân tộc” và “con người” là các thuật ngữ có tương quan với nhau. Tuy nhiên, ngày nay có những mưu toan giản lược con người thành những cá nhân đơn độc, dễ dàng để cho các thế lực theo đuổi lợi ích bất minh thao túng. Nền chính trị tốt sẽ tìm cách xây dựng các cộng đồng ở mọi bình diện của đời sống xã hội, nhằm điều chỉnh và định hướng lại việc toàn cầu hóa và như thế sẽ tránh gây ra những hậu quả hỗn loạn.

Đức bác ái hữu hiệu

183. “Tình yêu thương mang tính xã hội”[172] giúp chúng ta có khả năng tiến tới nền văn minh tình yêu, mà mọi người chúng ta đều cảm nhận mình được kêu gọi đến. Lòng bác ái, nhờ sức năng động phổ quát, có khả năng xây dựng một thế giới mới[173]. Bác ái không phải là tình cảm đơn thuần, nhưng là phương thế tốt nhất để khám phá những con đường phát triển hữu hiệu cho mọi người. Tình yêu thương mang tính xã hội là một “sức mạnh có khả năng khơi gợi những cách tiếp cận mới mẻ các vấn đề của thế giới ngày nay, có khả năng đổi mới các cơ chế, các tổ chức xã hội, các hệ thống luật pháp cách sâu xa, từ bên trong”[174].

184. Bác ái là điều cốt lõi của mọi xã hội lành mạnh và cởi mở, tuy nhiên ngày nay “nó dễ bị coi là không thích hợp trong việc giải thích và định hướng các trách nhiệm đạo đức”[175]. Bác ái, khi đi cùng với thái độ dẫn thân cho chân lý, thì vượt xa cảm xúc cá nhân, nhờ đó không dễ dàng “trở thành tế vật cho những cảm xúc và ý kiến chủ quan tùy tiện”[176]. Thật vậy, mối liên hệ chặt chẽ của bác ái với chân lý làm cho nó mang tính phổ quát và tránh khỏi “bị giới hạn trong một lĩnh vực hẹp hòi, thiếu các mối tương quan”[177]. Bằng ngược lại, “trong sự trao đổi giữa nhận thức và thực hành, bác ái sẽ bị loại khỏi các dự án và tiến trình thúc đẩy sự phát triển con người trong chiều kích phổ quát”[178]. Không có chân lý, cảm xúc thiếu đi nội dung tương quan và xã hội. Vì thế, việc mở ra với chân lý sẽ bảo vệ bác ái khỏi “một thứ chủ thuyết duy tín vốn tước mất chiều kích nhân văn và phổ quát của nó”[179].

185. Bác ái cần ánh sáng của chân lý, là điều chúng ta không ngừng tìm kiếm. “Ánh sáng chân lý vừa là ánh sáng của lý trí vừa là ánh sáng của đức tin”, [180] không chấp nhận bất cứ hình thức nào của thuyết tương đối. Tuy nhiên, nó vẫn tôn trọng sự phát triển của các ngành khoa học và những đóng góp thiết yếu của khoa học trong việc tìm ra các phương tiện chắc chắn và thực tiễn

nhất để đạt được các kết quả mong muốn. Vì khi thiện ích của những người khác bị đe dọa, chỉ có ý tốt thôi thì không đủ, nhưng phải thực hiện hiệu quả những gì họ và các quốc gia của họ cần để phát triển.

THỰC THI ĐỨC BÁC ÁI CHÍNH TRỊ

186. Có thứ tình yêu gọi là “trực khởi” nghĩa là các hành vi phát xuất trực tiếp từ đức bác ái và hướng đến các cá nhân và các dân tộc. Ngoài ra còn có thứ tình yêu “gián khởi”, thể hiện nơi các hành vi bác ái thúc đẩy việc lập ra những định chế lành mạnh hơn, những quy định công bằng hơn, những cơ cấu mang tính liên đới hơn.[181] Như thế, “đây cũng là một hành vi yêu thương rất cần thiết nhằm tổ chức và cấu trúc xã hội thế nào cho người thân cận của chúng ta không còn ở trong cảnh nghèo khổ nữa”. [182] Giúp đỡ ai đó đang đau khổ là một hành vi bác ái, và tìm cách thay đổi hoàn cảnh xã hội đã gây ra đau khổ cho người ấy cũng là một hành vi bác ái, cả khi chúng ta không tiếp xúc trực tiếp với họ. Nếu việc giúp người già qua sông, là một hành vi bác ái cao đẹp thì việc một chính trị gia xây cầu, cũng là một hành vi bác ái. Đang khi người khác giúp người bằng cách cho họ ăn, thì chính trị gia tạo công ăn việc làm cho họ, và đó là một hình thức thực hành bác ái cao vời, làm vẻ vang cho hoạt động chính trị của vị ấy.

Những hy sinh phát xuất từ đức bác ái

187. Cốt lõi tinh thần hoạt động chính trị là lòng bác ái này, là tình yêu thương dành ưu tiên cho những người thiếu thốn nhất. Lòng bác ái này ẩn sau mọi điều chúng ta làm vì họ[183]. Chỉ có cái nhìn được tình bác ái biến đổi mới có thể giúp chúng ta nhận ra phẩm giá của người khác, và từ đó người nghèo được nhìn nhận, phẩm giá, bản sắc và văn hóa của họ được tôn trọng và do đó họ được thực sự hòa nhập vào xã hội. Cái nhìn ấy là trung tâm của tinh thần hoạt động chính trị chân chính. Nó thấy được những con đường mở rộng, khác với những con đường của thứ chủ nghĩa thực dụng vô hồn. Nó giúp chúng ta nhận ra rằng “không thể giải quyết điều ô nhục nghèo đói bằng cách cổ võ các chiến lược kiểm soát chỉ nhằm trấn an người nghèo và biến họ trở thành người cam chịu vô hại. Thật đáng buồn khi thấy rằng đằng sau những việc được coi là vị tha, người khác lại bị giản lược thành những con người thụ động”[184]. Điều cần thiết là phải có những con đường mới để họ tự thể hiện và tham gia vào xã hội. Giáo dục phục vụ những điều này bằng cách giúp cho mỗi người có thể xây dựng tương lai của chính mình. Ở đây chúng ta cũng thấy tầm quan trọng của nguyên tắc *phụ đới*, một nguyên tắc không thể tách rời khỏi nguyên tắc *liên đới*.

188. Những xem xét trên giúp chúng ta nhận ra nhu cầu cấp thiết phải chống lại tất cả những gì đe dọa hoặc vi phạm các quyền căn bản của con người. Các chính trị gia được kêu gọi “hướng đến nhu cầu của các cá nhân và các dân tộc. Giữa một thế giới mang nỗi trăn trối duy chức năng và tư nhân hóa vốn chắc chắn dẫn tới ‘nền văn hóa vứt bỏ’, để hướng đến những người thiếu thốn, họ cần phải có sức mạnh và sự dịu dàng, có sự cố gắng và lòng quảng đại. [...] Điều này có nghĩa là họ phải đảm nhận trách nhiệm đối với những ai đang trong tình huống bị gạt ra ngoài lề và trong cảnh hiểm nghèo nhất, đồng thời phải có khả năng đem lại phẩm giá cho những người này”. [185]

Tất nhiên khi làm như thế họ đã tạo ra một tác động tích cực, sao cho “tất cả phải được thực hiện để bảo vệ cương vị xã hội và phẩm giá của con người”[186]. Các chính trị gia là những nhà hoạt động, những nhà hoạch định hướng đến những mục tiêu lớn lao, có tầm bao quát, thực tế và thực dụng, vượt khỏi biên giới của đất nước họ. Các chính trị gia không nên lo lắng nhiều về sự sụt giảm trong các cuộc thăm dò, mà phải lo lắng vì đã không tìm ra phương cách giải quyết hữu hiệu “hiện tượng loại trừ về mặt kinh tế và xã hội, đưa đến những hậu quả tai hại: nạn buôn người, mua bán mô và cơ phận con người, nạn khai thác tình dục trẻ em trai cũng như gái, lao động nô dịch, gồm cả nạn mãi dâm, buôn bán ma túy và vũ khí, khủng bố và tội phạm quốc tế có tổ chức. Tầm mức của tình trạng này và số lượng các mảnh đời vô tội liên lụy gia tăng nghiêm trọng đến nỗi đòi buộc chúng ta phải tránh mọi cơn cám dỗ đưa ra những tuyên bố sáo rỗng nhằm xoa dịu lương tâm. Cần bảo đảm rằng các định chế của chúng ta thực sự hữu hiệu trong cuộc đấu tranh chống lại mọi hiểm họa này”[187]. Điều này cũng bao gồm cả việc tận dụng một cách thông minh các nguồn tài nguyên to lớn do sự phát triển công nghệ đem lại.

189. Các quyền căn bản nhất của con người còn lâu mới được thực thi phổ biến ở mức toàn cầu. Đó là lý do tại sao nhiệm vụ xóa bỏ nạn đói cách hiệu quả phải luôn được xét đến và phải được xem là mục tiêu cấp bách hàng đầu trong các chính sách toàn cầu. Thật vậy, “khi giới đầu cơ tài chính thao túng giá cả lương thực, xem lương thực cũng chỉ như bất kỳ loại hàng hóa nào, thì hàng triệu người phải đau khổ và chết đói. Đồng thời, hàng tấn lương thực bị vứt bỏ. Điều này thực sự là đáng xấu hổ. Để con người phải thiếu đói là một tội ác. Quyền được cung cấp thực phẩm là quyền không thể bị tước bỏ”[188]. Nhiều lần, trong khi say sưa tranh cãi về ngữ nghĩa hoặc ý thức hệ, chúng ta lại bỏ mặc anh chị em mình chết đói chết khát, không nơi cư trú hoặc không được chăm sóc sức khỏe. Ngoài những nhu cầu căn bản chưa được đáp ứng này, nạn buôn người vẫn là một nỗi nhức khác của nhân loại; các chính sách quốc tế không được dừng lại với các diễn từ hoa mỹ và các ý hướng tốt lành, nhưng phải vượt khỏi để không tiếp tục dung thứ cho tội ác này nữa. Đây là những điều tối thiểu phải làm, không thể trì hoãn.

Một tình yêu dung hợp và liên kết

190. Bác ái chính trị còn được thể hiện qua tinh thần mở ra với mọi người. Các nhà lãnh đạo chính quyền cần phải là những người nhún nhường đi bước trước để có thể gặp gỡ và tìm kiếm sự đồng thuận, ít ra là ở một số vấn đề. Họ phải sẵn sàng lắng nghe các quan điểm khác và lo sao cho mọi người đều có phần. Nhờ sự nhún nhường và lòng kiên nhẫn, họ có thể giúp kiến tạo một thực tại đẹp để muôn màu muôn vẻ, trong đó ai cũng có phần. Ở đây, các cuộc đàm phán kinh tế không có tác dụng. Cần một điều gì đó khác, nghĩa là cần trao đổi các tài lộc để phục vụ công ích. Điều này có vẻ ngây thơ và không tưởng, nhưng chúng ta không thể từ bỏ mục tiêu cao cả này.

191. Vào lúc mà các mối tương quan giữa các cá nhân, các nhóm và các dân tộc bị tác hại bởi đủ hình thức bất khoan dung cực đoan, chúng ta hãy dẫn thân sống và quảng bá giá trị của việc tôn trọng người khác, của một tình yêu biết đón nhận những khác biệt, và đặt phẩm giá con người vượt trên quan điểm, tình cảm, thực hành và cả lầm lỗi của họ nữa. Trong xã hội ngày nay, đang

khi các hình thức cuồng tín, não trạng hẹp hòi cùng sự phân hóa xã hội và văn hóa ngày càng gia tăng, thì chính trị gia có trách nhiệm phải đi bước trước để các tiếng nói khác nhau được lắng nghe. Chắc chắn các bất đồng sẽ gây ra xung đột, nhưng sự đồng nhất cũng là nguyên nhân gây ngột ngạt và suy đồi văn hoá. Mong sao chúng ta đừng cam chịu đóng khung trong một mảnh thực tại.

192. Về mặt này, Đại giáo trưởng Ahmad Al-Tayyeb và tôi đã kêu gọi “các nhà hoạch định chính sách quốc tế và kinh tế thế giới, hãy tích cực truyền bá văn hóa khoan dung và chung sống hòa bình; hãy can thiệp sớm nhất có thể để ngăn chặn việc đổ máu người vô tội”[189]. Khi quốc gia nào đó nhân danh phúc lợi của quốc gia mình mà có chính sách gieo rắc hận thù và đe dọa các quốc gia khác, thì các vị nói trên cần phải quan tâm phản ứng kịp thời và tức khắc sửa chữa tiến trình đó.

COI TRỌNG HOA TRÁI TÌNH YÊU HƠN SỰ THÀNH CÔNG

193. Cùng với những hoạt động miệt mài của mình, các chính trị gia cũng là con người. Họ được mời gọi sống tình yêu trong những mối tương giao liên vị hằng ngày. Với tư cách là con người, họ cần ý thức rằng “thế giới hiện đại ngày càng có xu hướng hợp lý hóa việc đáp ứng những nhu cầu của con người, bằng cách phân chia thành nhiều loại dịch vụ đa dạng. Con người ngày càng ít được gọi bằng chính tên riêng của mình, con người duy nhất trên thế giới ấy ngày càng ít được đối xử như một nhân vị, với những cảm xúc, những nỗi đau, những vấn đề, những vui buồn và với một gia đình riêng. Người ta chỉ cần biết đến bệnh tật của họ để chăm sóc, tình trạng tài chánh eo hẹp của họ để chu cấp, nhu cầu nhà ở của họ để cho chỗ trú, nhu cầu nghỉ ngơi giải trí của họ để đáp ứng”. Nhưng “yêu thương một người nhỏ bé nhất trong muôn người, yêu thương như một người anh em, yêu thương như là người duy nhất trên thế gian này; yêu thương như thế không hề là việc phí phạm thời gian”[190].

194. Trong lĩnh vực chính trị, cũng có thể yêu thương với tâm hồn dịu dàng. “Dịu dàng là gì? Là tình yêu trở nên gần gũi và cụ thể. Đó là một chuyển động đi từ trái tim đến cặp mắt, đôi tai, đôi tay... Dịu dàng là con đường mà những con người mạnh mẽ và dũng cảm nhất phải đi”.[191] Trong hoạt động chính trị, “những người bé mọn nhất, yếu đuối nhất, nghèo khổ nhất phải gọi lên trong ta tâm tình dịu dàng. Họ là những người có quyền chiếm hữu tâm hồn chúng ta, con tim chúng ta. Vâng, họ là anh chị em của chúng ta và phải được đối xử như vậy”[192].

195. Việc này giúp ta nhận ra rằng điều quan trọng không phải là luôn thành công mỹ mãn, thực vậy lắm lúc ta không thể thành công. Trong sinh hoạt chính trị, phải nhớ rằng “dù đáng về bên ngoài thế nào, mỗi người đều vô cùng thánh thiện và đáng được chúng ta yêu thương và tận tâm phục vụ. Vì thế, nếu tôi chỉ giúp được duy nhất cho một người có cuộc sống tốt hơn, thì riêng việc này đủ để giải thích cho lý do tôi có mặt ở đời. Được thuộc về một dân tộc tin vào Thiên Chúa quả là tuyệt vời. Chúng ta trở nên thành toàn khi phá đổ các bức tường để con tim chúng ta ngập tràn những khuôn mặt và tên gọi!”[193] Những mục tiêu to lớn mà chúng ta mong ước và lập kế hoạch

chỉ đạt được phần nào mà thôi. Nhưng vượt lên trên tất cả, những ai yêu thương và không xem chính trị đơn thuần chỉ là việc tìm kiếm quyền lực “thì chắc chắn không một hành động yêu thương nào mà lại trở nên vô ích, không một mối quan tâm chân thành nào đối với tha nhân mà lại tan biến, không một hành vi yêu thương nào dành cho Thiên Chúa mà lại bị lãng quên, không nổi một mối quảng đại và kiên nhẫn đau thương nào đã cho đi mà lại là vô nghĩa. Tất cả những nghĩa cử này bao phủ thế giới, tựa như một trường lực của sự sống”[194].

196. Đàng khác, phải thật cao thượng mới có thể khởi sự những tiến trình mà người khác sẽ thu lượm hoa trái, trong khi luôn đặt hy vọng nơi sức mạnh tiềm ẩn của những hạt giống tốt lành được vãi gieo. Nền chính trị tốt sẽ kết hợp tình yêu với niềm hy vọng và lòng tin tưởng, trong kho tàng thiện hảo của tâm hồn con người, bất chấp mọi sự. Vì vậy “đời sống chính trị đích thật, đặt nền tảng trên sự tôn trọng luật pháp và việc đối thoại chân thành giữa con người với nhau, được đổi mới nhờ xác tín rằng mỗi người, nam cũng như nữ và mỗi thế hệ đều mang trong mình một triển vọng có khả năng phóng thích những năng lượng mới mẻ trong tương giao, tri thức, văn hóa và tinh thần”[195].

197. Với cái nhìn này, chính trị cao quý hơn vẻ bề ngoài của nó, hơn sự quảng bá tiếp thị, hơn những hình thức được truyền thông tô vẽ cho nó. Tất cả những thứ bên ngoài này chỉ gieo rắc chia rẽ, thù nghịch và một nỗi hoài nghi u ám, không có khả năng huy động dân chúng cùng theo đuổi mục đích chung. Khi nghĩ đến tương lai, đôi khi chúng ta đặt câu hỏi: “Tại sao tôi làm điều này? Tôi thực sự đang hướng đến mục tiêu nào?” Thật vậy, vài năm sau, khi nghĩ về quá khứ, lẽ nào chúng ta lại không hỏi: “Có bao nhiêu người đã đồng ý với tôi? Bao nhiêu người đã bỏ phiếu cho tôi? Bao nhiêu người có được hình ảnh tích cực về tôi?” Nhưng những câu hỏi đích thực, có thể gây đau đớn, phải là: “Tôi đã dành bao nhiêu tình yêu cho công việc? Tôi đã làm gì để giúp dân tôi tiến bộ? Tôi đã để lại dấu ấn nào trong đời sống xã hội? Tôi đã xây dựng được tương giao đích thực nào? Tôi đã cởi trói để phát huy được sức mạnh tích cực nào? Tôi đã gieo hạt giống hòa bình nào cho xã hội? Tôi đã hoàn thành được gì trong chức vụ được giao phó?”

CHƯƠNG SÁU

ĐỐI THOẠI VÀ TÌNH BẰNG HỮU XÃ HỘI

198. Đến với nhau, bày tỏ, lắng nghe, nhìn nhau, làm quen, hiểu biết, tìm ra những điểm chung, tất cả những điều đó gói gọn trong động từ “đối thoại”. Muốn gặp nhau và giúp đỡ lẫn nhau, chúng ta cần đối thoại. Không cần phải hỏi đối thoại để làm gì. Chỉ cần hình dung thế giới này sẽ ra sao nếu không có sự đối thoại kiên trì của biết bao người quảng đại đã giúp gìn giữ gia đình và cộng đoàn hiệp nhất với nhau. Việc đối thoại kiên trì và dũng cảm chẳng ồn ào đưa tin như những bất đồng và xung đột, nhưng âm thầm giúp thế giới có cuộc sống tốt hơn chúng ta nghĩ.

ĐỐI THOẠI XÃ HỘI ĐỂ XÂY DỰNG MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

199. Có người cố gắng trốn tránh thực tại bằng cách ẩn náu trong thế giới riêng tư của mình, người khác lại đương đầu với nó bằng bạo lực hủy diệt. Song “giữa thái độ thờ ơ ích kỷ và phản kháng bạo động vẫn luôn có một lựa chọn: đó là đối thoại. Đối thoại giữa các thế hệ, đối thoại giữa người dân với nhau, bởi lẽ tất cả chúng ta đều là người dân, với khả năng cho đi và nhận lãnh, đồng thời vẫn mở ra với chân lý. Quốc gia phát triển khi các nền văn hóa đa dạng và phong phú biết đối thoại trong tinh thần xây dựng: văn hóa đại chúng, văn hóa học thuật, văn hóa giới trẻ, văn hóa nghệ thuật, văn hóa kỹ thuật, văn hóa kinh tế, văn hóa gia đình và văn hóa truyền thông”[196].

200. Nói chung người ta hay lẫn lộn việc đối thoại với điều gì đó rất khác: việc sôi nổi trao đổi ý kiến trên mạng xã hội, thường bị định hướng bởi những phương tiện truyền thông đại chúng với các thông tin không phải lúc nào cũng đáng tin cậy. Đây chỉ là những cuộc độc thoại sóng đôi, có lẽ lôi kéo được sự chú ý bởi giọng điệu gay gắt và hung hãn của chúng. Song độc thoại chẳng giữ mãi được ai, nên nội dung của chúng thường mang tính ăn xổi ở thì và chứa đầy mâu thuẫn.

201. Thực tế, việc loan truyền âm ỉ các sự kiện và ý kiến trên truyền thông thường cản trở khả năng đối thoại, bởi nó khiến người ta cứ khăng khăng giữ nguyên quan điểm, lợi ích và lựa chọn của mình, với lý do cho rằng mọi người khác đều sai. Người ta quen thói dùng những lời lẽ phỉ báng để loại bỏ đối thủ ngay từ đầu, thay vì đối thoại trong tinh thần cởi mở và tôn trọng, để đạt được sự đồng thuận ở bình diện sâu sắc hơn. Tệ hơn cả là loại ngôn ngữ thóa mạ này, thường được truyền thông sử dụng trong các cuộc vận động chính trị, lại trở nên phổ biến đến mức hằng ngày mọi người đều sử dụng nó. Cuộc tranh luận thường bị thao túng bởi những nhóm lợi ích có nhiều quyền lực hơn, hòng xảo trá lôi kéo công luận nghiêng chiều theo hướng có lợi cho họ. Tôi không chỉ đề cập đến các chính phủ đang cầm quyền, bởi thể lực thao túng này có thể là kinh tế, chính trị, truyền thông, tôn giáo hoặc bất kỳ loại nào. Có khi người ta biện minh hoặc bào chữa rằng động lực của việc này nhằm đáp ứng những lợi ích kinh tế hay ý thức hệ, nhưng chẳng sớm thì muộn nó sẽ trở mặt, chống lại chính những lợi ích đó.

202. Việc thiếu đối thoại hàm ý rằng mỗi bên, chẳng ai quan tâm đến công ích mà chỉ muốn hưởng lợi do quyền lực đem lại, hoặc đỡ hơn là để áp đặt một lối suy nghĩ riêng. Như thế, các cuộc đối thoại chỉ là những cuộc thương lượng, ở đó ai nấy cố gắng giành cho được tối đa quyền lực và chiếm hữu càng nhiều lợi ích càng tốt, chẳng bận tâm hợp tác để mưu cầu công ích. Những vị anh hùng tương lai sẽ là những người biết phá bỏ lối suy nghĩ không lành mạnh này và quyết tâm bảo vệ và tôn trọng một thứ ngôn ngữ chứa đựng sự thật, vượt khỏi mọi lợi ích cá nhân. Xin Chúa cho những vị anh hùng ấy âm thầm lớn lên trong xã hội chúng ta!

Cùng nhau xây dựng

203. Việc đối thoại xã hội đích thực giả thiết khả năng tôn trọng quan điểm của người khác, chấp

nhận rằng quan điểm ấy chứa đựng những xác tín hoặc mối quan tâm chính đáng. Do căn tính và kinh nghiệm riêng, người khác có điều gì đó đem đến cho chúng ta. Ước mong sao họ sẽ đào sâu hoặc trình bày quan điểm của mình để cuộc tranh luận công khai mang lại nhiều kết quả hơn. Dĩ nhiên khi một cá nhân hoặc một nhóm người suy nghĩ nhất quán, bảo vệ các giá trị, các xác tín cũng như triển khai tư tưởng của họ, thì cách này hay cách khác đều có lợi cho xã hội. Nhưng có lợi nhiều hay ít, điều này phụ thuộc vào tinh thần đối thoại và cởi mở với người khác. Thật vậy, “trong tinh thần đối thoại đích thực, khả năng nắm bắt ý nghĩa những gì người khác nói và làm sẽ được gia tăng, dù có thể chúng ta không chấp nhận như xác tín của chính mình. Như thế, chúng ta có thể thẳng thắn, không che giấu những gì chúng ta tin, không ngừng đối thoại, tìm kiếm những điểm chung và nhất là cùng nhau hoạt động và tranh đấu”. [197] Việc tranh luận công khai, nếu thực sự dành chỗ cho mọi người, không thao túng cũng như che giấu thông tin, sẽ là tác nhân thường xuyên kích thích giúp nắm bắt sự thật hoàn hảo hơn, hay ít ra là diễn đạt sự thật cách tốt hơn. Nó không cho các bên tự đắc, tự mãn chỉ biết có quan điểm và mối quan tâm giới hạn của mình. Chúng ta cần tin chắc rằng “khác biệt thì có sức sáng tạo, chúng tạo ra căng thẳng và khi giải quyết căng thẳng, nhân loại tiến bộ!” [198]

204. Ngày nay, người ta càng xác tín rằng, bên cạnh những tiến bộ khoa học mang tính chuyên ngành, cần phải có sự trao đổi liên ngành, bởi lẽ thực tại chỉ là một, cả khi được tiếp cận dưới nhiều khía cạnh khác nhau và bằng những phương pháp khác nhau. Có một nguy cơ chớ nên coi thường đó là xem một tiến bộ khoa học nào đó là cách tiếp cận duy nhất khả dĩ nắm bắt mọi khía cạnh của đời sống, của xã hội và của thế giới. Thay vào đó, các nhà nghiên cứu tuy là chuyên gia trong lĩnh vực của mình lại vẫn sẵn sàng thừa nhận những chiều kích khác của thực tại mà họ nghiên cứu, sẽ hiểu biết thực tại cách trọn vẹn và đầy đủ hơn nhờ vào các công trình khoa học và tri thức khác.

205. Trong thế giới toàn cầu hóa này “nhờ các phương tiện truyền thông, chúng ta cảm thấy gần nhau hơn, nhận ra ý nghĩa mới mẻ của tình hiệp nhất gia đình nhân loại vốn là động lực thúc đẩy tình liên đới và sự dẫn thân nghiêm túc để mọi người có được cuộc sống xứng đáng hơn. Các phương tiện truyền thông có thể giúp chúng ta thực hiện điều này, nhất là ngày nay, khi các mạng lưới truyền thông của con người đã đạt được những tiến bộ vượt bậc. Đặc biệt, internet cho chúng ta nhiều cơ hội gặp gỡ và liên đới với nhau hơn. Đây là điều thực sự tốt lành, là quà tặng của Thiên Chúa [199]. Nhưng cần làm thế nào để luôn bảo đảm rằng các phương thức truyền thông hiện nay hướng chúng ta đến cuộc gặp gỡ quảng đại, chân thành tìm kiếm sự thật toàn vẹn, phục vụ người nghèo, gần gũi với họ và dẫn thân xây dựng công ích. Đồng thời, như các Giám mục Úc đã chỉ ra, “chúng ta không thể chấp nhận một thế giới kỹ thuật số được hoạch định để khai thác các nhược điểm của chúng ta và phơi bày những điều tồi tệ nhất nơi con người” [200].

NỀN TẢNG CỦA VIỆC ĐỒNG THUẬN

206. Chủ thuyết tương đối không phải là một giải pháp. Dưới lớp vỏ khoan dung, thuyết này cuối cùng sẽ để cho những người nắm giữ quyền thế giải thích các giá trị luân lý theo lẽ thói của thời

đại. Rốt cuộc, “nếu không có các chân lý khách quan hoặc các nguyên tắc vững chắc tách khỏi việc thỏa mãn những mong muốn cá nhân và nhu cầu tức thời [...], thì chúng ta đừng nên nghĩ rằng những kế sách chính trị hoặc sức mạnh của luật pháp là đủ [...] Khi văn hóa suy đồi và khi sự thật khách quan cùng những nguyên tắc có giá trị phổ quát không còn được tôn trọng nữa, thì luật pháp chỉ có thể được xem như những áp đặt độc đoán hay những chương ngại phải tránh mà thôi”[201].

207. Có thể nào quan tâm đến chân lý, tìm kiếm chân lý có khả năng mang lại ý nghĩa cho thực tại sâu xa nhất của chúng ta hay không? Luật là gì nếu không có niềm xác tín - chất lọc từ những suy tư và sự khôn ngoan từ bao đời - rằng mỗi con người đều mang tính thánh thiêng và bất khả xâm phạm? Để xã hội có tương lai, cần phải vun trồng ý thức tôn trọng sự thật về phẩm giá con người và quy thuận sự thật này. Vì thế, người ta sẽ không giết người, không phải chỉ vì để khỏi bị xã hội lên án hay bị luật pháp trừng trị, nhưng bởi có niềm xác tín. Đó là chân lý tất yếu được lý trí nhận biết và lương tri chấp nhận. Một xã hội sở dĩ được xem là đáng quý đáng trọng, cách riêng là vì xã hội ấy có ý thức tìm kiếm chân lý và trung thành với những chân lý nền tảng nhất.

208. Chúng ta phải biết vạch trần những kiểu thao túng, bóp méo và che giấu sự thật, trong lĩnh vực công cũng như tư. Điều chúng ta gọi là “sự thật” không chỉ là việc tường thuật các sự kiện và biến cố, như chúng ta thấy trên báo chí hằng ngày. Trước hết đó là tìm kiếm những nền tảng vững chắc nhất cho những chọn lựa và luật pháp của chúng ta. Điều này giả thiết phải thừa nhận rằng trí năng con người có thể vượt khỏi các lề thói của thời đại để nắm bắt một số chân lý không thay đổi, vốn đã đúng và sẽ luôn mãi đúng như vậy. Khi tìm hiểu bản tính con người, lý trí khám phá những giá trị phổ quát bắt nguồn từ cùng một bản tính ấy.

209. Nếu không, thì những quyền cơ bản của con người, ngày nay vốn được coi là không thể tước bỏ, sẽ bị những kẻ quyền thế phủ nhận với sự “đồng thuận” của một quần chúng mơ ngủ và sợ sệt lại chẳng là chuyện không thể xảy ra hay sao? Thế nên vẫn sẽ là chưa đủ, nếu chỉ có sự đồng thuận giữa nhiều dân tộc vì sự đồng thuận đó có thể bị thao túng. Có nhiều bằng chứng cho thấy chúng ta có thể thực hiện mọi điều tốt đẹp, nhưng đồng thời phải thừa nhận khả năng hủy hoại trong con người chúng ta. Chủ nghĩa cá nhân dừng dừng và nhấn chìm mà chúng ta rơi vào, há chẳng phải là một hậu quả khác của thói biếng nhác trong việc tìm kiếm những giá trị cao quý vượt trên những nhu cầu tức thời hay sao? Thêm vào với chủ nghĩa tương đối là nguy cơ những kẻ cầm quyền hay những kẻ xảo trá nhất áp đặt những điều mà họ gọi là chân lý. Cần nhớ rằng, “liên quan đến các chuẩn mực luân lý cấm chỉ điều xấu tự bản chất, thì không ai được đặc quyền hay miễn chức. Cho dù là chủ nhân thế giới hay kẻ khốn cùng nhất trên mặt đất, vẫn không hề có sự khác biệt: trước những đòi buộc luân lý, tất cả chúng ta đều tuyệt đối bình đẳng”[202].

210. Điều đang diễn ra và cuốn chúng ta vào một lối suy nghĩ xấu xa và rỗng tuếch, đó là việc đồng hóa đạo đức và chính trị với những sự kiện vật chất. Chẳng có điều gì là tốt xấu tự bản chất, mà chỉ có những tính toán thiệt hơn, lợi hại. Việc chuyển đổi lý lẽ tốt xấu của luân lý gây ra hậu quả là luật pháp không thể phản ánh ý niệm nền tảng về công lý mà trở thành hình ảnh phản

chiều của các tư tưởng đang thịnh hành. Thế là xã hội cứ suy thoái dần: tiến bộ “bằng cách san bằng cho thấp xuống” bởi một sự đồng thuận hời hợt mang tính đối chác. Và cuối cùng lý lẽ của kẻ mạnh sẽ thắng.

Sự đồng thuận và sự thật

211. Trong một xã hội đa nguyên, không phải sự đồng thuận nhất thời, mà chính đối thoại mới là con đường thích hợp nhất dẫn đến việc nhận ra những gì phải luôn được khẳng định và tôn trọng. Cuộc đối thoại như thế cần được làm cho phong phú và soi sáng bằng các chứng cứ, các lý lẽ, các viễn cảnh khác nhau, cũng như bằng các đóng góp từ những hiểu biết và quan điểm khác nhau. Cuộc đối thoại này không loại trừ niềm xác tín rằng có thể đạt tới một số chân lý cơ bản phải luôn được bảo vệ. Việc thừa nhận có những giá trị thường hằng như thế, mặc dù không phải lúc nào cũng dễ nhận ra, mang lại sự bền vững và ổn định cho đạo đức xã hội. Ngay cả khi những giá trị ấy đã được nhận biết và thừa nhận nhờ sự đối thoại và đồng thuận, thì chúng ta cũng thấy rằng những giá trị nền tảng này luôn vượt trên mọi đồng thuận, trên mọi hoàn cảnh cụ thể và là điều không thể bàn cãi. Chúng ta có thể ngày càng hiểu biết hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của các giá trị này - và theo chiều hướng đó, đồng thuận là một thực tại năng động - nhưng tự thân, các giá trị này được coi là bền vững vì ý nghĩa nội tại của chúng.

212. Nếu luôn có điều gì đó giúp cho xã hội được vận hành cách tốt đẹp, há chẳng phải vì ẩn đằng sau là một chân lý thường hằng mà trí năng có thể nắm bắt được hay sao? Trong chính thực tại của con người và của xã hội, trong bản chất sâu xa của chúng có một loạt cơ cấu nền tảng nâng đỡ sự phát triển và tồn tại của cả hai. Từ đó phát sinh ra một số yêu cầu, vốn có thể nhận biết nhờ đối thoại, cho dù những yêu cầu ấy, nói cho ngay, không là kết quả của sự đồng thuận. Sự kiện một số quy tắc là thiết yếu cho chính đời sống xã hội là dấu chỉ cho thấy chúng là điều tốt tự thân. Vì thế, không cần phải đặt tiện ích xã hội, sự đồng thuận và chân lý khách quan đối nghịch với nhau. Ba thực tại này có thể kết hợp hài hòa khi người ta, bằng cách đối thoại, dám đi đến tận cùng vấn đề.

213. Trong mọi hoàn cảnh, phải tôn trọng phẩm giá của người khác, tôn trọng không phải vì chúng ta đã thiết định hay tưởng tượng ra phẩm giá ấy, nhưng bởi vì họ thực sự có giá trị, giá trị này vượt trên vật chất và các hoàn cảnh. Điều này đòi buộc chúng ta phải đối xử với họ khác với các sự vật. Mỗi người đều có một phẩm giá không thể tước bỏ. Đây là chân lý tương hợp với bản tính con người bất chấp mọi thay đổi về văn hoá. Chính vì thế, mọi người đều có cùng một phẩm giá bất khả xâm phạm như nhau, bất kể thời đại lịch sử và cũng vì thế không ai, do hoàn cảnh đặc biệt nào đó, có thể cho rằng mình có quyền phủ nhận niềm xác tín ấy hoặc không hành xử phù hợp với niềm xác tín ấy. Do đó, trí năng có thể sẫm soi thực tại các sự vật thông qua suy tư, kinh nghiệm và đối thoại, để nhận ra nơi thực tại ấy và vượt khỏi thực tại ấy, nền tảng của những mệnh lệnh luân lý phổ quát nhất định.

214. Nền tảng này xem ra là đủ để những người theo thuyết bất khả tri gán cho những nguyên tắc

đạo đức căn bản và bất khả thương lượng một giá trị phổ quát chắc chắn và bền vững có khả năng ngăn ngừa những thảm họa mới. Đối với các tín hữu, bản tính nhân loại này, là nguồn phát sinh các nguyên tắc đạo đức, đã được Thiên Chúa tạo dựng và cuối cùng cũng chính Thiên Chúa đã phú cho các nguyên tắc ấy một nền tảng vững chắc[203]. Điều này không đưa đến một nền đạo đức cứng nhắc, cũng không hàm ý áp đặt bất kỳ một hệ thống luân lý nào, bởi lẽ từ các nguyên tắc luân lý cơ bản và các giá trị phổ quát này có thể nảy sinh những quy tắc thực hành khác nhau. Song, vẫn luôn có chỗ cho đối thoại.

MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

215. “Cuộc sống là nghệ thuật gặp gỡ giữa biết bao bất đồng”[204]. Đã nhiều lần tôi mời gọi phát triển một nền văn hóa gặp gỡ vượt lên những biện chứng đối kháng nhau. Đó là một lối sống nhằm tạo nên một khối đa diện với nhiều góc cạnh, nhưng vẫn là một thể thống nhất mang nhiều sắc thái, bởi vì “toàn thể lớn hơn thành phần”[205]. Khối đa diện này là hình ảnh của một xã hội có nhiều khác biệt, bổ sung, làm phong phú và soi sáng lẫn nhau cho dù vẫn có những bất đồng và ngờ vực. Thật vậy, người ta có thể học hỏi lẫn nhau, không ai là vô dụng, không ai là thừa thãi. Điều này hàm ý rằng cả những người sống ở vùng ngoại vi cũng được hội nhập vào. Những người này có lối nhìn khác. Họ thấy các khía cạnh của thực tại mà các trung tâm quyền lực, nơi đưa ra các quyết định quan trọng nhất, lại không nhận ra.

Gặp gỡ trở thành văn hóa

216. Từ “văn hóa” diễn tả điều gì đó đã bám rễ sâu vào một dân tộc, trong những xác tín sâu xa nhất và trong nếp sống của dân tộc ấy. Nếu chúng ta nói về một nền “văn hóa” trong một dân tộc thì đó không chỉ là một ý tưởng hay một điều trừu tượng. Văn hóa bao gồm tâm tư, ước nguyện và sau hết là cung cách sống của nhóm dân đó. Vì thế, nói về “văn hóa gặp gỡ” nghĩa là muốn nói rằng, là một dân tộc, chúng ta phải ham mê gặp gỡ nhau, tìm những điểm chung, xây dựng những cầu nối, thiết lập những kế hoạch dành cho hết mọi người. Điều này trở nên khát vọng và lối sống, Chủ thể của nền văn hóa này là dân chúng chứ không phải một bộ phận của xã hội ra sức giữ bình ổn phần còn lại bằng các phương tiện chuyên môn và truyền thông.

217. Xây dựng hòa bình xã hội là việc khó, đòi hỏi phải có sự khéo léo. Trong khi việc kiềm chế tự do và hạn chế những khác biệt có lẽ sẽ dễ dàng hơn với một chút mách lới và phương tiện. Nhưng thứ hòa bình ấy hẳn là mong manh, hời hợt vì không phải là kết quả của một nền văn hóa gặp gỡ vốn hậu thuẫn cho hòa bình. Hòa nhập những khác biệt là một tiến trình khó khăn và chậm chạp hơn nhiều, nhưng chỉ có tiến trình này mới bảo đảm một nền hòa bình đích thực và bền vững. Sẽ không có được thứ hòa bình ấy nếu chỉ huy động được những phần tử trung kiên, bởi lẽ “ngay cả những người mắc sai lầm đáng chỉ trích vẫn có thể cống hiến điều gì đó mà ta chớ nên xem thường bỏ qua”[206]. Đó không phải là một thứ hòa bình xuất phát từ việc bóp nghẹt những yêu sách xã hội hay cấm đoán mọi chống đối, cũng không phải là “một sự đồng thuận trên giấy tờ hay một thứ hòa bình tạm bợ dành cho một thiểu số hài lòng sung sướng”[207]. Điều quan trọng là

thiết lập những tiến trình gặp gỡ, những tiến trình làm nên một dân tộc có khả năng chấp nhận những khác biệt. Chúng ta hãy trang bị cho con em mình vũ khí của đối thoại. Hãy dạy cho chúng biết chiến đấu cho cuộc chiến cao đẹp của nền văn hóa gặp gỡ!

Niềm vui khi nhìn nhận người khác

218. Điều này bao hàm việc nhìn nhận người khác có quyền là chính họ và quyền được khác biệt. Khi việc nhìn nhận này trở thành văn hóa, thì mới có thể thiết lập được một thỏa ước xã hội. Ngược lại, không có sự nhìn nhận này, sẽ xuất hiện nhiều cách thức tinh vi nhằm làm cho người khác không còn ý nghĩa, không đáng kể và không có giá trị gì trong xã hội. Việc loại trừ một số hình thức bạo lực thể lý bên ngoài, lắm khi lại là che đậy một thứ bạo lực khác xảo trá hơn: đó là khinh miệt những ai khác với mình, nhất là khi những đòi hỏi của họ cách nào đó gây tổn hại cho những lợi ích của mình.

219. Khi một thành phần xã hội cho rằng phải tận dụng tất cả những gì thế giới cống hiến, và làm như thế người nghèo không hề hiện hữu, điều này đến lúc nào đó sẽ gây ra hậu quả. Sớm muộn gì thì việc phớt lờ sự hiện diện và quyền lợi của người khác cũng sẽ gây ra một hình thức bạo lực nào đó, nhiều khi không lường trước được. Ước mơ về tự do, bình đẳng và huynh đệ mãi mãi vẫn chỉ là hình thức nếu chúng không được áp dụng cho hết mọi người. Vấn đề không chỉ là tìm kiếm cuộc gặp gỡ giữa những người nắm giữ quyền lực kinh tế, chính trị hay học thuật. Cuộc gặp gỡ xã hội thực sự trong đối thoại sẽ là cuộc gặp gỡ đúng nghĩa giữa các nền văn hóa lớn của đại đa số dân cư. Lắm lúc những thiện chí được nêu lên không được các thành phần nghèo nhất tán thành, bởi vì những thiện chí ấy được trình bày dưới trang phục văn hóa không phải là trang phục của họ, thế nên họ không thể nhận ra. Do đó, một thỏa ước xã hội mang tính hiện thực và được đại đa số chấp nhận cũng phải là một “thỏa ước văn hóa”, nghĩa là một thỏa ước biết tôn trọng và nhìn nhận các thế giới quan, các nền văn hóa và các lối sống khác nhau cùng tồn tại trong xã hội.

220. Chẳng hạn, các dân tộc bản địa không chống lại sự tiến bộ, nhưng họ có cách hiểu khác về tiến bộ, và thường mang tính nhân văn hơn so với cách hiểu của nền văn hóa hiện đại thuộc thế giới phát triển. Đó không phải là nền văn hóa nhắm đến lợi ích của những kẻ có quyền, những kẻ mong muốn thiết lập một loại thiên đường vĩnh cửu trên trần gian. Thái độ bất bao dung và khinh miệt đối với nền văn hóa dân tộc bản địa thực sự là một hình thức bạo lực, cách riêng là của tầng lớp tinh hoa thiếu từ tâm, chuyên phán xét người khác. Song, không thể có được sự thay đổi đích thực sâu xa và lâu dài nào nếu không khởi đi từ những nền văn hóa khác nhau, đặc biệt là các nền văn hóa của người nghèo. Để có được một thỏa ước văn hóa cần giả định rằng phải loại bỏ cách hiểu cục bộ về tính đồng nhất địa phương, đồng thời phải tôn trọng sự đa dạng nhờ đó mở ra cho cư dân địa phương những cơ hội thăng tiến và hòa nhập vào cuộc sống toàn xã hội.

221. Thỏa ước này cũng đòi hỏi phải chấp nhận việc nhượng bộ điều gì đó vì công ích. Không ai có thể nắm giữ toàn bộ chân lý hay có thể thỏa mãn mọi ước muốn của mình, bởi lẽ, khả năng này, nếu có, sẽ dẫn đến việc phủ nhận quyền lợi của tha nhân và bằng cách đó sẽ hủy diệt họ.

Những ai tin rằng họ phải trung thành với các nguyên tắc của mình đồng thời vẫn thừa nhận rằng người khác cũng có quyền trung thành với các nguyên tắc của người đó thì họ sẽ tránh được quan niệm sai lầm về lòng bao dung, thay vào đó qua việc đối thoại họ sẽ thấy được thực tại. Việc nhìn nhận tha nhân như thế mới là thật và chỉ có tình yêu mới có thể làm được, và điều đó có nghĩa là đặt mình vào vào vị trí của người khác để khám phá ra, giữa những động lực và các mối quan tâm của họ, đâu là điều xác thực, hay ít ra là để có thể hiểu được họ!

TRỞ LẠI LÀM NGƯỜI TỬ TẾ

222. Chủ nghĩa cá nhân tiêu dùng gây ra những sai trái trầm trọng. Chúng ta coi người khác như những kẻ cản trở không để chúng ta thành thói hưởng thụ, để rồi, đối xử với họ như những người quấy rối. Cuối cùng chúng ta ngày càng hung hãn. Điều này được thấy rõ và thấy rất rõ khi xảy ra khủng hoảng, tai ương hoặc khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Chính lúc đó, thói xấu “thân ai nấy lo” bộc lộ hoàn toàn. Tuy nhiên ngay cả khi đó, chúng ta vẫn có thể chọn làm người tử tế. Những người tử tế trở nên những vì sao chiếu sáng trên bầu trời đêm.

223. Thánh Phaolô dùng từ hy lạp *chrestótes* (*Gal 5,22*) để nói về sự tử tế, như một trong những hoa quả của Chúa Thánh Thần. *Chrestótes* diễn tả một tâm hồn không chua chát, thô lỗ, cứng cỏi, nhưng nhân hậu, dịu dàng, biết nâng đỡ và an ủi. Những cá nhân có đức tính này thường giúp người khác có được cuộc sống dễ chịu hơn, nhất là giúp những ai chịu áp lực nặng nề bởi những khó khăn, những nhu cầu khẩn cấp, những nỗi lắng lo ưu phiền. Lối ứng xử này được biểu lộ bằng nhiều cách: thái độ ân cần hòa nhã, chú ý để lời nói hoặc việc làm không gây tổn thương cho ai, cố gắng làm người khác vui bớt gánh nặng. Điều này đòi hỏi phải nói “những lời tích cực để vỗ về, trợ lực, an ủi và khích lệ” chứ không nói “những lời miệt thị, bi quan, khích bác hoặc chê bai”[208].

224. Sự tử tế giải thoát chúng ta khỏi thói độc ác đôi khi len lỏi vào mối tương quan của con người, khỏi mối bận tâm lo lắng vốn ngăn cản chúng ta nghĩ đến người khác, khỏi những hồi hải vô tâm đến độ quên rằng người khác cũng có quyền được hưởng hạnh phúc. Ngày nay, chúng ta không quen, cũng chẳng có đủ thời gian và khả năng dừng lại để sống tử tế với người khác, để nói “xin vui lòng”, “xin lỗi”, “cảm ơn”. Nhưng thỉnh thoảng phép màu vẫn xảy ra khi có người tử tế xuất hiện, sẵn sàng bỏ qua những bận tâm và việc cần làm ngay của mình để lưu tâm đến người khác, để trao tặng một nụ cười, để nói một lời động viên, để lắng nghe giữa một nơi chốn đầy vẻ dửng dưng. Nếu cố gắng sống tử tế như thế mỗi ngày, chúng ta có thể tạo được một bầu khí chung lành mạnh trong xã hội, nhờ đó vượt thắng các hiểu lầm và tránh khỏi các xung đột. Sống tử tế không phải là một việc vặt vãnh chẳng đáng gì, cũng không phải là một thái độ màu mè trường giả. Bởi vì nó đòi hỏi phải quý mến và tôn trọng người khác, nên khi trở thành văn hóa xã hội, nó sẽ làm thay đổi sâu sắc cách sống, các mối tương quan xã hội, thay đổi cách thức thảo luận và cách đối chiếu các tư tưởng. Nó tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm sự đồng thuận và mở ra những nẻo đường mới ở những nơi mà sự thù địch phần nộ đã phá hủy mọi chiếc cầu.

CHƯƠNG BẢY

NHỮNG LỘ TRÌNH GẶP GỠ

225. Nhiều nơi trên thế giới cần có những lộ trình hòa bình để hàn gắn các vết thương. Cũng cần có những người kiến tạo hòa bình đầy khôn ngoan và táo bạo, sẵn sàng thực hiện các tiến trình chữa lành và tìm gặp lại nhau.

BẮT ĐẦU LẠI TỪ SỰ THẬT

226. Gặp lại nhau không có nghĩa là trở lại thời điểm trước khi có xung đột. Tất cả chúng ta đã thay đổi theo thời gian. Đau thương và những bất đồng cũng làm chúng ta thay đổi. Hơn nữa, cũng chẳng còn chỗ cho kiểu ngoại giao trống rỗng, cho những giả dối, những lời nói nước đôi, những che giấu, những lối cư xử tốt đẹp để che đậy thực tế. Những người đã từng đối đầu gay gắt với nhau phải đối thoại khởi đi từ sự thật rõ ràng và minh bạch. Họ cần phải học biết vun trồng ký ức sám hối, có khả năng chấp nhận quá khứ để không che phủ tương lai bằng những bất mãn, những nhầm lẫn và những dự phóng của họ. Chỉ có sự thật lịch sử về các biến cố mới có thể là cơ sở cho nỗ lực bền bỉ nhằm đạt được sự hiểu biết lẫn nhau và một quan điểm mới vì thiện ích của tất cả mọi người. Thật vậy, “tiến trình hòa bình đòi hỏi phải dẫn thân lâu dài. Đó là một nỗ lực kiên nhẫn nhằm tìm kiếm sự thật và công lý, tôn vinh ký ức của các nạn nhân và từng bước mở ra niềm hy vọng chung, mạnh hơn mong muốn báo thù[209]. Như các Giám mục Congo đã xác nhận về cuộc xung đột vẫn liên li tái diễn: “Các thỏa ước hòa bình trên giấy tờ sẽ chẳng bao giờ là đủ. Cần phải đi xa hơn, bằng việc minh bạch sự thật về nguyên nhân gốc của cuộc khủng hoảng hiện thời. Người dân có quyền biết điều gì đã xảy ra”[210]

227. Quả vậy, “sự thật là người bạn đồng hành luôn gắn bó với công lý và lòng thương xót. Cả ba đều là yếu tố thiết yếu để xây dựng hòa bình. Mặt khác, mỗi yếu tố đều ngăn không cho các yếu tố kia biến dạng. [...] Không được để sự thật dẫn đến báo thù, nhưng phải dẫn đến hòa giải và tha thứ. Sự thật là nói cho các gia đình đang tan nát đau thương về những gì đã xảy ra cho những người thân yêu đã mất của họ. Sự thật là thú nhận những gì đã xảy ra với những người trẻ bị những kẻ bạo tàn chiêu mộ. Sự thật là nhận ra nỗi đau của các phụ nữ là nạn nhân của bạo lực và lạm dụng. [...] Mỗi hành vi bạo lực chống lại con người đều là một vết thương trên da thịt nhân loại, mỗi cái chết thương tâm đều làm giảm giá trị nhân vị của chúng ta. [...] Bạo lực sinh ra bạo lực, hận thù gây thêm hận thù, chết chóc càng thêm chết chóc. Chúng ta phải phá vỡ vòng luẩn quẩn dường như không thể tránh khỏi này”[211].

XÂY DỰNG HOÀ BÌNH THEO KHOA KIẾN TRÚC VÀ KIỂU THỦ CÔNG

228. Con đường dẫn đến hòa bình không đòi hỏi phải làm cho xã hội trở nên đồng nhất, nhưng trái lại, cho phép chúng ta cùng nhau làm việc. Nó có thể kết nối nhiều người lại để cùng nhau tìm kiếm lợi ích chung cho tất cả. Trước một mục tiêu chung đã định, chúng ta có thể đưa ra nhiều giải pháp

kỹ thuật khác nhau, nhiều kinh nghiệm khác nhau và cùng phục vụ cho công ích. Cần xác định rõ các vấn đề xã hội đang gặp phải để chấp nhận rằng có những cách nhìn khác nhau về những khó khăn và cách giải quyết các vấn đề ấy. Con đường dẫn đến việc cùng chung sống trong xã hội luôn bao hàm việc nhận ra rằng người khác có thể có một quan điểm chính đáng, có điều gì đó đáng giá, ít ra là phần nào đó, cho dù họ có sai lầm hay làm điều xấu. Thật vậy, “chúng ta không bao giờ được giới hạn người khác vào những gì họ đã nói hay đã làm, nhưng phải đánh giá họ theo triển vọng mà họ đang có”[212], triển vọng luôn để lại một tia hy vọng.

229. Các Giám mục Nam Phi đã cho thấy người ta có thể đạt được hòa giải thật sự một cách chủ động, “bằng cách kiến tạo một xã hội mới dựa trên việc phục vụ người khác hơn là mong muốn thống trị; một xã hội dựa trên việc chia sẻ với người khác những gì mình có hơn là mỗi người cứ ích kỷ tranh giành càng nhiều của cải càng tốt; một xã hội mà trong đó giá trị của việc liên kết với nhau với tư cách là những con người thì dứt khoát ưu tiên hơn các nhóm nhỏ, dù đó là gia đình, quốc gia, chủng tộc hay văn hóa”. [213] Các Giám mục Hàn Quốc cũng nhấn mạnh rằng nền hòa bình thật sự “chỉ có thể đạt được khi chúng ta đấu tranh cho công lý qua việc đối thoại, tìm kiếm sự hòa giải, và giúp nhau phát triển”[214].

230. Cần phải nỗ lực để vượt qua những gì chia rẽ chúng ta mà không đánh mất bản sắc riêng của mỗi cá nhân, nỗ lực này giả định mỗi người phải có một cảm thức căn bản của sự thuộc về. Quả thật, “xã hội chúng ta sẽ được lợi khi mỗi người, mỗi nhóm xã hội cảm thấy như đang ở nhà của mình. Trong một gia đình, cha mẹ, ông bà và con cháu đều thuộc về nhà ấy, không ai bị loại trừ. Nếu có người gặp khó khăn, kể cả khó khăn nghiêm trọng, mặc dù do chính người ấy gây ra, thì những người khác trong gia đình sẽ đến trợ giúp và nâng đỡ người ấy; nỗi đau của người ấy được cả gia đình chia sẻ... Trong các gia đình, mọi người cùng góp phần vào kế hoạch chung; mọi người đều làm việc cho thiện ích chung mà không triệt tiêu nét riêng của từng người, trái lại còn ủng hộ và khuyến khích nữa. Họ có thể cãi nhau, nhưng vẫn có điều gì đó không thay đổi: đó là mối dây ràng buộc gia đình. Những cãi vã trong gia đình rồi cũng sẽ được hòa giải. Niềm vui nỗi buồn của mỗi người được cả nhà chia sẻ. Gia đình là thế! Ước gì chúng ta có thể nhìn đối thủ trong lĩnh vực chính trị hay người hàng xóm giống như chúng ta nhìn con cái hay vợ chồng, cha mẹ của mình! Như thế sẽ tốt đẹp biết bao! Chúng ta có yêu mến xã hội hay không, hay xã hội vẫn là một cái gì đó xa vời, vô danh, không liên quan đến chúng ta, không ràng buộc chúng ta?”[215].

231. Thông thường, rất cần đàm phán và thông qua đó để khai triển các tiến trình cụ thể nhằm đạt được hòa bình. Tuy nhiên, các tiến trình hiệu quả dẫn đến nền hòa bình bền vững trước hết là những thay đổi được các dân tộc kiến tạo nên; trong đó mỗi cá nhân có thể trở thành nắm men hữu hiệu qua cách sống hằng ngày của mình. Những thay đổi lớn lao không xuất hiện trên các bàn giấy hay trong các văn phòng. Vì thế, “mỗi người đều đóng một vai trò nền tảng trong một dự án duy nhất đầy tính sáng tạo, đó là viết nên trang sử mới, tràn trề hy vọng, hòa bình và hòa giải”[216]. Có một phương thức kiến tạo hoà bình theo “khoa kiến trúc”, trong đó các định chế xã hội khác nhau đều góp phần theo lãnh vực chuyên môn của mình, nhưng cũng có một lối xây dựng hòa bình theo “kiểu thủ công”, liên quan đến tất cả chúng ta. Từ các tiến trình hòa bình đã

diễn ra tại nhiều nơi trên thế giới, “chúng ta đã học được rằng trên những lối đường kiến tạo hòa bình ấy, cần có sự hòa giải, cần đặt lý trí trên hận thù, cần có sự kết hợp hài hòa tinh tế giữa chính trị và luật pháp, đồng thời không được bỏ qua sự tham gia của người dân. Hòa bình không đạt được bằng việc soạn ra những khuôn khổ pháp lý và bằng những dàn xếp mang tính cơ chế giữa các nhóm chính trị hay kinh tế có thiện chí... Hơn nữa, việc bổ sung vào các tiến trình hòa bình những kinh nghiệm của các thành phần, mà thông thường chẳng được ai biết đến sẽ luôn là hữu ích, để chính các cộng đồng ấy sẽ tác động đến ký ức cộng đồng”[217].

232. Việc xây dựng hòa bình xã hội trong một quốc gia chẳng bao giờ hoàn tất, nhưng là “một nhiệm vụ trường kỳ đòi hỏi mọi người phải tham gia. Nhiệm vụ này buộc chúng ta không ngừng nỗ lực xây dựng tình đoàn kết quốc gia, bất chấp những trở ngại, những khác biệt và những quan điểm khác nhau về cách thức đi đến chung sống hòa bình, cách thức kiên trì đấu tranh nhằm thúc đẩy nền văn hóa gặp gỡ. Nền văn hóa ấy đòi hỏi chúng ta phải đặt con người cùng với phẩm giá cao quý và việc tôn trọng công ích ở trung tâm của mọi hoạt động chính trị, xã hội và kinh tế. Mong sao nỗ lực này giúp chúng ta thoát khỏi mọi cám dỗ trả thù và tìm kiếm những lợi ích phe nhóm nhất thời”[218]. Những cuộc biểu tình bạo động, của phía bên này hay bên kia, chẳng giúp tìm ra được giải pháp; đặc biệt bởi vì, như các mục Colombia đã nhấn mạnh, khi kêu gọi người dân biểu tình, “các điểm xuất phát và mục tiêu của các cuộc biểu tình ấy không phải lúc nào cũng rõ ràng; có những kiểu thao túng chính trị, và từ đó cho thấy có những tranh giành lợi ích phe nhóm”[219].

Bắt đầu với những người thấp kém nhất

233. Việc thúc đẩy tình thân ái xã hội không chỉ liên quan đến chuyện xích lại gần nhau giữa các nhóm đã phân rẽ sau giai đoạn xung đột trong lịch sử, nhưng cả những người thuộc thành phần nghèo khổ và dễ tổn thương nhất của xã hội cũng cần tìm gặp lại nhau. “Hòa bình không chỉ là vắng bóng chiến tranh, nhưng là sự dẫn thân không mệt mỏi - đặc biệt là về phần chúng ta là những người có trách nhiệm lớn hơn - trong việc nhìn nhận, bảo đảm và phục hồi một cách cụ thể phẩm giá của các anh chị em chúng ta, vốn thường bị lãng quên hay coi nhẹ, để họ có thể cảm nhận được họ là những nhân vật chính yếu nắm giữ vận mệnh đất nước mình”[220].

234. Thông thường, những người thấp kém trong xã hội là nạn nhân của những khái quát hóa đầy bất công. Nếu đôi khi người nghèo và người bị loại trừ phản ứng bằng những thái độ xem ra chống lại xã hội, chúng ta cần phải hiểu rằng trong nhiều trường hợp những phản ứng ấy phát xuất từ một lịch sử trong đó họ bị xã hội khinh miệt và loại trừ. Các giám mục châu Mỹ La tinh đã nói rằng “chỉ bằng cách gần gũi với người nghèo chúng ta mới trở thành bạn hữu của họ, mới biết trân trọng cách sâu xa các giá trị họ đang có, các khao khát chính đáng của họ, và cách sống đức tin đặc thù của họ. Việc chọn lựa người nghèo phải đưa chúng ta đến chỗ làm bạn với người nghèo”[221].

235. Những người có ý mang lại niềm an hòa cho xã hội không được quên rằng tình trạng bất bình đẳng và thiếu phát triển nhân bản toàn diện không giúp cho việc cổ vũ hòa bình. Quả vậy, “nếu

không có các cơ hội bình đẳng thì sớm hay muộn các hình thức gây hấn và xung đột cũng sẽ tìm được mảnh đất màu mỡ để bùng phát. Một khi xã hội - địa phương, quốc gia hay thế giới - muốn gạt ra bên lề một phần của chính mình, thì không có chương trình chính trị nào, không có lực lượng an ninh hay giám sát nào có thể bảo đảm được an bình vĩnh viễn"[222]. Nếu cần phải bắt đầu lại, thì phải luôn luôn bắt đầu từ những người thấp kém nhất.

GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA CỦA THA THỨ

236. Có những người không thích nói về hòa giải, bởi vì họ cho rằng xung đột, bạo lực và đổ vỡ thuộc quá trình vận hành bình thường của xã hội. Trên thực tế, trong bất cứ nhóm người nào, giữa các phe phái, ít nhiều gì, đều luôn có tranh chấp quyền lực. Có những người lại khẳng định rằng tha thứ là từ bỏ chỗ đứng của mình để nhường cho người khác kiểm soát. Vì thế, họ cho rằng tốt hơn là cứ tiếp tục trò chơi quyền lực để duy trì sự cân bằng lực lượng giữa các nhóm. Những người khác thì tin rằng hòa giải là chuyện của kẻ yếu, vì không có khả năng đối thoại nghiêm túc nên chọn cách tránh né vấn đề, che đậy các bất công, nghĩa là, khi không thể đương đầu với các vấn đề, họ chọn thứ hòa bình hình thức.

Xung đột không thể tránh

237. Trong Kitô giáo, tha thứ và hòa giải là hai chủ đề trọng tâm, và theo nhiều cách khác, trong các tôn giáo khác cũng có hai chủ đề này. Tuy nhiên, có nguy cơ là các xác tín không được hiểu và trình bày đúng đắn rồi cuối cùng dung dưỡng thuyết định mệnh, thói vô cảm và bất công, hay thậm chí bất khoan dung và bạo lực.

238. Chúa Giêsu không bao giờ cổ vũ thái độ bạo lực và bất khoan dung. Người công khai lên án việc sử dụng sức mạnh để bắt người khác phải phục tùng: “Anh em biết, thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy” (Mt 20,25-26). Trái lại, Phúc âm đòi chúng ta phải tha thứ “bảy mươi lần bảy” (Mt 18,22) và kể một ví dụ về người đầy tớ độc ác được tha thứ nhưng lại không biết tha thứ cho kẻ khác (x. Mt 18,23-35).

239. Khi đọc các bản văn khác của Tân Ước, chúng ta có thể nhận thấy các cộng đoàn Kitô hữu sơ khai đã tỏ ra kiên nhẫn, bao dung và cảm thông như thế nào khi sống trong thế giới dân ngoại đòi bại và lầm lạc. Một số bản văn nói rất rõ về khía cạnh này: chúng ta được dạy phải đáp lại những kẻ chống đối mình “với sự hiền hòa” (2 Tm 2,25) và được khuyến khích “không nói xấu ai, tránh cãi vã, cư xử hiền hòa, luôn luôn tỏ lòng nhân từ với mọi người. Vì chính chúng ta đã từng ngu xuẩn” (Tt 3,2-3). Sách Công vụ Tông đồ ghi nhận rằng các môn đệ, dù bị một số nhà cầm quyền bách hại, “đã được toàn dân thương mến” (2,47; x. 4,21.33; 5,13).

240. Tuy nhiên, khi suy tư về sự tha thứ, hòa bình, và hòa hợp xã hội, chúng ta cũng gặp lời khẳng định của Chúa Giêsu Kitô khiến chúng ta kinh ngạc: “Các con chớ tưởng rằng Thầy đến để mang

hòa bình cho thế gian: Thầy không đến để đem hòa bình, nhưng đem gươm giáo. Vì chưng, Thầy đến để gây chia rẽ con trai với cha mình, con gái với mẹ mình, nàng dâu với mẹ chồng mình: và thù địch của người ta lại là chính người nhà mình.” (Mt 10,34-36). Cần phải đặt những lời này trong ngữ cảnh của đoạn văn, ở đó chủ đề đang được nói đến rõ ràng là sự trung tín với một lựa chọn, không hồ thẹn, dù có những trái ý, và thậm chí dù những người thân yêu phản đối lựa chọn ấy. Vì thế, lời Chúa Kitô không khuyến khích chúng ta tìm kiếm xung đột, nhưng chỉ là chấp nhận cuộc xung đột không tránh được, để việc tôn trọng người khác nhằm giữ được điều được gọi là bình an trong gia đình hay xã hội sẽ không làm chúng ta đánh mất lòng trung tín. Thánh Gioan Phaolô II nhận định rằng đối với Giáo hội “không phải tất cả và bất kể hình thức xung đột xã hội nào cũng bị lên án. Giáo hội nhận thức rõ ràng rằng trong dòng lịch sử, những xung đột lợi ích giữa các nhóm xã hội khác nhau đã xảy ra, không thể tránh được, và rằng người Kitô hữu thường phải có một lập trường quả quyết và nhất quán về những xung đột này”[223].

Đấu tranh chính đáng và sự tha thứ

241. Đề nghị tha thứ ở đây không có nghĩa là đề nghị từ bỏ quyền lợi của bản thân để một quan chức tham nhũng, một kẻ tội phạm hay ai đó xúc phạm phẩm giá của mình. Chúng ta được kêu gọi yêu thương mọi người, không trừ ai. Nhưng yêu thương một kẻ áp bức không có nghĩa là chấp nhận cho kẻ ấy tiếp tục áp bức mình, cũng không phải là khiến cho kẻ ấy tưởng rằng hành động của y là có thể chấp nhận được. Trái lại, yêu thương kẻ áp bức một cách đúng nghĩa là phải làm sao cho kẻ ấy chấm dứt hành vi áp bức, là tước bỏ quyền lực mà kẻ ấy đã không biết cách sử dụng và làm cho nhân tính của y ra méo mó. Tha thứ không có nghĩa là để cho những kẻ áp bức tiếp tục chà đạp phẩm giá của chính họ và người khác, hay để cho kẻ tội phạm cứ làm điều sai trái. Người đã gánh chịu bất công phải cương quyết bảo vệ các quyền lợi của mình và gia đình mình, chính vì họ phải bảo vệ phẩm giá đã được Thiên Chúa yêu thương ban tặng. Nếu có kẻ gian ác đã làm hại tôi hay người thân yêu của tôi, thì không ai có thể cấm tôi đòi lại công lý và nỗ lực hết sức để bảo đảm rằng kẻ ấy, hay bất kỳ ai khác, sẽ không còn làm hại tôi hay người khác nữa. Đó là quyền của tôi, sự tha thứ không phủ nhận quyền này mà còn đòi phải làm như thế.

242. Điều quan trọng khi làm như thế không phải là để nung nấu cơn giận, vì oán giận sẽ làm tổn hại tâm hồn chúng ta và tâm hồn người khác, cũng không phải là để thỏa mãn ước muốn tiêu diệt người khác, vì ước muốn này sẽ kích động vòng báo oán không cùng. Chẳng ai có được bình an nội tâm hay có được cuộc sống bình thường bằng cách ấy. Sự thật là “không có gia đình nào, không có nhóm người thân cận nào hay nhóm sắc tộc nào, càng không có quốc gia nào có được tương lai nếu động lực liên kết, quy tụ và xóa mờ các khác biệt của họ lại là báo thù và oán hận. Chúng ta không được đồng lòng và liên kết với nhau để trả thù, để đáp trả tương tự với kẻ đã dùng bạo lực với chúng ta, để sắp đặt cơ hội trả thù dưới những hình thức hợp pháp bề ngoài”[224]. Như thế chúng ta chẳng được gì, mà cuối cùng lại mất tất cả.

243. Chắc chắn “không dễ dàng gì vượt qua hậu quả cay đắng của những bất công, hận thù và nghi ngờ do cuộc xung đột để lại. Người ta chỉ có thể thực hiện điều đó bằng cách dùng sự thiện

mà chế ngự sự dữ (x. *Rm 12,21*) và bằng cách vun trồng những nhân đức nuôi dưỡng sự hòa giải, liên đới và hòa bình”[225]. Bằng cách này, sự thiện sẽ mang lại cho người hành thiện một tâm hồn thanh thản, một niềm vui sâu xa, cả khi gặp khó khăn và hiểu lầm. Thậm chí, ngay cả khi bị sỉ nhục, sự thiện không hề là yếu đuối, mà là sức mạnh thực sự, có khả năng khước từ trả thù”[226]. Mỗi người chúng ta, trong cuộc sống của mình, cần nhận ra rằng “sự xét đoán khắt khe âm ỉ trong lòng mà tôi dành cho anh chị em mình, vết thương không được chữa lành, sự xúc phạm không được thứ tha, mỗi oán hận chỉ gây hại cho tôi... tất cả đều là những tình tiết của một cuộc chiến diễn ra trong tôi, là ngọn lửa trong tâm hồn tôi cần phải dập tắt không để bùng cháy thành cơn hỏa hoạn”[227].

Sự vượt thắng thực sự

244. Khi các xung đột không được giải quyết mà chỉ che đậy hay vùi chôn vào quá khứ, lúc đó sự im lặng có thể coi là đồng lõa với những sai trái và tội lỗi trầm trọng. Còn việc hòa giải đích thực thì không lẩn tránh xung đột, nhưng đạt được trong chính xung đột, vượt qua xung đột nhờ đối thoại và thương lượng cách kiên trì, chân thành và cởi mở. Cuộc xung đột giữa các nhóm “nếu tránh được những hành vi thù nghịch và căm thù lẫn nhau, sẽ dần dần biến thành một cuộc thảo luận chân thành dựa trên việc tìm kiếm công bằng”[228].

245. Nhiều lần tôi đã đưa ra “một nguyên tắc quan trọng để xây dựng tình bằng hữu trong xã hội: đó là, hiệp nhất thì hơn xung đột. [...] Ở đây không nói đến chủ nghĩa hòa đồng, hay hòa tan bên này vào bên kia, mà là nhắm đến một giải pháp ở bình diện cao hơn, để bảo toàn những tiềm năng quý giá của hai bên đối lập”[229]. Mọi người đều biết rõ: “khi chúng ta, với tư cách cá nhân hay cộng đồng, học cách nhìn xa hơn bản thân và lợi ích cá nhân, thì sự hiểu biết và cam kết hỗ tương sẽ biến thành [...] một lĩnh vực mà nơi đó các xung đột, căng thẳng, và ngay cả các nhóm đã từng coi nhau là thù địch, cũng có thể đạt được sự thống nhất đa dạng, nhờ đó cuộc sống mới sẽ nảy sinh”[230].

KÝ ỨC

246. Không được đòi hỏi những người đã chịu nhiều bất công và tàn bạo phải thực thi “sự tha thứ mang tính xã hội”. Hòa giải là vấn đề cá nhân, không ai có quyền áp đặt cho toàn xã hội, ngay cả khi có bốn phần phải cổ vũ hòa giải. Giới hạn trong phạm vi cá nhân, người ta có thể tự do và quảng đại quyết định từ bỏ việc đòi trừng phạt (x. *Mt 5,44-46*), ngay cả khi đối với xã hội và nền công lý của xã hội ấy việc đòi hỏi phải trừng phạt là hợp pháp. Nhưng không thể ra lệnh “tổng hòa giải” với tham vọng dùng sắc lệnh để băng bó các vết thương hay dùng sự quên lãng để xóa đi những bất công. Ai có thể tự cho mình được quyền tha thứ nhân danh người khác? Thật cảm động khi thấy có những người có thể vượt lên nỗi đau để tha thứ, nhưng cũng thật nhân văn khi cảm thông với những ai không làm được như thế. Dù sao đi nữa thì sự lãng quên không bao giờ là giải pháp.

247. Chúng ta không được phép quên thảm họa *Shoah* (nạn tàn sát người Do Thái do Đức quốc xã gây ra). Đây là “biểu tượng cho thấy sự độc ác của con người có thể đẩy xa đến mức nào, khi mà người ta, bị những ý thức hệ sai lầm thúc đẩy, lại quên rằng mỗi con người đều có một phẩm giá nền tảng phải được tôn trọng tuyệt đối, dù họ thuộc chủng tộc hay theo tôn giáo nào”[231].

Nghĩ đến nạn diệt chủng này, tôi không thể không lặp lại lời cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin nhớ đến và thương xót chúng con. Xin ban cho chúng con ơn biết xấu hổ về những gì loài người chúng con đã làm, xấu hổ vì đã tôn thờ ngẫu tượng quá khích này, vì đã khinh miệt và huỷ hoại cốt nhục của chính mình, mà Chúa đã nặn lên từ bùn đất và đã thổi hơi để ban sự sống. Đừng bao giờ nữa, lạy Chúa, xin đừng bao giờ để điều ấy xảy ra lần nữa!”[232].

248. Chúng ta cũng không được phép quên vụ ném bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki. Một lần nữa, “tôi nhớ đến tất cả các nạn nhân, và tôi nghiêng mình trước nghị lực và phẩm giá của những người sống sót sau khoảnh khắc đầu tiên ấy, nhiều năm sau họ vẫn còn mang những đau đớn nhức nhối trong thân xác và những mầm mống của sự chết trong tinh thần làm tiêu hao sức sống của họ. [...] Chúng ta không được để thế hệ hiện tại và tương lai đánh mất ký ức về những gì đã xảy ra, ký ức ấy bảo đảm và thúc đẩy việc xây dựng một tương lai công bằng và huynh đệ hơn”[233]. Chúng ta cũng không được quên các vụ đàn áp, nạn buôn bán nô lệ, các cuộc tàn sát sắc tộc đã và vẫn còn xảy ra ở nhiều quốc gia, cũng như nhiều biến cố lịch sử khác khiến chúng ta phải xấu hổ về nhân loại của mình. Chúng ta phải luôn ghi nhớ những điều này, nhớ mãi mãi, không nguôi, không để cho mình trở nên chai lỳ.

249. Ngày nay, chúng ta rất dễ bị cám dỗ lật sang trang mới khi cho rằng những điều đó đã xảy ra lâu rồi và chúng ta phải hướng đến tương lai. Vì Chúa, xin đừng làm vậy! Không thể tiến bước nếu không nhớ lại quá khứ, không thể tiến bộ nếu không nhớ lại cách đầy đủ và rõ ràng. Chúng ta cần “giữ cho ngọn lửa lương tâm tập thể cháy mãi, bằng cách làm chứng cho các thế hệ nối tiếp về nỗi kinh hoàng của những gì đã xảy ra”, bởi vì chứng tá đó “thức tỉnh và gìn giữ ký ức của các nạn nhân, để lương tâm nhân loại ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn trước mọi tham vọng thống trị và hủy diệt”[234]. Chính các nạn nhân - các cá nhân, nhóm xã hội hay quốc gia nạn nhân - cũng cần đến điều ấy, để đừng sa vào nỗi trạng biện minh cho việc trả thù và mọi hình thức bạo lực, nhân danh những thiệt hại to lớn mà họ đã phải chịu. Vì thế, tôi không chỉ nói về việc nhớ đến những nỗi kinh hoàng, mà còn nhớ đến những người, trong cảnh huống vô nhân đạo và tồi tệ mà vẫn giữ được phẩm giá, và bằng những nghĩa cử lớn nhỏ, họ đã chọn các giá trị liên đới, tha thứ và huynh đệ. Thật là an vui khi nhớ lại những điều tốt đẹp.

Tha thứ nhưng không quên

250. Tha thứ không có nghĩa là quên đi. Hay nói cách khác, chúng ta vẫn có thể tha thứ khi có điều gì đó không có cách nào phủ nhận, tương đối hóa hay che giấu. Chúng ta vẫn có thể tha thứ khi có điều gì đó không bao giờ có thể dung thứ, biện minh hay bào chữa. Chúng ta vẫn có thể tha thứ khi có điều gì đó không được phép quên đi. Tha thứ cách tự do và chân thành là một hành vi cao quý, phản ánh lòng tha thứ vô biên của Thiên Chúa. Nếu tha thứ có tính nhưng không, thì

chúng ta có thể tha thứ cả cho những ai không hề hối lỗi và không có khả năng xin tha thứ.

251. Những ai thực sự tha thứ thì không quên, nhưng họ không chịu để cho chính cái sức mạnh huỷ diệt đã làm cho họ bị tổn thương ấy chi phối họ. Họ phá vỡ vòng luẩn quẩn của sự ác, ngăn chặn đà tiến của sức mạnh huỷ diệt. Họ quyết định không để cho xã hội bị tiêm nhiễm sức mạnh báo thù, mà sớm muộn gì nó cũng sẽ quay lại làm hại chính họ. Thật vậy, hành động trả thù chẳng bao giờ làm cho các nạn nhân được thỏa mãn thật sự. Có những tội ác khủng khiếp và tàn ác đến nỗi các hình phạt dành cho kẻ thủ ác không thể đem lại cảm giác tổn hại đã được đền bù. Ngay cả việc tử hình kẻ phạm tội cũng không đủ, và có lẽ cũng không thể tìm được hình thức hành hạ nào cho tương xứng với nỗi đau mà các nạn nhân đã phải gánh chịu. Trả thù không giải quyết được gì.

252. Song, chúng ta không nói đến việc tha phạt. Phải tìm kiếm công lý cách thích đáng chỉ vì lòng yêu mến chính công lý, vì tôn trọng các nạn nhân và để ngăn ngừa các tội phạm mới, bảo vệ công ích, chứ không phải để trút giận. Tha thứ chính là điều cho phép chúng ta theo đuổi công lý mà không rơi vào vòng luẩn quẩn của báo thù hay rơi vào tình trạng bất công của quên lãng.

253. Khi bất công xảy ra cho cả hai phía, cần phải thấy rõ rằng những bất công ấy có thể không có cùng mức độ nghiêm trọng như nhau hoặc không thể so sánh với nhau. Bạo lực do cơ cấu và quyền lực nhà nước thì không ở trên cùng một bình diện so với bạo lực do các nhóm riêng biệt gây ra. Dù sao chúng ta không thể đòi hỏi chỉ quan tâm đến những đau khổ của một phía. Các giám mục Croatia nói rằng: “Chúng ta phải tôn trọng mọi nạn nhân vô tội, tôn trọng như nhau. Ở đây không có sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, quốc gia hay chính trị”[235].

254. Tôi xin Thiên Chúa “dọn lòng chúng ta gặp gỡ anh chị em mình, vượt lên những khác biệt về tư tưởng, ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo. Chúng ta hãy xin Chúa lấy dầu của lòng thương xót mà xức toàn thể con người chúng ta; dầu này sẽ chữa lành những thương tích do sai trái, do hiểu lầm và xung đột. Chúng ta hãy xin Chúa sai chúng ta đi trên những con đường tìm kiếm hòa bình, đầy cam go nhưng cũng rất phong phú, với lòng khiêm tốn và hiền hòa”[236].

CHIẾN TRANH VÀ ÁN TỬ HÌNH

255. Có hai tình huống cực đoan có thể được người ta xem là giải pháp cho các tình thế đặc biệt bi thảm, mà không nhận ra đó là những giải pháp sai lầm, không giải quyết được vấn đề đặt ra mà rốt cuộc chỉ bồi thêm những yếu tố phá huỷ vào cơ cấu xã hội quốc gia và toàn cầu. Đó là chiến tranh và án tử hình.

Sự bất công của chiến tranh

256. “Lòng kẻ mưu điều ác chất đầy chuyện lừa đảo, người cổ võ hòa bình được chan chứa niềm vui” (Cn 12,20). Nhưng lại có những người đi tìm giải pháp nơi chiến tranh, vốn thường được nuôi

dường bởi sự đổ vỡ của các mối tương quan, tham vọng thống trị, sự lạm dụng quyền lực, nỗi sợ hãi của người khác và khuynh hướng xem sự khác biệt là trở ngại[237]. Chiến tranh không phải là bóng ma của quá khứ nhưng đã trở thành mối đe dọa thường xuyên. Thế giới ngày càng gặp nhiều trở ngại trên hành trình ngút ngàn kiếm tìm hòa bình, dẫu đã khởi sự và bắt đầu mang lại một vài hoa trái.

257. Vì các điều kiện khiến cho chiến tranh ngày càng lan rộng, tôi xin nhắc lại rằng “chiến tranh là sự phủ định tất cả các quyền và là cuộc tấn công gây thảm hại cho môi trường. Nếu muốn có được sự phát triển toàn diện và thực sự cho mọi người, chúng ta phải không ngừng nỗ lực ngăn chặn chiến tranh giữa các quốc gia và các dân tộc. Để đạt mục tiêu này, chúng ta cần tuân thủ nguyên tắc pháp quyền và cậy nhờ đến phương cách đàm phán, trung gian hòa giải và trọng tài, như *Hiến chương Liên hiệp quốc* đề nghị. Hiến chương này thực sự là quy chuẩn pháp lý nền tảng”[238]. Tôi muốn nhấn mạnh rằng 75 năm của Liên hiệp quốc và kinh nghiệm 20 năm đầu của thiên niên kỷ này cho thấy hiệu quả thực sự của việc áp dụng đầy đủ các quy chuẩn quốc tế, còn ngược lại thì chỉ gây tai họa. *Hiến chương Liên hiệp quốc* một khi được tôn trọng và áp dụng cách công minh và chân thành, sẽ là điểm tham chiếu bắt buộc cho công lý và là con đường dẫn đưa tới hòa bình. Nhưng điều này đòi hỏi phải vạch trần các ý định bất chính và không được đặt lợi ích riêng của một quốc gia hoặc một nhóm lên trên lợi ích chung của toàn thế giới. Nếu luật pháp được coi là công cụ để sử dụng khi có lợi và né tránh khi bất lợi, thì các quyền lực không kiểm soát được sẽ trở dậy và gây thiệt hại trầm trọng cho xã hội, cho người yếu thế, cho tình huynh đệ, cho môi trường và các kho tàng văn hóa, kéo theo những mất mát cho toàn thế giới không thể khôi phục lại được.

258. Thế nên, người ta dễ dàng chọn chiến tranh, che đậy bằng đủ thứ lý do như nhân đạo, tự vệ hay phòng vệ, thậm chí người ta còn thao túng cả truyền thông. Trên thực tế, trong những thập kỷ gần đây, mọi cuộc chiến tranh đều tự nhận là “chính đáng”. *Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo* có nói về việc được dùng sức mạnh quân sự để tự vệ cách chính đáng, nhưng với giả định phải chứng minh là đã đáp ứng đủ một số “điều kiện chặt chẽ liên quan đến tính chính đáng xét về mặt luân lý”[239]. Tuy nhiên, người ta rất dễ rơi vào việc giải thích quá rộng quyền có thể tự vệ này. Bằng cách này, người ta muốn biện minh cách trái lẽ cả những cuộc tấn công “phòng vệ” hay những hành vi chiến tranh, vốn rất khó tránh không gây ra “sự dữ và bất ổn còn tệ hơn sự dữ cần phải loại trừ”[240]. Vấn đề là từ khi vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học và sinh học phát triển, chưa kể đến các công nghệ mới với những ứng dụng rộng khắp và ngày càng hữu hiệu, chiến tranh đã có được sức mạnh hủy diệt không thể kiểm soát, gây hậu quả tàn khốc cho bao dân thường vô tội. Quả là “nhân loại chưa bao giờ có một thứ quyền lực lớn như thế trên chính mình, và chẳng có gì bảo đảm rằng họ sẽ luôn sử dụng quyền lực ấy cách khôn ngoan”[241]. Do đó, chúng ta không còn được phép nghĩ rằng chiến tranh là một giải pháp, bởi vì những tác hại do nó gây ra chắc hẳn bao giờ cũng lớn hơn lợi ích giả định được gán cho nó. Trước thực tế này, ngày nay rất khó dựa vào các tiêu chí hữu lý, đã được suy nghĩ thấu đáo trong các thế kỷ trước, để nói về khả năng gây ra một “cuộc chiến tranh chính đáng”. Đừng bao giờ gây chiến nữa![242]

259. Điều quan trọng cần nói thêm là với sự phát triển của toàn cầu hóa, những gì có vẻ như giải pháp tức thời hoặc thực dụng cho một nơi nào đó sẽ tạo ra một chuỗi các yếu tố bạo lực, thường không thể nhận thấy, cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh, mở đường cho những cuộc chiến mới, tồi tệ hơn trong tương lai. Trong thế giới ngày nay, không chỉ có những cuộc chiến tranh “đơn lẻ” tại quốc gia này hay quốc gia khác, mà chúng ta đang đối mặt với “cuộc chiến tranh thế giới từng phần”, bởi vì vận mệnh của các quốc gia gắn chặt với nhau trong bối cảnh toàn cầu.

260. Như Thánh Gioan XXIII đã nói: “Không còn có thể nghĩ rằng chiến tranh là phương tiện thích đáng để đòi công lý khi các quyền lợi bị xâm phạm”[243]. Ngài phát biểu điều này trong bối cảnh quốc tế đang trở nên rất căng thẳng bởi chiến tranh lạnh, qua đó nói lên khát vọng hòa bình mạnh mẽ vào thời đó. Ngài nhấn mạnh niềm xác tín rằng các lý do hậu thuẫn cho hòa bình thì mạnh hơn bất cứ tính toán nào gắn với lợi ích riêng và mạnh hơn bất cứ sự tín nhiệm nào đặt vào việc sử dụng vũ khí. Nhưng vì thiếu tầm nhìn về tương lai và thiếu ý thức cùng chia sẻ vận mệnh chung, nên người ta đã không tận dụng được cơ hội do việc kết thúc chiến tranh lạnh mang lại, như lẽ ra phải làm. Trái lại, người ta tiếp tục theo đuổi lợi ích riêng, không lưu tâm đến thiện ích toàn cầu. Thế là một lần nữa bóng ma hãi hùng của chiến tranh lại có đất sống.

261. Mọi cuộc chiến đều khiến cho thế giới trở nên tồi tệ hơn trước. Chiến tranh luôn là thất bại của chính trị và của nhân loại, là sự đầu hàng đáng xấu hổ, là cuộc tháo chạy trước các thế lực gian ác. Chúng ta đừng dừng lại ở các cuộc thương thảo lý thuyết, mà hãy chạm vào các vết thương, đụng đến da thịt của những người đau khổ. Chúng ta hãy nhìn vào biết bao thường dân bị giết hại, họ bị coi là “những tổn thất phụ”. Chúng ta hãy hỏi các nạn nhân. Chúng ta hãy nghĩ tới những người tị nạn, những người chịu hậu quả của phóng xạ nguyên tử hoặc các cuộc tấn công hóa học, những phụ nữ mất con và những đứa trẻ bị thương tật hoặc bị tước mất tuổi thơ. Chúng ta hãy nghe những nạn nhân của bạo lực ấy kể lại sự thật, hãy nhìn vào thực tại bằng con mắt của họ và lắng nghe những câu chuyện của họ bằng con tim rộng mở. Làm như thế, chúng ta mới có thể thấu hiểu vực thẳm của sự ác nơi tâm điểm chiến tranh và sẽ không còn bối rối khi bị coi là ngây thơ vì đã chọn hòa bình.

262. Ngay cả các quy tắc cũng chẳng đủ, nếu chúng ta nghĩ rằng giải pháp cho các vấn đề hiện tại là răn đe đối phương bằng sợ hãi, như đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học. Thật vậy, “nếu chúng ta xem xét các mối đe dọa chính yếu đối với hòa bình và an ninh cùng vô vàn chiều kích của chúng trong thế giới đa cực của thế kỷ XXI này, chẳng hạn như chủ nghĩa khủng bố, các xung đột phi đối xứng, an ninh mạng, các vấn đề môi trường, sự nghèo đói, thì không ít nghi ngờ sẽ nảy sinh liên quan đến sự bất cập của sách lược răn đe hạt nhân như cách ứng phó hiệu quả trước những thách thức này. Những lo ngại này càng lớn hơn khi chúng ta xem xét hậu quả của những thảm họa nhân đạo và môi trường do bất kỳ việc sử dụng vũ khí hạt nhân nào gây ra với những tác động tàn khốc, bừa bãi và không thể kiểm soát được của chúng, theo thời gian và không gian. [...] Chúng ta cũng phải tự hỏi rằng sự ổn định dựa trên sợ hãi có bền vững hay không, khi nó có xu hướng làm tăng nỗi sợ hãi và phá hoại các mối tương quan tin cậy giữa các dân tộc. Hòa bình và ổn định quốc tế không thể dựa trên cảm giác an toàn giả tạo, trên

sự đe dọa hủy diệt lẫn nhau hoặc hủy diệt hoàn toàn, hay chỉ trên việc duy trì sự cân bằng quyền lực. [...] Trong bối cảnh này, mục tiêu cuối cùng của việc loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân vừa trở thành một thách đố vừa là một mệnh lệnh đạo đức và nhân đạo. [...] Sự tương thuộc và toàn cầu hóa ngày một gia tăng có nghĩa là bất cứ đáp ứng nào của chúng ta đối với mối đe dọa vũ khí hạt nhân, đều phải mang tính tập thể và phối hợp, dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Sự tin tưởng này chỉ có thể được xây dựng thông qua cuộc đối thoại chân thành hướng đến thiện ích chung chứ không phải để bảo vệ các lợi ích ngầm hay lợi ích riêng”[244]. Và với nguồn tài chính đổ vào vũ khí và các chi tiêu quân sự khác, chúng ta hãy thành lập một ngân quỹ toàn cầu[245] để dứt khoát xóa bỏ nạn đói và giúp cho công cuộc phát triển ở các nước nghèo nhất; có như thế, người dân ở đó mới không phải tìm đến các giải pháp bạo lực hoặc gian dối và cũng không cần phải rời bỏ đất nước mình đi tìm một cuộc sống xứng đáng hơn ở nơi khác.

Án tử hình

263. Tuy nhiên, còn có một cách khác để loại trừ tha nhân mà không nhắm vào các quốc gia nhưng nhắm vào các cá nhân. Đó là án tử hình. Thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố rõ ràng và mạnh mẽ rằng: án tử hình là không thỏa đáng xét theo quan điểm luân lý, và không còn cần thiết xét theo quan điểm hình luật[246]. Không thể đi ngược lại lập trường này. Hôm nay, chúng tôi tuyên bố rõ ràng: “không thể chấp nhận án tử hình”[247] và Hội Thánh cương quyết kêu gọi hủy bỏ án tử hình trên toàn thế giới[248].

264. Trong Tân Ước, mặc dù người ta được yêu cầu đừng lấy ác báo ác (x. *Rm 12,17.19*), nhưng vẫn nhìn nhận nhà cầm quyền cần phải trừng phạt những ai làm điều ác (x. *Rm 13,4; 1Pr 2,14*). Quả thực, “đời sống của một cộng đồng nhân sinh có tổ chức cần phải có những quy tắc cho cuộc sống chung, mà sự cố tình vi phạm những quy tắc ấy đòi phải bị trừng trị đích đáng”[249]. Nói cách khác, nhà cầm quyền hợp pháp có thể và phải “giáng những hình phạt tương xứng với mức nghiêm trọng của các tội ác”[250] và để bảo đảm cho quyền phán định đó cần phải có “sự độc lập tất yếu trong lĩnh vực luật pháp”[251].

265. Ngay từ những thế kỷ đầu tiên của Hội Thánh, một số người đã công khai chống lại án tử hình. Chẳng hạn, Lactantius đã chủ trương rằng: “việc tước bỏ mạng sống con người luôn luôn là điều phi pháp, không có ngoại lệ nào cả”[252]. Đức giáo hoàng Nicolas I cổ vũ: “Hãy nỗ lực giải cứu không chỉ những người vô tội khỏi án tử hình, mà cả những người có tội nữa”[253]. Trong phiên tòa xét xử những kẻ sát hại hai linh mục, Thánh Augustinô đã yêu cầu thẩm phán đừng lấy mạng sống của những kẻ sát nhân này với lý lẽ sau đây: “Chúng tôi không phản đối việc quý tòa truất quyền tự do của những kẻ độc dữ này để họ không phạm thêm tội ác. Điều chúng tôi mong ước là công lý được thực hiện thỏa đáng mà không cần tước đi mạng sống hoặc gây bất kỳ thương tích nào trên thân thể họ. Đồng thời, chúng tôi cũng mong ước rằng qua những biện pháp cưỡng chế theo luật định, họ được chuyển biến từ những kẻ phần nộ mất lý trí thành những con người tỉnh táo bình tĩnh, từ những kẻ làm điều gian ác thành những con người biết làm điều hữu ích. Cả điều này cũng được coi là sự lên án, nhưng có ai lại không hiểu rằng khi bạo lực hung tàn được

kiềm chế và những phương thế cải hối được thi hành, thì phải coi đây là biện pháp mang lại lợi ích hơn là chỉ mang tính trừng phạt... Hãy ngăn chặn điều xấu nhưng đừng quên rằng phải có tình người. Ước chi việc hung ác của kẻ phạm pháp không khiến các ngài cảm thấy vui thích vì được trả thù, nhưng thay vào đó là ước muốn chữa lành những thương tích tâm hồn do những việc xấu kia làm tổn hại"[254].

266. Sự hãi và oán hận có thể dễ dàng dẫn tới việc nhìn xem sự trừng phạt như một cách trả thù, thậm chí là trả thù tàn độc, thay vì phải là một phần của tiến trình chữa lành và tái hội nhập xã hội. Ngày nay, "trong một số lĩnh vực chính trị và phương tiện truyền thông, thói ưa bạo lực và trả thù, dẫu là thù chung hay riêng, đang được kích động, không chỉ chống lại những kẻ phải chịu trách nhiệm về những tội họ đã phạm, nhưng chống lại cả những người tình nghi phạm pháp, dù có chứng cứ hay không. [...] Đôi khi còn có khuynh hướng cố tình tạo ra những kẻ thù, bằng cách tạo ra những nhân vật điển hình tập trung mọi đặc điểm mà xã hội nhận thấy hay suy diễn như là mối đe dọa. Cơ chế tạo thành những hình ảnh này cũng chính là cơ chế cho phép lan truyền những ý tưởng phân biệt chủng tộc vào thời phân biệt chủng tộc đó"[255]. Điều này đặc biệt nguy hiểm khi tại một số nước ngày càng áp dụng biện pháp giam giữ để phòng ngừa, bỏ tù không xét xử, và nhất là án tử hình.

267. Ở đây tôi muốn lưu ý rằng "Thật không thể tưởng tượng được tại sao ngày nay các chính quyền lại không còn cách nào khác ngoài án tử hình để bảo vệ dân chúng khỏi những kẻ hung hăng bất lương". Điều đặc biệt nghiêm trọng về phương diện này là những cuộc hành quyết được gọi là ngoại tụng hay ngoài pháp luật, vốn là những "tội giết người có chủ ý, do một số chính quyền và những viên chức nhà nước ra tay thực hiện, thường nguy tạo thành những cuộc đụng độ với các tội phạm hay được báo cáo như hậu quả vô tình của việc sử dụng vũ lực cách hợp lý, cần thiết và cân xứng, đúng theo quy định của pháp luật"[256].

268. "Những luận chứng chống lại án tử hình thì rất nhiều và được nhiều người biết đến. Hội Thánh, vào những dịp thích đáng, đã nhấn mạnh một số luận chứng này, như việc kết án có thể sai lầm cũng như những thể chế toàn trị và độc tài sử dụng hình phạt này như phương thế đàn áp bất đồng chính kiến hay bách hại các nhóm thiểu số tín ngưỡng và văn hóa, tất cả các nạn nhân này đều bị luật pháp của những chế độ nêu trên coi như là 'những tội phạm'. Tất cả các Kitô hữu và những người có thiện chí ngày nay đều được mời gọi không chỉ đấu tranh để xóa bỏ án tử hình dưới mọi hình thức, dù là xử theo luật pháp hay ngoài luật pháp, mà còn đấu tranh để cải thiện điều kiện lao tù, vì sự tôn trọng nhân phẩm của những người đã bị truất quyền tự do. Tôi muốn liên kết điều này với hình phạt tù chung thân. [...] Án tù chung thân là một án tử hình kín đáo"[257].

269. Chúng ta nên nhớ: "ngay cả kẻ sát nhân cũng không bị mất nhân phẩm, và chính Thiên Chúa bảo đảm điều này"[258]. Sự kiên định phi bác án tử hình là dấu chứng có thể cho chúng ta thấy chúng ta ở mức độ nào trong việc nhìn nhận phẩm giá không thể tước bỏ của mỗi người và chỗ đứng của người đó trong hoàn vũ này. Nếu tôi không chối bỏ phẩm giá đó của kẻ xấu xa nhất trong các phạm nhân, tôi sẽ không chối bỏ phẩm giá đó của bất cứ ai. Tôi sẽ để cho mọi người có

khả năng chia sẻ hành tinh này với tôi, bất kể mọi dị biệt giữa tôi và họ.

270. Tôi yêu cầu các Kitô hữu nào đang còn do dự về điểm này, và những ai toan nghiêng chiều theo bạo lực dưới mọi hình thức, hãy ghi nhớ những lời trong sách Isaia: “Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày” (2, 4). Đối với chúng ta, lời tiên tri này đã hóa thân trong Đức Giêsu Kitô là Đấng, khi thấy một môn đệ toan sử dụng bạo lực, đã cương quyết nói rằng: “Hãy xỏ gươm vào vỏ, vì tất cả những ai cầm gươm sẽ chết vì gươm” (Mt 26,52). Những lời này vang vọng lời cảnh báo xưa: “Ta sẽ đòi mỗi người phải đền mạng sống của người anh em mình. Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người đổ ra” (St 9, 5-6). Phản ứng này của Đức Giêsu, phát xuất từ trái tim Ngài, vượt qua khoảng cách hàng bao thế kỷ, lan truyền cho đến hôm nay như một lời kêu gọi trường kỳ.

CHƯƠNG TÁM

CÁC TÔN GIÁO PHỤC VỤ TÌNH HUYNH ĐỆ TRONG THẾ GIỚI CHÚNG TA

271. Các tôn giáo khác nhau đều góp phần quý giá xây dựng tình huynh đệ và bảo vệ công lý xã hội, khởi đi từ sự tôn trọng mỗi con người như một thụ tạo được Thiên Chúa mời gọi làm con của Ngài. Tín đồ các tôn giáo đối thoại với nhau không chỉ để tỏ ra biết ngoại giao, hòa nhã hay khoan dung. Theo lời các Giám mục Ấn Độ, “mục đích của đối thoại là để thiết lập tình hữu nghị, hòa bình, hòa hợp và để chia sẻ các giá trị và kinh nghiệm tâm linh và đạo đức trong tinh thần mến yêu và tôn trọng sự thật”[259].

NỀN TẢNG TỐI HẬU

272. Là tín hữu, chúng ta tin rằng: nếu không hướng về Chúa, là Cha của mọi người, thì sẽ không có lý do khả tín và vững chắc nào để mời gọi con người sống tình huynh đệ. Chúng ta xác tín rằng: “chỉ với ý thức chúng ta là con chứ không phải là những trẻ mồ côi, thì chúng ta mới có thể sống hòa thuận với nhau”[260]. Vì “tự thân, lý trí có thể nắm bắt được tính bình đẳng giữa con người và thiết lập cộng đồng xã hội dân sự, nhưng lý trí không thể nào tạo nên tình huynh đệ”[261].

273. Về phương diện này, tôi muốn trích dẫn những lời đáng ghi nhớ sau đây: “Nếu không có một chân lý siêu việt, mà khi tuân theo, con người hoàn thành được căn tính của mình, thì không có một nguyên lý nào bảo đảm cho những mối quan hệ đúng đắn giữa con người với nhau. Các lợi ích của giai cấp, của tập thể hay của quốc gia chắc chắn sẽ đặt họ vào thế chống đối lẫn nhau. Nếu người ta không thừa nhận chân lý siêu việt này, thì bạo quyền sẽ thống trị, thế rồi mỗi người sẽ chỉ lo tận dụng hết mức các phương tiện sẵn có để áp đặt lợi ích hay ý muốn của riêng mình, không đếm xỉa gì đến quyền lợi của người khác. [...] Vì thế phải thấy rằng chủ nghĩa toàn trị hiện đại có gốc rễ sâu xa từ việc phủ nhận phẩm giá siêu việt của con người, vốn là phản ánh hữu hình

của Thiên Chúa vô hình, vì thế, bởi chính bản tính của mình, con người là chủ thể của các quyền lợi không ai được phép xâm phạm - không một cá nhân, tập thể, giai cấp, quốc gia hay nhà nước nào được phép làm như thế cả. Thậm chí đa số của một thành phần xã hội nào đó cũng không được phép xâm phạm những quyền lợi này, bằng cách tự phong, chống lại nhóm người thiểu số”[262].

274. Từ kinh nghiệm đức tin của chúng ta và từ sự khôn ngoan tích lũy qua bao thế kỷ, nhưng cũng từ những bài học thâm耑 từ những yếu kém và thất bại của mình, chúng ta, những tín đồ của các tôn giáo khác nhau, đều biết rằng: chứng tá về Thiên Chúa mang lại lợi ích cho xã hội chúng ta. Nỗ lực tìm kiếm Thiên Chúa bằng một tấm lòng chân thành, miễn là không bị lợi dụng để phục vụ cho các lợi ích ý thức hệ hay các mục đích vị kỷ, giúp chúng ta nhìn ra nhau là những người bạn đồng hành, là anh chị em thực sự với nhau. Chúng ta xác tín rằng: “khi nhân danh một ý thức hệ, là người ta có ý loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi xã hội, rốt cuộc người ta sẽ đi đến chỗ tôn thờ ngẫu tượng, và chẳng bao lâu sẽ lạc đường, đồng thời phẩm giá của họ sẽ bị chà đạp và quyền lợi của họ sẽ bị xâm phạm. Quý vị đã quá rõ sự phủ nhận tự do của lương tâm và tự do tôn giáo đã gây ra biết bao đau khổ, và những vết thương này khiến cho nhân loại trở nên cùng khổ vì thiếu niềm hy vọng và những lý tưởng dẫn đường”[263].

275. Cần phải công nhận rằng “trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến thế giới ngày nay khủng hoảng là chuyện lương tâm con người trở nên chai cứng, là việc xa rời các giá trị tôn giáo và sự thắng thế của chủ nghĩa cá nhân cùng các triết lý duy vật, chủ trương thần thánh hóa con người, cũng như đưa những giá trị thể trần và vật chất lên vị trí những nguyên lý tối cao siêu việt”[264]. Thật là không thể chấp nhận được khi, trong những cuộc tranh luận công khai, chỉ những người quyền thế và các nhà khoa học mới được lên tiếng. Phải dành chỗ cho các suy tư nảy sinh từ các truyền thống tôn giáo, vốn tích chứa kinh nghiệm và khôn ngoan của hàng bao thế kỷ. Vì “các tác phẩm kinh điển tôn giáo có ý nghĩa ở mọi thời đại và có sức năng động”, tuy nhiên trong thực tế, “chúng thường bị khinh thường bởi quan điểm thiển cận của các thứ chủ nghĩa duy lý”[265].

276. Vì những lý do này, trong khi tôn trọng sự tự trị của sinh hoạt chính trị, Hội Thánh không giới hạn sứ mạng của mình chỉ ở lĩnh vực riêng tư. Ngược lại, “Hội Thánh không thể và không được đứng bên lề” trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, cũng không được sao nhãng “việc khơi dậy năng lực tâm linh” có thể góp phần tô điểm làm xã hội thêm xinh tươi[266]. Đúng là các các giáo sĩ không nên tham gia vào chính trị đảng phái vốn là lĩnh vực riêng của hàng giáo dân, nhưng các giáo sĩ cũng không thể khước từ chiều kích chính trị của cuộc hiện sinh[267], vốn bao hàm việc không ngừng chú ý đến thiện ích chung và quan tâm đến việc phát triển con người toàn diện. Hội Thánh “có vai trò xã hội vượt khỏi các hoạt động bác ái và giáo dục của mình”, nhằm thúc đẩy “sự thăng tiến của con người và của tình huynh đệ phổ quát”[268]. Hội Thánh không có ý tranh giành quyền lực trần thế, nhưng tự cố gắng như một “gia đình giữa các gia đình, ấy là gia đình Hội Thánh, sẵn sàng làm chứng cho thế giới hôm nay về lòng tin, về niềm hy vọng và về tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với những ai được Người yêu thương cách riêng.

Một ngôi nhà luôn mở rộng cửa

Hội Thánh là một ngôi nhà luôn mở rộng cửa, bởi vì Hội Thánh là mẹ”[269]. Và noi gương Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu, “chúng ta muốn là một Hội Thánh phục vụ, biết ra khỏi nhà và ra khỏi nơi phụng tự của mình, ra khỏi phòng thánh của mình, hầu có thể đồng hành với đời, nâng đỡ niềm hy vọng, làm dấu chỉ cho sự hiệp nhất, [...] xây dựng những cây cầu, phá đổ các bức tường, gieo những hạt giống hòa giải”[270].

Căn tính Kitô giáo

277. Hội Thánh quý trọng đường lối hoạt động của Thiên Chúa trong các tôn giáo khác, và “không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo ấy. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết của các tôn giáo [...] vẫn thường mang lại một tia sáng của chính chân lý đang chiếu soi tất cả mọi người”[271]. Tuy nhiên, là Kitô hữu, chúng ta không thể giấu giếm mà không nói lên rằng: “Nếu cung nhạc của Tin Mừng thôi âm vang trong cõi lòng chúng ta, chúng ta sẽ đánh mất: niềm vui trào tuôn từ lòng nhân ái, tình thương triu mến nảy sinh từ lòng trông cậy, khả năng hòa giải bắt nguồn từ nhận thức rằng chúng ta đã được tha thứ và sai đi. Nếu điệu nhạc của Tin Mừng thôi réo rắt trong các căn nhà của chúng ta, nơi quảng trường, nơi làm việc, nơi hoạt động chính trị và tài chính, thì chúng ta sẽ không còn nghe thấy giai điệu thôi thúc chúng ta bảo vệ phẩm giá của mỗi người”[272]. Những người khác uống từ những nguồn mạch khác. Còn đối với chúng ta, suối nguồn nhân phẩm và tình huynh đệ nằm trong Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô. Từ đó, “Phát sinh ưu tiên hàng đầu, trong suy tư Kitô giáo và trong hoạt động của Hội Thánh, đó là các mối tương quan, sự gặp gỡ với màu nhiệm thánh thiêng của tha nhân, sự thông hiệp phổ quát với toàn thể gia đình nhân loại như ơn gọi của mọi người”[273].

278. Hội thánh được kêu gọi thâm nhập mọi thực tại và đã hiện diện suốt bao thế kỷ ở khắp nơi trên thế giới, đó chính là ý nghĩa của từ “công giáo”. Thế nên, từ kinh nghiệm tự thân về ân sủng và tội lỗi, Hội thánh có thể thấu hiểu về đẹp của lời mời gọi sống tình yêu phổ quát. Thực vậy, “tất cả những gì thuộc về con người đều có liên quan đến chúng ta. [...] Ở bất cứ nơi đâu, khi hội đồng các dân các nước họp nhau lại, để xác lập về quyền lợi và nghĩa vụ của con người, thì chúng ta luôn lấy làm vinh dự được phép cùng tham gia với họ”[274]. Đối với nhiều hữu, hành trình của tình huynh đệ này cũng có một Người Mẹ, mang tên là Maria. Đức Maria đã nhận lãnh tình mẫu tử phổ quát này dưới chân thập giá (x. *Ga 19,26*). Mẹ không chỉ lưu tâm đến Chúa Giêsu, mà còn lưu tâm đến cả “những người còn lại trong dòng dõi của Mẹ” (x. *Kh 12,17*). Bằng quyền năng của Chúa phục sinh, Mẹ muốn hạ sinh một thế giới mới, nơi tất cả chúng ta đều là anh chị em với nhau, nơi có chỗ cho tất cả những ai bị xã hội loại bỏ, nơi công lý và hòa bình rực rỡ ánh huy hoàng.

279. Là Kitô hữu, chúng ta đòi hỏi cho mình phải được hưởng tự do trong những quốc gia ở đó Kitô hữu là thiểu số, như chính chúng ta tạo thuận lợi cho những người ngoài Kitô giáo tại những nơi họ là thiểu số cũng được hưởng tự do. Trên hành trình tiến tới tình huynh đệ và hòa bình,

không được phép bỏ quên một quyền căn bản của con người. Đó là quyền tự do tôn giáo cho các tín đồ của mọi tôn giáo. Quyền tự do này cho thấy chúng ta có thể “xây dựng một sự hòa thuận tốt đẹp giữa các nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Nó cũng chứng thực rằng những gì chúng ta có chung với nhau thì rất nhiều và quan trọng đến nỗi chúng ta có thể tìm ra phương cách chung sống yên hàn, trật tự và hòa bình, qua việc chấp nhận những khác biệt của nhau và vui mừng được là anh chị em với nhau, vì chúng ta đều là con của một Thiên Chúa duy nhất”[275].

280. Đồng thời, chúng ta cầu xin Chúa củng cố sự hiệp nhất trong Hội Thánh, qua sự hiệp nhất này Hội Thánh trở nên phong phú nhờ những dị biệt đã được hòa giải bởi tác động của Chúa Thánh Thần. Vì “chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể” (1 Cr 12,13), trong đó mỗi chi thể đều góp phần của mình. Như Thánh Augustinô đã nói: “Tai nhìn qua mắt, và mắt nghe bằng tai”[276]. Mặt khác, việc cấp bách là phải tiếp tục làm chứng cho hành trình gặp gỡ giữa các hệ phái Kitô giáo khác nhau. Chúng ta không thể nào quên được mong ước của Đức Kitô: “Chớ gì tất cả chúng nên một” (Ga 17,21). Trước lời kêu gọi này, chúng ta đau buồn mà thú nhận rằng tiến trình toàn cầu hóa vẫn còn thiếu sự đóng góp có tính tiên tri và tâm linh do sự hiệp nhất các Kitô hữu mang lại. Ấy vậy, “mặc dù còn đang trên đường hướng đến sự hiệp thông trọn vẹn, thì ngay từ bây giờ chúng ta vẫn có nhiệm vụ phải đưa ra một chứng từ chung về tình yêu của Thiên Chúa dành cho hết mọi người bằng cách cộng tác với nhau trong việc phục vụ nhân loại”[277].

TÔN GIÁO VÀ BẠO LỰC

281. Có thể tạo nên một tiến trình hòa bình giữa các tôn giáo. Xuất phát điểm của tiến trình đó phải là cách nhìn của Thiên Chúa. “Thiên Chúa không thấy bằng đôi mắt nhưng bằng trái tim của Ngài. Và Thiên Chúa yêu hết mọi người, bằng một tình yêu duy nhất, bất kể họ thuộc tôn giáo nào. Dầu họ có là vô thần, thì Ngài cũng vẫn yêu như vậy. Đến ngày tận thế, khi có đủ ánh sáng để nhìn xem mọi sự trên trần thế này đúng như chúng là, ta sẽ vô cùng ngạc nhiên”[278].

282. Do đó, “các tín hữu cần phải tìm cơ hội để đối thoại và cùng nhau phục vụ cho thiện ích chung và cho việc thăng tiến những người nghèo khổ nhất. Đây không phải là chuyện giảm nhẹ hay che giấu những xác tín sâu xa nhất của chúng ta khi gặp gỡ những người không suy nghĩ giống chúng ta. [...] Bởi lẽ căn tính chúng ta càng sâu xa, càng vững vàng, càng phong phú, thì chúng ta càng có khả năng phong phú hóa người khác bằng những đóng góp riêng của mình”[279]. Là tín hữu, chúng ta được thôi thúc trở về nguồn, ngõ hầu tập trung vào những gì là thiết yếu, đó là kính thờ Thiên Chúa và yêu thương người thân cận, không để cho có điều nào đó trong giáo huấn của chúng ta, vì tách rời khỏi bối cảnh cội nguồn, dẫn đến các hình thức khinh miệt, hận thù, bài ngoại hay chối từ tha nhân. Sự thật là bạo lực chẳng có nền tảng nào trong các xác tín tôn giáo căn bản của chúng ta, mà chỉ có trong việc giải thích cách lệch lạc các niềm xác tín ấy.

283. Việc thờ phượng Thiên Chúa trong chân thành và khiêm nhu “không sinh ra kỳ thị, hận thù và

bạo lực, nhưng đem lại sự tôn trọng tính thánh thiêng của sự sống, sự tôn trọng phẩm giá và tự do của tha nhân, và sự dấn thân hết tình lo cho hạnh phúc của mọi người”[280]. Quả thực, “ai không yêu thương là không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu” (1 Ga 4,8). Vì lý do này, “chủ nghĩa khủng bố là đáng bị ghét bỏ, vì nó đe dọa sự an toàn của con người - dù ở Đông hay Tây, Nam hay Bắc - và gieo rắc kinh hoàng, sợ hãi và bi quan, nhưng những điều này không phát xuất từ tôn giáo, ngay cả khi các kẻ khủng bố có lợi dụng danh nghĩa tôn giáo. Đúng hơn, chính do việc tích tụ dần những diễn giải sai lạc về các bản văn tôn giáo, và do hậu quả của những chính sách gây ra đói nghèo, bất công, áp bức và ngạo mạn. Bởi đó cần phải ngăn chặn sự hậu thuẫn của những phong trào khủng bố, bằng cách cắt nguồn cung cấp tài chánh, vũ khí, kế hoạch hoặc sự tuyên truyền biện minh và che đậy của truyền thông, đồng thời phải coi tất cả những điều này như những tội ác quốc tế đe dọa an ninh và hòa bình thế giới. Cần phải lên án nạn khủng bố như thể dưới mọi hình thái và cách thức biểu lộ của nó”[281]. Các xác tín tôn giáo về ý nghĩa thánh thiêng của sự sống con người cho phép chúng ta “thừa nhận những giá trị nền tảng của nhân tính chung, những giá trị mà nhân danh chúng, người ta có thể và phải cộng tác, xây dựng và đối thoại, tha thứ và phát triển; và như thế cũng cho phép quy tụ các giọng ca khác nhau để cùng hát lên một bài ca tuyệt mỹ và hòa hợp, thay vì những tiếng kêu cuồng tín của hận thù”[282].

284. Đôi khi bạo lực mang tính bảo thủ cực đoan được dung dưỡng trong ít nhiều nhóm, thuộc bất cứ tôn giáo nào, bởi sự bất cẩn của những người lãnh đạo. Tuy nhiên, “huấn lệnh hòa bình được khắc sâu trong các truyền thống tôn giáo mà chúng ta đại diện. [...] Trên cương vị những nhà lãnh đạo tôn giáo, chúng ta được mời gọi trở thành ‘những người đối thoại’ thực sự, để hợp tác trong việc kiến tạo hòa bình, không phải như những kẻ môi giới, nhưng như những người hòa giải đích thực. Những kẻ môi giới tìm cách cho mọi người được hưởng phần giảm giá, nhưng rốt cuộc chính những kẻ môi giới thu được những món lợi lớn hơn nhiều. Trái lại, các nhà hòa giải là những người không mưu cầu cho mình bất cứ điều gì, nhưng quảng đại bỏ công sức ra vận động và chỉ biết tìm mỗi lợi duy nhất là hòa bình. Mỗi người chúng ta được mời gọi trở nên nghệ nhân kiến tạo hòa bình, bằng cách hợp nhất chứ không chia rẽ, dập tắt hận thù chứ không nuôi dưỡng, mở ra những nẻo đường đối thoại chứ không xây thêm những bức tường ngăn cách”[283].

Lời kêu gọi khẩn khoản

285. Trong cuộc hội ngộ đầy tình huynh đệ của tôi với Đại giáo trưởng Ahmad Al-Tayyeb, khiến tôi rất vui mỗi khi nhớ lại, “chúng tôi kiên quyết tuyên bố rằng: các tôn giáo không bao giờ cổ vũ chiến tranh, không kích động lòng hờn căm, sự thù địch và chủ nghĩa cực đoan, cũng không xúi giục bạo lực hoặc đổ máu. Những tai ách này là hậu quả của sự sai trệch khỏi giáo huấn tôn giáo. Chúng phát xuất từ sự thao túng chính trị của các tôn giáo và từ những diễn giải của các nhóm người trong tôn giáo, mà đôi lúc trong lịch sử, họ đã lợi dụng ảnh hưởng của tình cảm tôn giáo trong lòng các thiện nam tín nữ [...]. Thực ra, Thiên Chúa là Đấng Toàn năng, không cần bất cứ ai bảo vệ, và cũng không muốn ai nhân danh Ngài mà khủng bố thiên hạ”[284]. Vì thế, ở đây tôi xin nhắc lại lời kêu gọi đắp xây hòa bình, công lý và tình huynh đệ mà chúng tôi đã cùng nhau lên tiếng:

“Nhân danh Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng hết thảy mọi người vốn bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, cùng mời gọi họ sống với nhau như anh chị em, sinh sản cho đầy mặt đất và loan truyền những giá trị thiện hảo, tình yêu và hòa bình trên khắp địa cầu;

“Nhân danh những sinh mạng vô tội mà Thiên Chúa đã cấm sát hại, khi khẳng định rằng ai giết hại một người thì giống như giết hại cả nhân loại, còn ai cứu sống một người thì giống như cứu sống cả nhân loại;

“Nhân danh những người nghèo khổ, những người bần cùng, những người túng quẫn và những người bị loại trừ mà Thiên Chúa đã truyền cho chúng ta phải giúp đỡ như nghĩa vụ của mỗi người, nhất là những người lắm của nhiều tiền;

“Nhân danh những trẻ mồ côi, những người goá bụa, những người tị nạn và những kẻ lưu vong phải sống xa quê hương xứ sở; nhân danh tất cả những nạn nhân của chiến tranh, đàn áp và bất công; nhân danh những người yếu kém, những người sống trong sợ hãi, những tù nhân chiến tranh và những người bị hành hạ tra tấn ở bất kỳ nơi nào trên thế giới, không phân biệt;

“Nhân danh những dân tộc bị mất an ninh, bình an và khả năng sống chung, trở thành nạn nhân của hủy diệt, điêu tàn và chiến tranh;

“Nhân danh *tình huynh đệ nhân loại* bao trùm tất cả mọi người, hiệp nhất mọi người và làm cho họ bình đẳng;

“Nhân danh *tình huynh đệ* này đang bị xâu xé bởi các chính sách cực đoan và chia rẽ, bởi các hệ thống lợi nhuận vô độ, hoặc bởi những xu hướng ý thức hệ đầy hận thù đang thao túng các hoạt động cũng như số phận của con người;

“Nhân danh sự tự do mà Thiên Chúa ban cho hết mọi người, tạo dựng nên họ có tự do, và làm cho họ thành đặc biệt quý trọng nhờ ân ban này;

“Nhân danh công lý và lòng thương xót, những nền tảng của sự thịnh vượng và viên đá góc của đức tin;

“Nhân danh tất cả những ai thành tâm thiện chí hiện diện khắp hang cùng ngõ hẻm trên mặt đất này;

“Nhân danh Thiên Chúa và mọi điều đã đề cập trên đây, [chúng tôi] tuyên bố lấy văn hóa đối thoại làm đường lối, sự hợp tác hỗ tương làm quy tắc ứng xử, sự hiểu biết lẫn nhau làm phương pháp và chuẩn mực”[285].

286. Những lúc trầm lắng suy tư về tình huynh đệ phổ quát này, tôi cảm thấy được thúc đẩy, cách riêng là bởi Thánh Phanxicô Assisi, nhưng cũng được thúc đẩy bởi nhiều anh chị em khác không thuộc Công giáo như Martin Luther King, Desmond Tutu, Mahatma Gandhi cùng nhiều vị khác nữa. Tuy nhiên, tôi muốn kết luận bằng cách đề cập đến một người nữa, là người có một niềm tin sâu xa, khởi đi từ trải nghiệm mãnh liệt về Thiên Chúa, đã thực hiện một hành trình biến đổi theo hướng cảm nhận mình là anh em của tất cả mọi người. Tôi muốn nói về Chân phước Charles de Foucauld.

287. Chân phước Charles quy hướng lý tưởng dâng hiến trót cả bản thân cho Thiên Chúa vào việc tự đồng hóa mình với những người nghèo khổ, những người bị bỏ rơi giữa sa mạc Châu Phi. Trong bối cảnh này, ngài đã diễn tả niềm khao khát được cảm nghiệm mọi người, bất kỳ ai, cũng đều là anh em của ngài[286], và ngài yêu cầu một người bạn: “Hãy xin Chúa cho tôi thực sự được làm người anh em của tất cả mọi người trong xứ sở này”[287]. Sau cùng, ngài muốn được là “người anh em của mọi người”[288]. Tuy nhiên, chỉ bằng cách tự đồng hóa với người nhỏ bé nhất, ngài mới trở thành người anh em của hết mọi người. Xin Thiên Chúa khơi dậy ước nguyện này nơi mỗi người chúng ta. Amen.

Kinh nguyện dâng lên Đấng Hóa Công

Lạy Chúa là Cha của gia đình nhân loại chúng con,
Chúa đã tạo dựng mọi người chúng con với cùng một phẩm giá,
xin tuôn đổ vào lòng chúng con tinh thần huynh đệ
và khơi dậy nơi chúng con ước mơ lại được gặp gỡ nhau,
ước mơ đối thoại với nhau, và ước mơ về công lý và hòa bình.
Xin thúc đẩy chúng con kiến tạo những xã hội lành mạnh hơn
và một thế giới có phẩm giá hơn, là thế giới không còn đói nghèo, bạo lực và chiến tranh.

Xin cho trái tim chúng con rộng mở
với mọi dân tộc và mọi quốc gia trên địa cầu,
để chúng con nhận biết sự thiện hảo và mỹ lệ
Chúa đã gieo trồng nơi mỗi người chúng con,
từ đó chúng con thắt chặt những mối dây liên kết, xây dựng những dự án chung,
và chia sẻ những nỗi niềm hy vọng. Amen.

Kinh nguyện đại kết

Lạy Thiên Chúa Ba Ngôi Từ Ái,

từ sự thông hiệp sâu xa của đời sống thần linh,
xin hãy tuôn đổ trên chúng con dòng thác yêu thương huynh đệ.
Xin ban cho chúng con tình yêu được biểu lộ qua những việc Chúa Giêsu đã làm,
trong Gia đình thánh tại Nazarét,
và trong cộng đoàn Kitô hữu thuở sơ khai.

Xin cho Kitô hữu chúng con biết sống Tin Mừng,
nhận ra Chúa Kitô nơi mỗi tha nhân,
nhận ra Người bị đóng đinh
trong nỗi thống khổ của những kẻ bị bỏ rơi
và những người bị quên lãng trong thế giới này,
cũng như nhận ra Chúa phục sinh
nơi mỗi anh chị em đang gượng đứng lên.

Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến!
Hãy tỏ cho chúng con về diễm lệ của Chúa,
phản ánh nơi mọi dân tộc trên mặt đất này,
để cho chúng con lại nhận biết rằng
tất cả mọi người đều quan trọng và cần thiết,
là những gương mặt khác nhau của cùng một nhân loại
được Thiên Chúa hết mực yêu thương. Amen.

Công bố tại Assisi, bên mộ Thánh Phanxicô, ngày 3 tháng Mười, áp lễ kính Thánh nhân, năm 2020, năm thứ tám triều Giáo hoàng của tôi.

PHANXICÔ

[1] *Admonitiones* (Huấn ngôn), 6, 1.

[2] *Ibid.*, 25.

[3] Thánh Phanxicô Assisi, *Regula non bullata* (Luật Không Sắc Chỉ), 16: 3.6.

[4] Eloi Leclerc, O.F.M., *Exil et tendresse*, Éd. Franciscaines (1962), p. 205.

[5] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4–5/02/2019, tr. 6.

- [6] *Diễn văn tại Cuộc Gặp gỡ Liên tôn và Đại kết với Giới trẻ*, Skopje, North Macedonia (07/05/2019): *L'Osservatore Romano*, 09/05/2019, tr. 9.
- [7] *Diễn văn tại Nghị viện Châu Âu*, Strasbourg (25/11/2014): AAS 106 (2014), 996.
- [8] *Gặp gỡ Giới chức Chính quyền, Xã hội Dân sự và Ngoại giao*, Santiago, Chile (16/01/2018): AAS 110 (2018), 256.
- [9] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 19: AAS 101 (2009), 655.
- [10] Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Giám mục *Christus Vivit* (25/03/2019), 181.
- [11] Hồng y Raul Silva Henriquez, *Bài giảng trong buổi hát kinh Te Deum*, Santiago de Chile (18/09/1974).
- [12] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 57: AAS 107 (2015), 869.
- [13] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Toà Thánh* (11/01/2016): AAS 108 (2016), 120.
- [14] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Toà Thánh* (13/01/2014): AAS 106 (2014), 83-84.
- [15] Cf. *Diễn văn với Tổ chức "Centesimus Annus pro Pontifice"* (25/05/2013): *Insegnamenti* I, 1 (2013), 238.
- [16] Cf. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967): AAS 59 (1967), 264.
- [17] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 22: AAS 101 (2009), 657.
- [18] *Diễn văn với Chính quyền Dân sự*, Tirana, Albania (21/09/2014): AAS 106 (2014), 773.
- [19] *Sứ điệp gửi các Tham dự viên Hội nghị Quốc tế về "Nhân quyền trong Thế giới Ngày nay: Những thành tựu, thiếu sót và tiêu cực"* (10/12/2018): *L'Osservatore Romano*, 10-11 tháng Mười Hai 2018, tr. 8.
- [20] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 212: AAS 105 (2013), 1108.
- [21] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2015* (08/12/2014), 3-4: AAS 107 (2015), 69-71.
- [22] *Ibid.*, 5: AAS 107 (2015), 72.
- [23] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2016* (08/12/2015), 2: AAS 108 (2016), 49.

- [24] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2020* (08/12/2019), 1: *L'Osservatore Romano*, 13 tháng Mười Hai 2019, tr. 8.
- [25] *Diễn văn về Vũ khí Hạt nhân*, Nagasaki, Japan (24/11/2019): *L'Osservatore Romano*, 25-26 tháng Mười Một 2019, tr. 6.
- [26] *Đối thoại với Giáo viên và Sinh viên tại San Carlo College ở Milano* (06/04/2019): *L'Osservatore Romano*, 8-9 tháng Tư 2019, tr. 6.
- [27] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng Hai 2019, tr. 6.
- [28] *Diễn văn với Giới hoạt động Văn hóa*, Cagliari, Italy (22/09/2013): *L'Osservatore Romano*, 23-24 tháng Chín 2013, tr. 7.
- [29] *Humana Communitas* (Cộng đồng nhân loại). Thư gửi Chủ tịch Hàn lâm viện Giáo hoàng về Sự Sống nhân Kỷ niệm 25 năm Thành lập (06/01/2019), 2.6: *L'Osservatore Romano*, 16 tháng Giêng 2019, tr. 6-7.
- [30] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26/04/2017): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng Tư 2017, tr. 7.
- [31] *Buổi Cầu nguyện Ngoại thường trong thời Đại dịch* (27/03/2020): *L'Osservatore Romano*, 29 tháng Ba 2020, tr. 10.
- [32] *Bài giảng Thánh lễ* tại Skopje, Bắc Macedonia (07/05/2019): *L'Osservatore Romano*, 8 tháng Năm 2019, tr. 12.
- [33] Cf. *Aeneid* 1, 462: "*Sunt lacrimae rerum et mentem mortalia tangunt*".
- [34] "*Historia... magistra vitae*" (Cicero, *De Oratore*, 2, 6).
- [35] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 204: AAS 107 (2015), 928.
- [36] Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Giám mục *Christus Vivit* (25/03/2019), 91.
- [37] Ibid., 92.
- [38] Ibid., 93.
- [39] Bênêđictô XVI, *Sứ điệp Ngày Thế Giới Di dân và Tị nạn 2013* (12/10/2012): AAS 104 (2012), 908.

- [40] Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Giám mục *Christus Vivit* (25/03/2019), 92.
- [41] *Sứ điệp Ngày Thế Giới Di dân và Tị nạn 2020* (13/05/2020): *L'Osservatore Romano*, 16 tháng Năm 2020, tr. 8.
- [42] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Toà Thánh* (11/01/2016): AAS 108 (2016), 124.
- [43] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Toà Thánh* (13/01/2014): AAS 106 (2014), 84.
- [44] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Toà Thánh* (11/01/2016): AAS 108 (2016), 123
- [45] *Sứ điệp Ngày Thế Giới Di dân và Tị nạn 2019* (27/05/2019): *L'Osservatore Romano*, 27-28 tháng Năm 2019, tr. 8.
- [46] Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Giám mục *Christus Vivit* (25/03/2019), 88.
- [47] Ibid., 89.
- [48] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19/03/2018), 115.
- [49] Trích trong phim *Pope Francis: A Man of His Word*, của Wim Wenders (2018).
- [50] *Diễn văn với Giới chức Lãnh đạo, Xã hội Dân sự và Ngoại giao*, Tallinn, Estonia (25/09/2018): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng Chín 2018, tr. 7.
- [51] *Buổi Cầu nguyện Ngoại thường trong thời Đại dịch* (27/03/2020): *L'Osservatore Romano*, 29 tháng Ba 2020, tr. 10; *Sứ điệp Ngày Thế giới Người Nghèo 2020* (13/06/2020), 6: *L'Osservatore Romano*, 14 tháng Sáu 2020, tr. 8.
- [52] *Lời chào mừng các Bạn trẻ tại Trung tâm Văn hóa Padre Félix Varela*, Havana, Cuba (20/09/2015): *L'Osservatore Romano*, 21-22 tháng Chín 2015, tr. 6.
- [53] Công đồng Vatican II, Hiến chế *Gaudium et Spes*, 1.
- [54] Thánh Irenaeus thành Lyons, *Adversus Haereses*, II, 25, 2: PG 7/1, 798ff.
- [55] *Talmud Bavli* (Babylonian Talmud), Shabbat, 3la.
- [56] *Bài nói chuyện với những người được các Tổ chức Bác ái của Giáo hội trợ giúp*, Tallinn, Estonia (25/09/2018): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng Chín 2018, tr. 8.
- [57] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26/04/2017): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng

Tư 2017, tr. 7.

[58] *Homiliae in Matthaeum*, 50: 3-4: PG 58, 508.

[59] *Sứ điệp gửi Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng*, Modesto, California, Hoa Kỳ (10/02/2017): AAS 109 (2017), 291.

[60] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 235: AAS 105 (2013), 1115.

[61] Thánh Gioan Phaolô II, *Sứ điệp gửi Những người Khuyết tật*, *Kinh Truyền Tin* ở Osnabrück, Đức (16/11/1980): *Insegnamenti* III, 2 (1980), 1232.

[62] Công đồng Vatican II, Hiến chế *Gaudium et Spes*, 24.

[63] Gabriel Marcel, *Du refus à l'invocation*, ed. NRF, Paris, 1940, 50.

[64] *Kinh Truyền Tin* (10/11/2019): *L'Osservatore Romano*, 11-12 tháng Mười Một 2019, 8.

[65] Cf. Thánh Tôma Aquinô: *Scriptum super Sententiis*, lib. 3, dist. 27, q. 1, a. 1, ad 4: "Dicitur amor extasim facere et fervere, quia quod fervet extra se bullit et exhalat".

[66] Karol Wojtyła, *Tình yêu và Trách nhiệm*, London, 1982, 126.

[67] Karl Rahner, *Kleines Kirchenjahr. Ein Gang durch den Festkreis*, Herderbücherei 901, Freiburg, 1981, 30.

[68] *Regula*, 53, 15: "*Pauperum et peregrinorum maxime susceptioni cura sollicite exhibeatur*".

[69] Cf. *Summa Theologiae*, II-II, 9.23, a. 7; Thánh Augustinô, *Contra Julianum*, 4, 18: PL 44, 748: "Những kẻ keo kiệt từ bỏ biết bao thú vui, để có thêm của cải hoặc vì sợ thấy của cải của mình với bớt!"

[70] "*Secundum acceptionem divinam*" (*Scriptum super Sententiis*, lib. 3, dist. 27, a. 1, q. 1, concl. 4).

[71] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25/12/2005), 15: AAS 98 (2006), 230.

[72] *Summa Theologiae* II-II, q. 27, a. 2, resp

[73] Cf. *ibid.*, I-II, q. 26, a. 3, resp.

[74] *Ibid.*, q. 110, a. 1, resp.

[75] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2014* (08/12/2013), 1: AAS 106 (2014), 22.

[76] Cf. *Kinh Truyền Tin* (29/12/2013): *L'Osservatore Romano*, 30-31 tháng Mười Hai 2013, tr. 7; *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Tòa Thánh* (12/01/2015): AAS 107 (2015), 165.

[77] *Sứ điệp Ngày Thế giới Những Người khuyết tật* (03/12/2019): *L'Osservatore Romano*, 4 tháng Mười Hai 2019, 7.

[78] *Diễn văn với Cộng đồng Tây Ban Nha và Các Nhóm Di dân tại Hội nghị Tự Do Tôn giáo*, Philadelphia, Pennsylvania, Hoa Kỳ (26/09/2015): AAS 107 (2015), 1050-1051.

[79] *Diễn văn với Giới trẻ*, Tokyo, Nhật Bản (25/11/2019): *L'Osservatore Romano*, 25-26 tháng Mười Một 2019, 10.

[80] Về nhận định này, tôi lấy cảm hứng từ tư tưởng của Paul Ricoeur, “Le socius et le prochain”, trong *Histoire et Vérité*, ed. Le Seuil, Paris, 1967, 113-127.

[81] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 190: AAS 105 (2013), 1100.

[82] *Ibid.*, 209: AAS 105 (2013), 1107.

[83] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 129: AAS 107 (2015), 899.

[84] *Sứ điệp gửi Sự kiện “Economy of Francesco”* (01/05/2019): *L'Osservatore Romano*, 12 tháng Năm 2019, 8.

[85] *Diễn văn tại Nghị viện Châu Âu*, Strasbourg (25/11/2014): AAS 106 (2014), 997.

[86] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 229: AAS 107 (2015), 937.

[87] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2016* (08/12/2015), 6: AAS 108 (2016), 57-58.

[88] Về mặt từ nguyên, bền vững (solidity) có liên quan với liên đới (solidarity). Liên đới, theo nghĩa đạo đức-chính trị trong suốt hai thế kỷ qua, dẫn đến một cấu trúc xã hội chắc chắn và bền vững

[89] *Bài giảng Thánh lễ*, Havana, Cuba (20/09/2015): *L'Osservatore Romano*, 21-22 tháng Chín 2015, 8.

[90] *Bài nói chuyện với các Tham dự viên tại Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng* (28/10/2014): AAS 106 (2014), 851-852.

[91] Cf. Thánh Basiliô, *Bài giảng XXI, Quod rebus mundanis adhaerendum non sit*, 3.5: PG 31,

545-549; *Regulae brevius tractatae*, 92: PG 31, 1145-1148; Thánh Phêrô Kim Ngôn, *Sermo* 123: PL 52, 536-540; Thánh Ambrôsiô, *De Nabuthe*, 27.52: PL 14, 738ff.; Thánh Augustinô, *In Iohannis Evangelium*, 6, 25: PL 35, 1436ff.

[92] *De Lazaro Concio*, II, 6: PG 48, 992D.

[93] *Regula Pastoralis*, III, 21: PL 77, 87.

[94] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 31: AAS 83 (1991), 831.

[95] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 93: AAS 107 (2015), 884.

[96] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14/09/1981), 19: AAS 73 (1981), 626.

[97] Cf. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 172.

[98] Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967): AAS 59 (1967), 268.

[99] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 33: AAS 80 (1988), 557.

[100] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 95: AAS 107 (2015), 885.

[101] *Ibid.*, 129: AAS 107 (2015), 899.

[102] Cf. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967): AAS 59 (1967), 265; Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 16: AAS 101 (2009), 652.

[103] Cf. Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 93: AAS 107 (2015), 884-885; Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 189-190: AAS 105 (2013), 1099-1100.

[104] Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ, *Thư Mục vụ Chống Chủ nghĩa Phân biệt chủng tộc Open Wide Our Hearts: The Enduring Call to Love* (tháng 11, 2018).

[105] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 51: AAS 107 (2015), 867.

[106] Cf. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 6: AAS 101 (2009), 644.

[107] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 35: AAS 83 (1991), 838.

- [108] *Diễn văn về Vũ khí Hạt nhân*, Nagasaki, Nhật Bản (24/11/2019): *L'Osservatore Romano*, 25-26 tháng Mười Một 2019, 6.
- [109] Cf. Các Giám Mục Mexico và Hoa Kỳ, *Thư Mục vụ về Di dân: "Strangers No Longer Together on the Journey of Hope"* (tháng Giêng 2003).
- [110] *Tiếp kiến chung* (03/04/2019); *L'Osservatore Romano*, 4 tháng Tư 2019, tr. 8.
- [111] Cf. *Sứ điệp Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn 2018* (14/01/2018): AAS 109 (2017), 918-923.
- [112] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng Hai 2019, tr. 7.
- [113] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Toà Thánh*, 11/01/2016: AAS 108 (2016), 124.
- [114] Ibid., 122.
- [115] Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Giám mục *Christus Vivit* (25/03/2019), 93.
- [116] Ibid., 94.
- [117] *Diễn văn với Các nhà lãnh đạo*, Sarajevo, Bosnia và Herzegovina (06/06/2015): *L'Osservatore Romano*, 7 tháng Sáu 2015, tr. 7.
- [118] *Latinoamérica. Conversaciones con Hernán Reyes Alcaide*, ed. Planeta, Buenos Aires, 2017, 105.
- [119] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng Hai 2019, tr. 7.
- [120] Bê-nê-đi-cô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 67: AAS 101 (2009), 700.
- [121] Ibid., 60: AAS 101 (2009), 695.
- [122] Ibid., 67: AAS 101 (2009), 700.
- [123] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 447.
- [124] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 234: AAS 105 (2013), 1115.
- [125] Ibid., 235: AAS 105 (2013), 1115.

[126] Ibid.

[127] Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn với các Đại biểu của giới Văn hóa Argentina*, Buenos Aires, Argentina (12/04/1987), 4: *L'Osservatore Romano*, 14 tháng Tư 1987, tr. 7.

[128] Cf. Id., *Diễn văn với Giáo triều Rôma* (21/12/1984), 4: AAS 76 (1984), 506.

[129] Tông huấn *Querida Amazonia* (02/02/2020), 37.

[130] Georg Simmel, *Brücke und Tür. Essays des Philosophen zur Geschichte, Religion, Kunst und Gesellschaft*, ed. Michael Landmann, Köhler-Verlag, Stuttgart, 1957, 6.

[131] Cf. Jaime Hoyos-Vásquez, S.J., “Lógica de las relaciones sociales. Reflexión onto-lógica”, *Revista Universitas Philosophica*, 15-16 (tháng Mười Hai 1990 – tháng Sáu 1991), Bogota, 95-106

[132] Antonio Spadaro, S.J., *Le orme di un pastore. Una conversazione con Papa Francesco*, in Jorge Mario Bergoglio - Papa Francesco, *Nei tuoi occhi è la mia parola. Omelie e discorsi di Buenos Aires 1999-2013*, Rizzoli, Milan 2016, XVI; cf. Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 220-221: AAS 105 (2013), 1110-1111.

[133] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 204: AAS 105 (2013), 1106.

[134] Cf. Ibid.: AAS 105 (2013), 1105-1106.

[135] Ibid., 202: AAS 105 (2013), 1105.

[136] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 128: AAS 107 (2015), 898.

[137] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn cạnh Tòa Thánh* (12/01/2015): AAS 107 (2015), 165; cf. *Bài nói chuyện với các Tham dự viên tại Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng* (28/10/2014): AAS 106 (2014), 851-859.

[138] Cũng có thể nói tương tự đối với phạm trù Nước Thiên Chúa trong Kinh Thánh.

[139] Paul Ricoeur, *Histoire et Vérité*, ed. Le Seuil Paris, 1967, 122.

[140] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 129: AAS 107 (2015), 899.

[141] Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 35: AAS 101 (2009), 670.

[142] *Bài nói chuyện với các Tham dự viên tại Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng* (28/10/2014): AAS 106 (2014), 858.

[143] Ibid.

[144] *Bài nói chuyện với các Tham dự viên tại Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng* (05/11/2016): *L'Osservatore Romano*, 7-8 tháng Mười Một 2016, tr. 4-5.

[145] Ibid.

[146] Ibid.

[147] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 189: AAS 107 (2015), 922.

[148] *Diễn văn với các Thành viên Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25/09/2015): AAS 107 (2015), 1037.

[149] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 175: AAS 107 (2015), 916-917.

[150] Cf. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 67: AAS 101 (2009), 700-701.

[151] Ibid.: AAS 101 (2009), 700.

[152] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 434.

[153] *Diễn văn với các Thành viên Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25/09/2015): AAS 107 (2015), 1037, 1041.

[154] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 437.

[155] Thánh Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Hoà Bình Thế giới 2004*, 5: AAS 96 (2004), 117.

[156] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 439.

[157] Cf. Ủy ban Xã hội của Hội đồng Giám mục Pháp, Tuyên ngôn *Réhabiliter la Politique* (17/02/1999).

[158] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 189: AAS 107 (2015), 922.

[159] Ibid., 196: AAS 107 (2015), 925.

[160] Ibid., 197: AAS 107 (2015), 925.

[161] Ibid., 181: AAS 107 (2015), 919.

[162] Ibid., 178: AAS 107 (2015), 918.

[163] Hội đồng Giám mục Bồ Đào Nha, Thư Mục vụ *Responsabilidade Solidária pelo Bem Comum* (15/09/2003), 20; cf. Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 159: AAS 107 (2015), 911.

[164] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 191: AAS 107 (2015), 923.

[165] Piô XI, *Bài nói chuyện với Liên đoàn Sinh viên Đại học Công giáo Ý* (18/12/1927): *L'Osservatore Romano*, 23 tháng Mười Hai 1927, tr. 3.

[166] Cf. Id, Thông điệp *Quadragesimo Anno* (15/05/1931): AAS 23 (1931), 206-207.

[167] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 205: AAS 105 (2013), 1106.

[168] Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 2: AAS 101 (2009), 642.

[169] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 231: AAS 107 (2015), 937.

[170] Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 2: AAS 101 (2009), 642.

[171] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 207.

[172] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (04/03/1979), 15: AAS 71 (1979), 288.

[173] Cf. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967), 44: AAS 59 (1967), 279.

[174] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 207.

[175] Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 2: AAS 101 (2009), 642.

[176] Ibid., 3: AAS 101 (2009), 643.

[177] Ibid., 4: AAS 101 (2009), 643.

[178] Ibid.

[179] Ibid., 3: AAS 101 (2009), 643.

[180] Ibid.: AAS 101 (2009), 642.

[181] Giáo huấn luân lý Công giáo, theo giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô, phân biệt hành vi “trực khởi” với hành vi “gián khởi”; cf. *Summa Theologiae*, I-II, qq. 8-17; M. Zalba, S.J., *Theologiae Moralis Summa. Theologia Moralis Fundamental. Tractatus de Virtutibus Theologicis*, ed. BAC, Madrid, 1952, vol. I, 69; A. Royo Marín, *Teología de la Perfección Cristiana*, ed. BAC, Madrid, 1962, 192-196.

[182] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 208.

[183] Cf. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30/12/1987), 42: AAS 80 (1988), 572-574; Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.

[184] *Bài nói chuyện với các Tham dự viên tại Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng* (28/10/2014): AAS 106 (2014), 852.

[185] *Diễn văn với Nghị viện Châu Âu*, Strasbourg (25/11/2014): AAS 106 (2014), 999.

[186] *Diễn văn tại Cuộc Gặp gỡ Giới chức chính quyền và Ngoại giao tại Cộng hoà Trung Phi*, Bangui (29/11/2015): AAS 107 (2015), 1320.

[187] *Diễn văn tại Liên Hiệp Quốc* (25/09/2015): AAS 107 (2015), 1039.

[188] *Bài nói chuyện với các Tham dự viên tại Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Đại chúng* (28/10/2014): AAS 106 (2014), 853.

[189] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng 2, 2019, tr. 6.

[190] René Voillaume, *Frères de tous*, ed. Cerf, Paris, 1968, 12-13.

[191] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26/04/2017): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng Tư 2017, tr. 7.

[192] *Tiếp kiến chung* (18/02/2015): *L'Osservatore Romano*, 19 tháng Hai 2015, tr. 8.

[193] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 274: AAS 105 (2013), 1130.

[194] Ibid., 279: AAS 105 (2013), 1132.

[195] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2019* (08/12/2018), 5: *L'Osservatore Romano*, 19 tháng Mười Hai 2018, tr.8

[196] *Gặp gỡ Các nhà lãnh đạo Chính trị, Kinh tế và Văn hóa của Brazil*, Rio de Janeiro, Brazil (27/07/2013): AAS 105 (2013), 683-684.

[197] Tông huấn *Querida Amazonia* (02/02/2020), 108.

[198] Trích trong phim *Pope Francis: A Man of His Word*, của Wim Wenders (2018).

[199] *Sứ điệp Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội 2014* (24/01/2014): AAS 106 (2014), 113.

[200] Hội đồng Giám mục Australia, Ủy ban Công lý xã hội, Truyền giáo và Phục vụ, *Making It Real: Genuine Human Encounter in Our Digital World* (tháng Mười Một 2019).

[201] Thông điệp *Laudato Si'* (24/05/2015), 123: AAS 107 (2015), 896.

[202] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (06/08/1993), 96: AAS 85 (1993), 1209.

[203] Người Kitô hữu chúng ta cũng tin rằng Thiên Chúa ban ơn giúp chúng ta hành động như anh chị em của nhau.

[204] Vinicius De Moraes, *Samba da Benção*, trong đĩa nhạc *Um encontro no Au bon Gourmet*, Rio de Janeiro (02/08/1962).

[205] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 237: AAS 105 (2013), 1116.

[206] Ibid., 236: AAS 105 (2013), 1115.

[207] Ibid., 218: AAS 105 (2013), 1110.

[208] Tông huấn *Amoris Laetitia* (19/03/2016), 100: AAS 108 (2016), 351.

[209] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2020* (08/12/2019), 2: *L'Osservatore Romano*, 13 tháng Mười Hai 2019, tr. 8.

[210] Hội đồng Giám mục Congo, *Sứ điệp gửi dân Chúa và những người nam nữ thiện chí* (09/05/2018).

- [211] *Diễn văn tại Cuộc gặp gỡ Hoà giải Quốc gia*, Villavicencio, Colombia (08/09/2017): AAS 109 (2017), 1063-1064, 1066.
- [212] *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới 2020* (08/12/2019), 3: *L'Osservatore Romano*, 13 tháng Mười Hai 2019, tr. 8.
- [213] Hội đồng Giám mục Nam Phi, *Thư Mục vụ về Niềm hy vọng Kitô giáo trong cuộc Khủng hoảng Hiện nay* (tháng Năm 1986).
- [214] Hội đồng Giám mục Hàn Quốc, *Lời kêu gọi của Giáo hội Công giáo tại Hàn Quốc về Hoà bình cho Bán đảo Triều Tiên* (15/08/2017).
- [215] *Gặp gỡ Các Lãnh đạo Chính trị, Kinh tế và Dân sự*, Quito, Ecuador (07/07/2015): *L'Osservatore Romano*, 9 tháng Bảy 2015, tr. 9.
- [216] *Gặp gỡ Liên tôn với Giới trẻ*, Maputo, Mozambique (05/09/2019): *L'Osservatore Romano*, 6 tháng Chín 2019, tr. 7.
- [217] *Bài giảng Thánh lễ*, Cartagena de Indias, Colombia (10/09/2017): AAS 109 (2017), 1086
- [218] *Gặp gỡ Giới chức Chính quyền, Ngoại giao, và các Đại biểu Xã hội Dân sự*, Bogota, Colombia (07/09/2017): AAS 109 (2017), 1029.
- [219] Hội đồng Giám mục Colombia, *Por el bien de Colombia: diálogo, reconciliación y desarrollo integral* (Vì lợi ích của Colombia: đối thoại, hòa giải và phát triển toàn diện) (26/11/2019), 4.
- [220] *Gặp gỡ Giới chức Chính quyền, Xã hội Dân sự và Ngoại giao*, Maputo, Mozambique (05/09/2019): *L'Osservatore Romano*, 6 tháng Chín 2019, tr. 6.
- [221] Hội Nghị Các Giám Mục Mỹ Latinh Và Vùng Caribê Lần Thứ Năm, *Aparecida Document* (29/06/2007), 398.
- [222] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 59: AAS 105 (2013), 1044.
- [223] Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 14: AAS 83 (1991), 810.
- [224] *Bài giảng Thánh lễ Cầu nguyện cho sự Phát triển các Dân tộc*, Maputo, Mozambique (06/09/2019): *L'Osservatore Romano*, 7 tháng Chín 2019, tr. 8.
- [225] *Nghi lễ Tiếp đón*, Sri Lanka (13/01/2015): *L'Osservatore Romano*, 14 tháng Giêng 2015, tr. 7.

- [226] *Gặp gỡ Thiếu nhi tại Trung tâm “Bethany” và Đại biểu các Trung tâm Bác ái ở Albania*, Tirana, Albania (21/09/2014): *Insegnamenti* II, 2 (2014), 288.
- [227] *Sứ điệp Video gửi Hội nghị TED ở Vancouver (26/04/2017)*: *L’Osservatore Romano*, 27 tháng Tư 2017, tr. 7
- [228] Piô XI, Thông điệp *Quadragesimo Anno* (15/05/1931): AAS 23 (1931), 213.
- [229] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 228: AAS 105 (2013), 1113.
- [230] *Gặp gỡ Giới chức Chính quyền, Xã hội Dân sự và Ngoại giao*, Riga, Latvia (24/09/2018): *L’Osservatore Romano*, 24-25 tháng Chín 2018, tr. 7.
- [231] *Nghi lễ Tiếp đón*, Tel Aviv, Israel (25/05/2014): *Insegnamenti* II, 1 (2014), 604.
- [232] *Thăm Đài Tưởng niệm Yad Vashem*, Jerusalem (26/05/2014): AAS 106 (2014), 228.
- [233] *Diễn văn tại Đài Tưởng niệm Hoà bình*, Hiroshima, Nhật Bản (24/11/2019): *L’Osservatore Romano*, 25-26 tháng Mười Một 2019, tr. 8.
- [234] *Sứ điệp Ngày Hoà Bình Thế giới 2020* (08/12/2019), 2: *L’Osservatore Romano*, 13 tháng Mười Hai 2019, tr. 8.
- [235] Hội đồng Giám mục Croatia, *Thư nhân dịp Kỷ niệm 50 năm kết thúc Thế Chiến thứ II* (01/05/1995).
- [236] *Bài giảng Thánh lễ*, Amman, Jordan (24/05/2014): *Insegnamenti* II, 1 (2014), 593.
- [237] Cf. *Sứ điệp Ngày Hoà Bình Thế giới 2020* (08/12/2019), 1: *L’Osservatore Romano*, 13 tháng Mười Hai 2019, tr. 8.
- [238] *Diễn văn với các Thành viên Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25/09/2015): AAS 107 (2015), 1041-1042.
- [239] Số 2309.
- [240] Ibid.
- [241] Thông điệp *Laudato Si’* (24/05/2015), 104: AAS 107 (2015), 888.
- [242] Thánh Augustinô, người đưa ra ý niệm “chiến tranh chính đáng” mà ngày nay chúng ta không còn ủng hộ, cũng nói rằng “lấy đối thoại để kết thúc chiến tranh và lấy hoà bình chứ không

phải chiến tranh để xây dựng hoà bình thì cao đẹp hơn là trao chiến tranh vào tay con người với gươm giáo” (*Epistola* 229, 2: PL 33, 1020).

[243] Thông điệp *Pacem in Terris* (11/04/1963): AAS 55 (1963), 291.

[244] *Sứ điệp gửi Hội nghị Liên Hiệp Quốc đàm phán về một công cụ ràng buộc hợp pháp để cấm vũ khí hạt nhân* (23/03/2017): AAS 109 (2017), 394-396.

[245] Cf. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967): AAS 59 (1967), 282.

[246] Cf. Thông điệp *Evangelium Vitae* (25/03/1995), 56: AAS 87 (1995), 463-464.

[247] *Diễn văn nhân Kỷ niệm 25 năm Ban hành Sách Giáo Lý Hội Thánh Công giáo* (11/10/2017): AAS 109 (2017), 1196.

[248] Cf. Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Thư gửi các Giám mục về việc hiệu chỉnh Số 2267 Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo về Ân Tử hình* (01/08/2018): *L'Osservatore Romano*, 3 tháng Tám 2018, tr. 8.

[249] *Diễn văn với Các Đại biểu Hiệp hội Quốc tế về Hình Luật* (23/10/2014): AAS 106 (2014), 840.

[250] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, 402.

[251] Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn với Hiệp hội Thẩm phán Quốc gia* (31/03/2000), 4: AAS 92 (2000), 633.

[252] *Divinae Institutiones* VI, 20, 17: PL 6, 708.

[253] *Epistola* 97 (*Responsa ad consulta Bulgarorum*), 25: PL 119, 991. “ipsi (Christo) non solum innoxios quosque, verum etiam et noxios a mortis exitio satagite cunctos eruere...”.

[254] *Epistola ad Marcellinum* 133, 1.2: PL 33, 509.

[255] *Diễn văn với Các Đại biểu Hiệp hội Quốc tế về Hình Luật* (23/10/2014): AAS 106 (2014), 840-841.

[256] *Ibid.*, 842.

[257] *Ibid.*

[258] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25/03/1995), 9: AAS 87 (1995), 411.

- [259] Hội đồng Giám mục Ấn Độ, *Đáp ứng của Giáo hội tại Ấn Độ trước những Thách đố hiện nay* (09/03/2016).
- [260] *Bài giảng Thánh lễ ở Domus Sanctae Marthae* (17/05/2020).
- [261] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 19: AAS 101 (2009), 655.
- [262] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), 44: AAS 83 (1991), 849.
- [263] *Diễn văn với Lãnh đạo các Tôn giáo khác và các Hệ phái Kitô giáo khác*, Tirana, Albania (21/09/2014): *Insegnamenti* II, 2 (2014), 277.
- [264] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng 2, 2019, tr. 6.
- [265] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24/11/2013), 256: AAS 105 (2013), 1123.
- [266] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25/12/2005), 28: AAS 98 (2006), 240.
- [267] “Con người là một con vật chính trị”, Aristotle, *Chính trị*, 1253a 1-3.
- [268] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29/06/2009), 11: AAS 101 (2009), 648.
- [269] *Diễn văn với Cộng đồng Công giáo*, Rakovski, Bulgaria (06/05/2019): *L'Osservatore Romano*, 8 tháng Năm 2019, tr. 9.
- [270] *Bài giảng Thánh lễ*, Santiago de Cuba (22/09/2015): AAS 107 (2015), 1005.
- [271] Công đồng Vatican II, *Nostra Aetate*, 2.
- [272] *Lời ngỏ tại Buổi Cầu nguyện Đại kết*, Riga, Latvia (24/09/2018): *L'Osservatore Romano*, 24-25 tháng Chín 2018, tr. 8.
- [273] *Lectio Divina*, Đại học Giáo hoàng Lateranô, Roma (26/03/2019): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng Ba 2019, tr. 10.
- [274] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Ecclesiam Suam* (06/08/1964): AAS 56 (1964), 650.
- [275] *Diễn văn với Giới chức Chính quyền Dân sự*, Bethlehem, Palestine (25/05/2014): *Insegnamenti* II, 1 (2014), 597.

[276] *Enarrationes in Psalmos* (Giải thích Thánh vịnh), 130, 6: PL 37, 1707.

[277] *Tuyên bố chung của Giáo hoàng Phanxicô và Thượng phụ Bartholomaios*, Jerusalem (25/05/2014), 5: *L'Osservatore Romano*, 26-27 tháng Năm 2014, tr. 6.

[278] Trích trong phim *Pope Francis: A Man of His Word*, của Wim Wenders (2018).

[279] Tông huấn *Querida Amazonia* (02/02/2020), 106.

[280] *Bài giảng Thánh lễ*, Colombo, Sri Lanka (14/01/2015): AAS 107 (2015), 139.

[281] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng Hai 2019, tr. 7.

[282] *Diễn văn với Giới chức Chính quyền Dân sự*, Sarajevo, Bosnia-Herzegovina (06/06/2015): *L'Osservatore Romano*, 7 tháng Sáu 2015, tr. 7.

[283] *Diễn văn tại Hội nghị Quốc tế vì Hòa Bình do cộng đoàn Sant' Egidio tổ chức* (30/09/2013): *Insegnamenti I*, 1 (2013), 301-302.

[284] *Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân loại vì Hoà bình thế giới và Chung sống*, Abu Dhabi (04/02/2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 tháng 2, 2019, tr. 6.

[285] Ibid.

[286] Cf. Charles de Foucauld, *Suy niệm về Kinh Lạy Cha* (23/01/1897).

[287] *Thư gửi Henry de Castries* (29/11/1901).

[288] *Thư gửi Madame de Bondy* (07/01/1902). Thánh Phaolô VI đã dùng những lời này để ca ngợi sự dẫn thân của vị Chân phước: Thông điệp *Populorum Progressio* (26/03/1967): AAS 59 (1967), 263.